

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH**

-----

**Trần Thị Lan Anh**

**KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG VIỆC  
GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG SƯ PHẠM  
CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÝ HỌC**

**Thành phố Hồ Chí Minh – 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH**

-----

**Trần Thị Lan Anh**

**KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG VIỆC  
GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG SƯ PHẠM  
CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG**

Chuyên ngành : **Tâm lý học**  
Mã số : **60 31 80**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÝ HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
TS. TRƯƠNG CÔNG THANH**

**Thành phố Hồ Chí Minh – 2012**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa được công bố trong các công trình khác.

Tác giả luận văn

**TRẦN THỊ LAN ANH**

## LỜI CẢM ƠN

*Tôi xin chân thành cảm ơn quý thầy cô Trường Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đặc biệt là những thầy cô Khoa Tâm lý giáo dục và những thầy cô đã giảng dạy cho tôi trong suốt thời gian học tập tại trường. Đặc biệt, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Tiến sĩ Trương Công Thanh, người hướng dẫn khoa học, đã tận tình hướng dẫn, nhận xét, góp ý, hỗ trợ và động viên tôi trong suốt quá trình thực hiện luận văn.*

*Đồng thời, tôi cũng xin chân thành cảm ơn các giảng viên, sinh viên Trường Đại học An Giang đã tạo điều kiện, nhiệt tình hỗ trợ và tích cực tham gia cùng tôi trong quá trình thực hiện luận văn.*

*Tôi xin chân thành cảm ơn đến các bạn, các anh, chị lớp Tâm lý K21, những người thân trong gia đình đã động viên giúp đỡ tôi trong quá trình học tập cũng như trong quá trình thực hiện luận văn này.*

Trần Thị Lan Anh

# MỤC LỤC

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Lời cảm ơn	
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt	
Danh mục các bảng	
Danh mục các biểu đồ	
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG SỰ PHẠM</b> .....	<b>5</b>
1.1. Lược sử nghiên cứu vấn đề.....	5
1.1.1. Những nghiên cứu về THSP và giải quyết THSP .....	5
1.1.2. Những nghiên cứu về khó khăn tâm lý, khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sự phạm.....	7
1.2. Những khái niệm của đề tài .....	12
1.2.1. Khó khăn tâm lý .....	12
1.2.2. Tình huống sự phạm.....	14
1.3. Một số vấn đề lý luận về khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sự phạm của sinh viên.....	22
1.3.1. Quan niệm về khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sự phạm của sinh viên .....	22
1.3.2. Biểu hiện khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sự phạm của sinh viên.....	24
1.3.3. Ảnh hưởng của khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sự phạm của sinh viên .....	30
1.3.4. Nguyên nhân gây ra khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sự phạm của sinh viên .....	31
<b>TIỂU KẾT CHƯƠNG 1</b> .....	<b>36</b>

<b>Chương 2. THỰC TRẠNG KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG SỰ PHẠM CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG</b> .....	37
2.1. Tổ chức nghiên cứu .....	37
2.1.1. Mục đích nghiên cứu .....	37
2.1.2. Mẫu nghiên cứu .....	37
2.1.3. Phương pháp nghiên cứu .....	38
2.2. Kết quả nghiên cứu thực trạng .....	42
2.2.1. Thực trạng khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sự phạm của sinh viên Trường Đại học An Giang .....	42
2.2.2. Ảnh hưởng của những khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sự phạm của sinh viên Trường Đại học An Giang .....	69
2.2.3. Nguyên nhân của KKTL trong việc giải quyết THSP của SV trường Đại học An Giang .....	73
2.3. Một số biện pháp nhằm giảm bớt những khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sự phạm của sinh viên Đại học An Giang .....	80
2.3.1. Cơ sở đề xuất biện pháp .....	80
2.3.2. Một số biện pháp cụ thể .....	84
<b>TIỂU KẾT CHƯƠNG 2</b> .....	89
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b> .....	90
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	93
<b>PHỤ LỤC</b>	

## **DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

- DHAG** : Đại học An Giang  
**KKTL** : khó khăn tâm lý  
**KĐ** : kiểm định  
**THSP** : tình huống sư phạm  
**SV** : sinh viên

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1	: Phân bố khách thể nghiên cứu.....	37
Bảng 2.2	: KKTL về mặt nhận thức của SV trong việc giải quyết THSP .....	43
Bảng 2.3	: So sánh tương quan KKTL về mặt nhận thức của SV trong việc giải quyết THSP về giới và bậc học .....	46
Bảng 2.4	: KKTL về mặt thái độ của SV trong việc giải quyết THSP .....	50
Bảng 2.5	: So sánh tương quan KKTL về mặt thái độ của SV trong việc giải quyết THSP về giới và bậc học .....	53
Bảng 2.6	: KKTL về mặt hành vi của SV trong việc giải quyết THSP .....	56
Bảng 2.7	: So sánh tương quan KKTL về mặt hành vi của SV trong việc giải quyết THSP về giới và bậc học .....	59
Bảng 2.8	: Kết quả giải quyết THSP giả định của SV .....	62
Bảng 2.9	: KKTL trong việc giải quyết các THSP giả định của SV .....	64
Bảng 2.10	: Các ảnh hưởng của KKTL trong việc giải quyết THSP.....	70
Bảng 2.11	: Những nguyên nhân khách quan .....	73
Bảng 2.12	: Những nguyên nhân chủ quan .....	77
Bảng 2.13	: Đánh giá của SV về mức độ cần thiết nhóm biện pháp đối với nhà trường .....	81
Bảng 2.14	: Đánh giá của SV về mức độ cần thiết nhóm biện pháp đối với giảng viên .....	82
Bảng 2.15	: Đánh giá của SV về mức độ cần thiết nhóm biện pháp đối với SV .....	83



## **DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ**

Biểu đồ 2.1 : KKTl về mặt nhận thức của SV trong việc giải quyết THSP.....	44
Biểu đồ 2.2 : KKTl về mặt thái độ của SV trong việc giải quyết THSP.....	51
Biểu đồ 2.3 : KKTl về mặt hành vi của SV trong việc giải quyết THSP.....	57
Biểu đồ 2.4 : Các ảnh hưởng KKTl trong việc giải quyết THSP.....	72
Biểu đồ 2.5 : Những nguyên nhân khách quan.....	76
Biểu đồ 2.6 : Những nguyên nhân chủ quan .....	79

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020 đã nêu rõ mục tiêu giáo dục đại học đến năm 2020: “... đào tạo ra những con người có năng lực sáng tạo, tư duy độc lập, trách nhiệm công dân, đạo đức và kỹ năng nghề nghiệp,...”. Một trong những giải pháp mang tính then chốt nhằm thực hiện mục tiêu này là “Thực hiện đổi mới toàn diện hệ thống đào tạo sư phạm, từ mô hình đào tạo tới nội dung và phương pháp đào tạo nhằm đào tạo đội ngũ giáo viên vững vàng về kiến thức khoa học cơ bản và kỹ năng sư phạm.”[ 33, tr 9 -10]

Trong “Chương trình phát triển ngành sư phạm và các trường sư phạm từ năm 2011 đến năm 2020” đã nêu một số yếu kém, bất cập trong các trường sư phạm hiện nay: “Các trường sư phạm còn chưa chú trọng đúng mức việc rèn luyện lí tưởng, phẩm chất đạo đức của sinh viên và việc đào tạo nghiệp vụ sư phạm; nội dung đào tạo sư phạm chưa đáp ứng yêu cầu của giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non; chậm đổi mới phương pháp đào tạo và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên; kết quả nghiên cứu khoa học giáo dục còn hạn chế.” [7, tr3]. Cũng trong chương trình này, “Đề án Nâng cao vai trò của các trường sư phạm trong công tác phát triển đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên” có nội dung: “Đổi mới nội dung, chương trình, giáo trình đào tạo giáo viên trong các trường sư phạm; tổ chức xây dựng chương trình đào tạo giáo viên theo hướng mở, trong đó đặc biệt coi trọng nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, coi trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, đạo đức nghề nghiệp, tăng thời lượng và nội dung đào tạo, thực hành, thực tập nghiệp vụ sư phạm.”[7, tr9]

Trong hoạt động sư phạm, năng lực giải quyết vấn đề trong giảng dạy và giáo dục được đánh giá là năng lực sư phạm chủ yếu của người giáo viên. Nó thể hiện ở khả năng giải quyết linh hoạt khéo léo các tình huống sư phạm, ở khả năng giúp học sinh tự lực chiếm lĩnh tri thức khoa học và tự tu dưỡng rèn luyện nhân cách. Khi giải quyết các tình huống sư phạm, người giáo viên phải có khả năng phân tích, tổng hợp, so sánh, trừu tượng hóa, khái quát hóa, phán đoán, suy luận và

kết luận trong quá trình tư duy độc lập, tích cực. Chính vì thế họ cũng gặp không ít khó khăn tâm lý trong quá trình giải quyết tình huống sư phạm, đặc biệt là sinh viên sư phạm với tư cách là người giáo viên tương lai.

Thực tế, những sinh viên có khả năng giải quyết tốt các tình huống sư phạm và hạn chế tối đa các khó khăn tâm lý tác động đến chúng thường là những sinh viên sẽ vững vàng trong hoạt động nghề nghiệp. Ngược lại, những sinh viên có khả năng giải quyết tình huống sư phạm kém hiệu quả là những sinh viên gặp khó khăn tâm lý và có thể sẽ mắc phải những sai lầm đáng tiếc khi giải quyết các tình huống sư phạm nảy sinh thậm chí cách giải quyết trái ngược với yêu cầu và chuẩn mực về mặt sư phạm.

Đại học An Giang, tiền thân là trường Cao đẳng sư phạm An Giang, cung cấp nguồn giáo viên không chỉ cho tỉnh An Giang mà còn cho một số tỉnh lân cận. Trong những năm vừa qua, nhà trường luôn đặt mục tiêu cải tiến phương pháp dạy và học nhằm đáp ứng yêu cầu người học có kiến thức vững vàng về chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp sau khi ra trường. Tuy nhiên, nhà trường chỉ mới chú trọng nhiều đến việc trang bị các kiến thức chuyên môn, lý thuyết cho sinh viên còn khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm vẫn ít được quan tâm. Hiện nay, trong chương trình đào tạo các ngành sư phạm các môn học như tâm lý học, giáo dục học, phương pháp giảng dạy bộ môn ngay cả môn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm,... chương trình nặng về lý thuyết, thời gian bố trí cho thực hành quá ít. Chính vì vậy, sinh viên sư phạm còn lơ đãng và gặp nhiều khó khăn tâm lý khi giải quyết các tình huống sư phạm.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi chọn đề tài: **“Khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên trường Đại học An Giang”**.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Khảo sát thực trạng về khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên trường Đại học An Giang, từ đó đề xuất một số biện pháp giúp sinh viên từng bước khắc phục những khó khăn trên.

### **3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu**

**3.1. Đối tượng nghiên cứu:** khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên trường Đại học An Giang.

**3.2. Khách thể nghiên cứu:** sinh viên khoa sư phạm trường Đại học An Giang.

### **4. Giới hạn phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Về đối tượng:**

Đề tài giới hạn trong phạm vi nghiên cứu sau:

- Nghiên cứu những KKTL trong việc giải quyết THSP trong quá trình thực tập, kiến tập của sinh viên trường Đại học An Giang được biểu hiện qua nhận thức, thái độ và hành vi.

- Nghiên cứu những KKTL qua việc giải quyết một số THSP giả định.

#### **4.2. Về khách thể nghiên cứu**

Khách thể nghiên cứu là 406 sinh viên khoa Sư phạm trường Đại học An Giang, gồm:

- Năm II khóa 35 (2009 – 2012) và năm III khóa 34 (2008 – 2011) hệ cao đẳng.

- Năm III khóa 10 (2008 – 2012) và năm IV khóa 9 (2007 – 2011) hệ đại học.

### **5. Giả thuyết khoa học**

Đa số sinh viên ngành sư phạm trường Đại học An Giang gặp nhiều khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm. Thực trạng này do nhiều nguyên nhân trong đó nguyên nhân chủ yếu là do sinh viên chưa có kinh nghiệm trong việc xử lý tình huống sư phạm, chương trình đào tạo các môn nghiệp vụ sư phạm còn nặng về lý thuyết.

### **6. Nhiệm vụ nghiên cứu**

**6.1.** Hệ thống hóa những vấn đề lý luận có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

**6.2.** Khảo sát thực trạng khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên Đại học An Giang.

**6.3.** Đề xuất một số biện pháp nhằm giảm bớt khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên Đại học An Giang.

## **7. Phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi sử dụng hệ thống phương pháp sau:

### **7.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu**

Thu thập những tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu, phân tích, tổng hợp các tài liệu, như: tình huống, tình huống sư phạm, khó khăn tâm lý, khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm,... phục vụ cho việc nghiên cứu nhằm làm rõ các vấn đề lý luận của vấn đề cần nghiên cứu.

### **7.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

Đề tài sử dụng một số phương pháp phối hợp với nhau, trong đó phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp quan trọng nhất, các phương pháp còn lại là phương pháp bổ trợ.

#### **7.2.1. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi**

Sử dụng bảng câu hỏi để:

- Đánh giá thực trạng khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên Đại học An Giang.
- Tìm hiểu nguyên nhân gây ra khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên Đại học An Giang.
- Đề xuất của sinh viên đối với nhà trường, giảng viên và với bản thân trong việc khắc phục các KKTL trong việc giải quyết THSP.

#### **7.2.2. Phương pháp phỏng vấn**

Tiến hành phỏng vấn một số SV và giáo viên nhằm thu thập thêm thông tin, giải thích và đánh giá về mức độ biểu hiện những khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên Đại học An Giang và nguyên nhân của thực trạng.

Nội dung phỏng vấn được ghi thành biên bản (Phụ lục 4, 5).

### **7.3. Phương pháp thống kê toán học**

Sử dụng phương pháp xử lý thống kê bằng phần mềm SPSS 13.0 for window để xử lý và phân tích số liệu của luận văn.

# Chương 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG SỰ PHẠM

### 1.1. Lược sử nghiên cứu vấn đề

#### 1.1.1. Những nghiên cứu về THSP và giải quyết THSP

❖ Ở nước ngoài, có rất nhiều nghiên cứu về tình huống có vấn đề trong hoạt động sư phạm, điển hình là các nghiên cứu của các nhà khoa học ở Liên Xô (cũ). Điển hình như T.V. Cudriaxep với “Một số vấn đề tâm lý học dạy học nêu vấn đề”(1967), A.M. Machiuskin với “Tình huống có vấn đề trong tư duy và dạy học” (1972), đặc biệt I.Ia Lence và V.Ôkôn với “Dạy học nêu vấn đề” (1972) và “Những cơ sở của dạy học nêu vấn đề” (1976). Các nghiên cứu trên đã làm sáng tỏ các vấn đề có liên quan như: vấn đề, tình huống có vấn đề, cấu trúc tình huống có vấn đề, phân loại tình huống có vấn đề, kỹ năng giải quyết tình huống có vấn đề. Mục đích của việc nghiên cứu đều hướng vào phát triển tư duy, trí tuệ cho học sinh, nhờ đó học sinh nắm vững bản chất của hệ thống khái niệm thuộc các môn học. [30, tr8]

Một số nhà nghiên cứu đi sâu tìm hiểu tình huống có vấn đề diễn ra trong giao tiếp sư phạm, trong giáo dục học sinh như Bônđarencô với “Tình huống có vấn đề trong giao tiếp sư phạm” (1984) đã nhận định trong hoạt động sư phạm cách giải quyết các tình huống có xung đột có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi vì nó là một yếu tố hình thành nhân cách [ dẫn theo 25, tr23]. Các tác giả L.Ph. Xpirin, M.L. Phrumxki, M.A. Xtrepinxki với “ Phân tích những tình huống giáo dục – dạy học và giải quyết các bài tập sư phạm” (1974) đã coi những THSP được lựa chọn là những bài tập mà sinh viên phải giải quyết, qua đó nắm vững được cách thức, thủ thuật tạo ra ảnh hưởng đến nhân cách học sinh.

Ngoài ra, tác giả X.L.Kixêgov đã phân tích khá sâu về hoạt động sư phạm có đối tượng là con người, hoạt động này rất phức tạp, đòi hỏi sự sáng tạo, không thể hành động theo một khuôn mẫu cứng nhắc, mà khi xử lý các THSP đòi hỏi tính mềm dẻo ở mức độ cao. Và tác giả N.I. Bônđarepxcaia trong tác phẩm “Sự khéo léo

ứng xử sư phạm” đã đề cập đến vấn đề chuẩn bị cho SV làm công tác giáo dục ở nhà trường phổ thông. Trong đó ông nhấn mạnh vai trò của năng lực sư phạm đối với nghề thầy giáo. Theo ông, những yêu cầu về chuyên môn của người thầy không phải chỉ ở những kiến thức phong phú, mà còn phải ở những năng lực cần thiết để tổ chức và thực hành công tác giáo dục, trong đó không thể thiếu việc giải quyết khéo léo, linh hoạt các THSP. [30, tr9]

❖ Ở Việt Nam, THSP và giải quyết THSP cũng được nghiên cứu nhiều:

Tác giả Phan Thế Sung và Lưu Xuân Mới với các tác phẩm “Những cách xử thế trong quản lý trường học” (1998) và “Tình huống và cách ứng xử trong quản lý giáo dục và đào tạo” (2000) đã cho rằng tình huống quản lý trường học là sự kiện, vụ việc, hoàn cảnh có vấn đề khẩn trương, cấp bách nảy sinh trong quá trình tổ chức, chỉ đạo hoạt động giáo dục đào tạo.[28]

Các tác phẩm “Bài tập thực hành tâm lý” (1990) do Trần Trọng Thủy chủ biên, “Bài tập thực hành tâm lý học và giáo dục học” (1992) và “Tình huống có vấn đề trong giáo dục mầm non” (1996) do Nguyễn Ánh Tuyết chủ biên, “Bài tập thực hành giáo dục học” (1992) và “Thực hành về giáo dục học” (1995) của Nguyễn Đình Chính – Trần Ngọc Diễm... đã nhấn mạnh việc giải quyết các THSP dưới dạng các bài thực hành tâm lý học và giáo dục học sẽ giúp người học củng cố, đào sâu những kiến thức lý luận, tập vận dụng những tri thức để xử lý các THSP qua đó hình thành kỹ năng, kỹ xảo giáo dục, phát triển tính tích cực và tư duy sư phạm sáng tạo, nâng cao lòng yêu nghề, mến trẻ. [ 13, tr9]

Các tác giả: Nguyễn Ánh Tuyết, Ngô Công Hoàn, Hoàng Anh, Trần Thị Quốc Minh [16,25,30] đã nghiên cứu các THSP và cách giải quyết các THSP xảy ra trong giao tiếp, ứng xử giữa giáo viên và học sinh, giữa cô và các cháu ở lứa tuổi mầm non. Theo các tác giả, tình huống sư phạm là tình huống đòi hỏi cá nhân hay tập thể các nhà sư phạm phải tìm kiếm và sử dụng các phương tiện, phương pháp mới cho hoạt động của mình.

Tác giả Lã Văn Mến đã nghiên cứu về các yếu tố cấu thành nên THSP, thực trạng kỹ năng giải quyết THSP của SV trường Cao đẳng sư phạm Nam Định, bước

đầu đề cập đến vấn đề hình thành đến kỹ năng giải quyết THSP cho SV. Theo tác giả, THSP là tình huống có vấn đề đối với nhà giáo dục, khi mâu thuẫn của quá trình giáo dục được bộc lộ rõ trong quá trình giáo dục của họ. Tác giả cũng cho rằng giải quyết THSP có ảnh hưởng toàn diện và lâu dài đến hoạt động giáo dục của người giáo viên, mỗi THSP được giải quyết sẽ đem lại cho giáo viên bài học về học sinh, về nguyên tắc hay phương pháp giáo dục, về chính mình,... qua đó, họ sẽ trưởng thành hơn, hoàn thiện hơn. [24].

Tác giả Bùi Thị Mùi với cuốn “THSP trong công tác giáo dục học sinh trung học phổ thông” (2008) đã nêu rất rõ các vấn đề liên quan đến THSP như khái niệm, cấu trúc, phân loại THSP cũng như đã nghiên cứu cách xây dựng và sử dụng THSP trong công tác chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông. [ 26]

Hầu hết các tác giả đều thống nhất cho rằng: THSP là tình huống có vấn đề nảy sinh trong quá trình dạy học và giáo dục, việc giải quyết tốt các THSP là thể hiện năng lực sư phạm của người giáo viên, khả năng giải quyết THSP của sinh viên còn hạn chế cần được rèn luyện thường xuyên, liên tục, việc nâng cao năng lực giải quyết THSP cho sinh viên là một nhiệm vụ chủ yếu, cần được quan tâm của các trường sư phạm.

### ***1.1.2. Những nghiên cứu về khó khăn tâm lý, khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm***

❖ Ở nước ngoài:

Các công trình nghiên cứu về KKTL và KKTL trong hoạt động giao tiếp được một số tác giả quan tâm, tuy nhiên các nghiên cứu về KKTL trong giải quyết THSP còn rất ít.

Trường phái phân tâm học đã nghiên cứu về KKTL được biểu hiện thông qua hoạt động và hành vi. Trong cuốn “The Psychopathology of everyday life” (1914) của Sigmund Freud đã nêu lên và phân tích những KKTL của con người diễn ra hàng ngày như: hay quên, nói nhịu, lo âu, sợ hãi, căng thẳng khó kiềm chế cảm xúc, ham muốn, khó điều khiển kiểm soát được hành vi của mình. Những biểu hiện này đều có nguyên nhân sâu xa chi phối bởi những mặc cảm, ám ức ... vô thức.



Những KKTL đó không được giải tỏa, điều trị sẽ lặp đi lặp lại thành bệnh lý. [30,tr12]

Ngoài ra đã có nhiều nghiên cứu về vấn đề KKTL, chủ yếu là những nghiên cứu về KKTL trong giao tiếp.

Tác giả GMA. Andrêva, khi phân tích chức năng thông tin của giao tiếp chỉ ra một vài nguyên nhân làm nảy sinh các KKTL trong quá trình giao tiếp. Đó là sự khác biệt về tôn giáo, ngôn ngữ, nghề nghiệp, thiếu đồng nhất trong nhận thức THSP giữa các thành viên tồn tại giữa các cá nhân tham gia giao tiếp hoặc do đặc điểm tâm lý cá nhân. Như vậy, ở công trình nghiên cứu này tác giả đã phát hiện ra một số nguyên nhân làm nảy sinh ra KKTL trong quá trình giao tiếp. [30,tr12]

Hai tác giả H. Hippơ và M.Phorvec, trong khi lý giải chức năng của giao tiếp đã nêu ra các yếu tố gây khó khăn giao tiếp đó là: người phát tin không có khái niệm chính xác về người cùng giao tiếp, người phát tin che dấu lý do về thông tin hoặc những lý do đó không rõ đối với bản thân người phát tin, do sự khác nhau của hoàn cảnh, lập trường, văn hoá, do khoảng cách quá lớn.[21, tr8]

Đến năm 1985 E.V.Sucanova đã đánh dấu mốc quan trọng trong việc nghiên cứu vấn đề KKTL trong giao tiếp bằng việc đưa ra cuốn sách “Những khó khăn của giao tiếp liên nhân cách”. Trong công trình này tác giả đề cập đến những vấn đề sau:

- Bản chất tâm lý của những khó khăn trong giao tiếp liên nhân cách.
- Vị trí của hiện tượng giao tiếp, khó khăn trong cấu trúc của các vấn đề tâm lý xã hội.
- Những đặc điểm của việc nhận thức các nguyên nhân gây ra khó khăn trong giao tiếp công việc.
- Nghiên cứu thực nghiệm về ảnh hưởng của các yếu tố khó khăn đến quá trình giao tiếp công việc.

Qua công trình này tác giả đã phát hiện được một số khó khăn trong giao tiếp và nguyên nhân nảy sinh chúng. Song tác giả chưa đưa ra được khái niệm KKTL trong giao tiếp và chưa phân loại chúng một cách cụ thể. [21,tr9]

Năm 1996, tác giả V.A. Cancalic khi nghiên cứu giao tiếp sư phạm của giáo viên đã nêu ra một số trở ngại tâm lý của sinh viên sư phạm đó là: [21,tr9]

- Không biết cách dàn xếp tổ chức một cuộc tiếp xúc.
- Không hiểu được đặc điểm của đối tượng giao tiếp.
- Thụ động trong giao tiếp.
- Có tâm trạng lo lắng, sợ hãi.
- Lúng túng khi điều khiển trạng thái tâm lý của bản thân khi giao tiếp.
- Không biết cách xây dựng mối quan hệ qua lại và đổi mới quan hệ đó theo nhiệm vụ sư phạm.
- Bắt chước máy móc cách ứng xử của giáo viên khác.

Như vậy, KKTL trong giao tiếp và giao tiếp sư phạm đã có một số tác giả quan tâm, nghiên cứu, các tác giả đã phát hiện và kể ra một số KKTL, nguyên nhân làm nảy sinh những khó khăn trong giao tiếp cũng như giao tiếp sư phạm. Tuy nhiên các tác giả này chưa đi sâu nghiên cứu khái niệm và bản chất của KKTL trong giao tiếp, giao tiếp sư phạm và những nghiên cứu về những KKTL trong việc giải quyết THSP ít được các tác giả quan tâm.

❖ Ở Việt Nam, những công trình nghiên cứu về KKTL trong một số hoạt động được nhiều tác giả quan tâm, nghiên cứu, cụ thể:

Trước hết là những nghiên cứu về KKTL trong giao tiếp của học sinh, sinh viên:

Tác giả Nguyễn Thị Thanh Bình với luận án “Nghiên cứu những trở ngại tâm lý trong giao tiếp của sinh viên với học sinh khi thực tập tốt nghiệp” (1996) [5]. Đây là công trình nghiên cứu khoa học đầu tiên nghiên cứu đầy đủ về lý luận và thực tiễn về KKTL trong giao tiếp. Tác giả đưa ra được khái niệm, chỉ ra được bản chất, nguyên nhân, phân loại và ảnh hưởng của KKTL đến kết quả của quá trình giao tiếp, đồng thời bước đầu thử nghiệm thành công biện pháp tác động nhằm khắc phục trở ngại tâm lý trong giao tiếp. Tác giả đưa ra một số trở ngại tâm lý sau đây:

- Lúng túng khi điều khiển giao tiếp với học sinh.
- Sợ mắc sai lầm sư phạm.

- Không trùng hợp tâm thế giữa sinh viên và học sinh.
- Chưa làm chủ trạng thái tâm lý của bản thân.
- Thiếu tiếp xúc với học sinh.
- Hiểu chưa đầy đủ về học sinh.
- Sợ lớp học .

Tác giả Huyền Phan với bài viết “Những trở ngại tâm lý trong giao tiếp” (1995) đã cho biết trong nhiều tình huống giao tiếp, chủ thể giao tiếp không đạt được mục đích vì bị các trở ngại tâm lý ngăn cản, như: do ác cảm, ấn tượng không tốt trong giao tiếp; do có định kiến, thông tin sai lệch về đối tượng; do sự sợ hãi tiếp xúc gượng ép, thiếu tự nhiên; do thiếu hiểu biết nảy sinh khi tiếp xúc không hiểu nhau hoặc hiểu không đúng về nhau. Theo tác giả nếu khắc phục được các trở ngại tâm lý này thì chắc chắn quá trình giao tiếp sẽ đạt được hiệu quả. [21, tr10]

Sau này, những nghiên cứu về KKTL trong hoạt động học tập của học sinh, sinh viên được quan tâm nghiên cứu rất nhiều:

Tác giả Nguyễn Xuân Thức với đề tài “Khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập của sinh viên năm thứ nhất Đại học sư phạm Hà Nội” [ 21, tr13] đã nêu lên một số khó khăn mà sinh viên năm nhất thường gặp phải đó là: sinh viên chưa quen với môi trường đại học và phương pháp học mới; rụt rè, nhút nhát, không chịu học hỏi thầy cô bạn bè; khả năng giao tiếp yếu; động cơ học nghề chưa thích hợp. Theo tác giả nếu tháo gỡ được những KKTL đó thì sẽ nâng cao hiệu quả học tập của SV.

Tác giả Đỗ Văn Bình trong bài “Khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập của sinh viên năm thứ nhất trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị” [6] đã kết luận KKTL trong hoạt động học tập có ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý, nhân cách của sinh viên năm thứ nhất, sự ảnh hưởng này trải đều trên diện rộng tới tất cả các mặt trong sự phát triển tâm lý, nhân cách của sinh viên.

Tác giả Nguyễn Thế Hùng đã nêu ra một số KKTL trong hoạt động học tập của SV năm thứ nhất trường CĐ Bến Tre [20], như: chưa thích ứng với phương pháp học tập ở trường cao đẳng, không có tâm thế sẵn sàng học tập, không biết sắp xếp thời gian học tập hợp lý, thụ động trong học tập, sợ mắc sai lầm trong học tập,...

Trong nghiên cứu về KKTL trong hoạt động học ngoại ngữ của SV những năm đầu ở trường Đại học ngoại ngữ – Đại học quốc gia Hà Nội của tác giả Đặng Thị Lan [ 23] cho thấy SV gặp KKTL trong hoạt động học ngoại ngữ được biểu hiện ở ba mặt nhận thức, thái độ và kỹ năng học ngoại ngữ; trong đó SV gặp khó khăn về nhận thức và kỹ năng nhiều hơn về thái độ học ngoại ngữ.

Ngoài ra, gần đây còn có một số luận văn thạc sĩ quan tâm nghiên cứu vấn đề KKTL trong hoạt động học tập của học sinh, sinh viên như:

Tác giả Cao Xuân Liễu với nghiên cứu “Một số KKTL trong hoạt động học tập của học sinh lớp 1 người dân tộc K’ho ở Lâm Đồng” đã chỉ ra những khó khăn đó là: khó khăn tinh thần, khó khăn ngôn ngữ, khó khăn trong giao tiếp, ... [ 22]

Tác giả Nguyễn Thị Thiên Kim với luận văn thạc sĩ “KKTL trong hoạt động học tập của SV năm thứ nhất trường Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh” [22] cũng cho thấy SV thường gặp các KKTL trong học tập như: tâm lý e ngại sợ mắc sai lầm trong học tập, chán nản khi gặp những môn học khó, lo lắng quá mức về việc học. Theo tác giả các KKTL cũng được thể hiện ở ba mặt nhận thức, thái độ và kỹ năng, trong đó SV gặp khó khăn nhiều nhất ở mặt kỹ năng.

Tác giả Trần Thị Huyền với “Nghiên cứu những khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên dân tộc Khmer khoa sư phạm trường Đại học An Giang” [21] nêu lên một số KKTL SV người dân tộc Khmer hay gặp phải là: sợ mắc sai lầm khi giải quyết THSP, lúng túng trong giải quyết THSP, chưa nắm được quy trình giải quyết THSP, vốn ngôn ngữ và khả năng diễn đạt còn hạn chế nên ngại đưa ra cách giải quyết THSP, ... Tuy nhiên, đề tài tập trung nghiên cứu những biểu hiện của KKTL trong việc giải quyết THSP của sinh viên người dân tộc Khmer về mặt nhận thức, các biểu hiện về thái độ và hành vi chưa được tác giả phân tích sâu.

Tác giả Đoàn Thị Ty với nghiên cứu “Những KKTL trong việc giải quyết THSP của SV sư phạm” (2008) [30] cũng cho thấy SV khi giải quyết THSP gặp khó khăn ở ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi. Tác giả cũng nêu lên các ảnh hưởng của KKTL đến việc giải quyết THSP của SV và các nguyên nhân của những

KKTL này.

Nhìn chung, khi nghiên cứu về KKTL các tác giả đều cho rằng: trong cả hoạt động giao tiếp, hoạt động học tập, các em học sinh, sinh viên đều gặp những KKTL nhất định, ở những mức độ khác nhau. Những KKTL này đều gây cản trở, khó khăn làm giảm hiệu quả của các hoạt động và nếu có biện pháp khắc phục phù hợp thì sẽ nâng cao được hiệu quả hoạt động. Các tác giả đều thống nhất rằng KKTL đều được biểu hiện ở ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi.

Tóm lại, các nghiên cứu về KKTL ở nước ngoài và Việt Nam đã được rất nhiều các nhà khoa học quan tâm. Tuy nhiên các nghiên cứu này chủ yếu về các KKTL trong giao tiếp hoặc trong hoạt động học tập của học sinh, sinh viên còn trong hoạt động giải quyết THSP của SV sư phạm còn rất ít. Thực tế, SV sư phạm khi đi kiến tập, thực tập và ngay khi vừa ra trường gặp rất nhiều khó khăn trong việc giải quyết THSP nhất là những khó khăn tâm lý. Chính vì vậy, việc nghiên cứu vấn đề này là rất cần thiết. Đề tài này sẽ nghiên cứu KKTL trong việc giải quyết THSP của sinh viên khoa Sư phạm trường Đại học An Giang biểu hiện cả ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi.

## **1.2. Những khái niệm của đề tài**

### ***1.2.1. Khó khăn tâm lý***

Về khó khăn nói chung, theo từ điển tiếng Việt, khó khăn có nghĩa là sự trở ngại làm mất nhiều công sức hoặc thiếu thốn. [39]

Trong các công trình nghiên cứu “KKTL trong hoạt động học tập của SV năm thứ nhất trường Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh” và “Một số KKTL trong hoạt động học tập của học sinh lớp 1 người dân tộc K’ho ở Lâm Đồng” [22] của các tác giả Nguyễn Thị Thiên Kim và Cao Xuân Liễu đều có kết luận chung là khi nói đến khó khăn có nghĩa là nói đến những gì cản trở, trở ngại, đòi hỏi nhiều nỗ lực để vượt qua.

Riêng về khó khăn tâm lý, khó khăn tâm lý có thể được xem xét (nghiên cứu) từ những góc độ khác nhau. Tác giả Nguyễn Xuân Thúc cũng cho rằng “những khó khăn tâm lý trong học tập là những đặc điểm tâm lý của cá nhân nảy sinh ở người

sinh viên trong học tập làm cản trở tiến trình và kết quả hoạt động học tập của sinh viên” [34].

Theo tác giả Đặng Thị Lan thì “khó khăn tâm lý được xem là toàn bộ những nét tâm lý của cá nhân (nảy sinh ở chủ thể trong quá trình hoạt động với hoàn cảnh xác định) ít phù hợp với những yêu cầu, đặc trưng của hoạt động đó, gây trở ngại cho tiến trình và kết quả của hoạt động. Khó khăn tâm lý biểu hiện ở ba mặt: nhận thức, thái độ và hành vi”. [23]

Các tác giả Đỗ Văn Bình và Nguyễn Thế Hùng cũng cùng quan điểm cho rằng KKTL chi phối hoạt động học tập và làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý, nhân cách của sinh viên năm thứ nhất. [6], [20]

Khi xem xét khái niệm “khó khăn tâm lý” , một số tác giả nghiên cứu về “trở ngại tâm lý” đã cho rằng hai thuật ngữ này gần nghĩa nhau, đôi khi sử dụng đồng nghĩa nhau. Theo tác giả Nguyễn Thị Thanh Bình “Trở ngại tâm lý chính là những khó khăn tâm lý”. [5]

Tác giả Nguyễn Minh Hải (1995), cho rằng KKTL là những cản trở tâm lý, những hàng rào tâm lý mà học sinh tiểu học gặp phải khi tham gia giải các bài tập toán. [ dẫn theo 13]

Tác giả Đoàn Thị Ty (2008) đã xây dựng khái niệm KKTL như sau “KKTL là những thiếu hụt, những cản trở, những vướng mắc về mặt tâm lý của chủ thể cần vượt qua để thực hiện một nhiệm vụ hay một hành động nào đó”. [30]

Trong bất cứ hoạt động nào con người luôn gặp những khó khăn, trở ngại khi bản thân tham gia vào hoạt động đó. Những khó khăn đó có thể xuất phát từ những yếu tố khách quan như những điều kiện, phương tiện, môi trường, ... Đây là những yếu tố có ảnh hưởng gián tiếp đến tiến trình hoạt động của con người. Những yếu tố chủ quan xuất phát từ chính chủ thể như nhận thức, thái độ, tình cảm, năng lực, vốn kinh nghiệm, thao tác kỹ năng tiến hành hoạt động. Xét theo phương diện nguồn gốc xuất phát, các yếu tố này chia làm hai loại: yếu tố sinh học, yếu tố tâm lý. Những khó khăn do yếu tố tâm lý tạo nên chính là những khó khăn tâm lý. Chính yếu tố chủ quan này ảnh hưởng trực tiếp đến tiến trình và kết quả hoạt động của con

người. Các tác giả tuy diễn đạt khái niệm KKTL ở những hoạt động khác nhau nhưng nhìn chung đều thống nhất rằng KKTL là những nét tâm lý cá nhân, những đặc điểm tâm lý cá nhân gây nên những khó khăn, cản trở cho hiệu quả hoạt động của chủ thể.

Xuất phát từ những quan điểm trên, trong nghiên cứu này chúng tôi dựa vào khái niệm KKTL của tác giả Đoàn Thị Ty, theo đó **“KKTL là những thiếu hụt, những cản trở, những vướng mắc về mặt tâm lý của chủ thể cần vượt qua để thực hiện một nhiệm vụ hay một hành động nào đó”**.

### **1.2.2. Tình huống sư phạm**

#### **1.2.2.1. Khái niệm tình huống sư phạm**

THSP có liên quan mật thiết với tình huống và tình huống có vấn đề. Do đó nên xem xét tình huống sư phạm trong mối quan hệ với tình huống và tình huống có vấn đề.

#### **❖ Khái niệm tình huống**

Khái niệm tình huống là khái niệm được đề cập không chỉ về mặt từ ngữ mà trong cả các lĩnh vực nghiên cứu giáo dục và tâm lý.

Theo từ điển Tiếng Việt “tình huống là sự diễn biến của tình hình về mặt cần phải đối phó”. [ 36]

Trong từ điển Tâm lý học quan niệm rằng: “Tình huống là hệ thống các sự kiện bên ngoài có quan hệ với chủ thể, có tác động thúc đẩy tính tích cực của người đó. Trong quan hệ không gian, tình huống xảy ra ngoài nhận thức của chủ thể. Trong quan hệ thời gian, tình huống xảy ra trước hành động của chủ thể. Trong quan hệ chức năng, tình huống là sự độc lập của các sự kiện đối với chủ thể ở thời điểm mà người đó thực hiện hành động” [11]. Trong quan niệm này đã nhấn mạnh đến mối quan hệ giữa tình huống và chủ thể trong không gian, thời gian và quan hệ chức năng. Tình huống thúc đẩy con người hoạt động tích cực.

Từ quan niệm trên tác giả Phan Thế Sung, Lưu Xuân Mới cho rằng: Tình huống là những sự kiện, vụ việc, hoàn cảnh có vấn đề bức xúc nảy sinh trong hành động và quan hệ giữa con người với con người buộc ta phải giải quyết, ứng phó, xử

lý kịp thời nhằm đưa các hoạt động và quan hệ có chứa đựng vấn đề bức xúc đó trở lại ổn định và tiếp tục phát triển.[28]

Đồng quan điểm trên, tác giả Đoàn Thị Ty cũng đưa ra khái niệm “Tình huống bao gồm các sự kiện, vụ việc nảy sinh trong quá trình hoạt động khiến chủ thể phải tích cực giải quyết để đảm bảo tiến trình cũng như hiệu quả hoạt động.” [30, tr18]

Có thể thấy từ các quan niệm trên, các tác giả đều nhấn mạnh tình huống nảy sinh trong quá trình hoạt động của chủ thể, trong tình huống phải chứa đựng tính sự kiện, tính cấp thiết nhằm thúc đẩy tính tích cực hoạt động của chủ thể.

Từ những quan niệm và phân tích trên, trong nghiên cứu này chúng tôi dựa vào khái niệm tình huống của tác giả Đoàn Thị Ty theo đó **“*Tình huống bao gồm các sự kiện, vụ việc nảy sinh trong quá trình hoạt động khiến chủ thể phải tích cực giải quyết để đảm bảo tiến trình cũng như hiệu quả hoạt động*”**.

❖ *Khái niệm tình huống có vấn đề*

Tình huống có vấn đề là khái niệm chủ yếu và là điểm khởi đầu của dạy học giải quyết vấn đề. Có rất nhiều ý kiến khác nhau của các tác giả trong và ngoài nước về tình huống có vấn đề. Sau đây là một số ý kiến thường gặp:

Theo M.I Macmutov “Tình huống có vấn đề là trở ngại về mặt trí tuệ của con người, xuất hiện khi anh ta chưa biết cách giải thích hiện tượng, sự kiện, quá trình của thực tế, khi chưa thể đạt tới mục đích bằng cách thức hoạt động quen thuộc. Tình huống này kích thích con người tìm tòi cách giải thích hay hành động mới.” [dẫn theo 26, tr11]

Theo A.V Petrovski: “Tình huống có vấn đề là tình huống được đặc trưng bởi trạng thái tâm lý xác định của con người, nó kích thích tư duy trước khi con người nảy sinh những mục đích và những điều kiện hoạt động mới, trong đó những phương tiện và phương thức hoạt động trước đây mặc dù là cần thiết nhưng chưa đủ để đạt được mục đích mới này.” [9]

I.Ia Lecne: Tình huống có vấn đề là một khó khăn được chủ thể ý thức rõ ràng hay mơ hồ, mà muốn khắc phục thì phải tìm tòi những tri thức mới, những



phương thức hành động mới”. [26, tr12]

Ở Việt Nam, cũng có nhiều tác giả nghiên cứu về tình huống có vấn đề, như: tác giả Nguyễn Ngọc Bảo (1995) quan niệm “Tình huống có vấn đề là trạng thái tâm lý của sự khó khăn về trí tuệ xuất hiện ở con người khi họ trong tình huống của vấn đề mà họ phải giải quyết không thể giải thích một sự kiện mới bằng tri thức đã có hoặc không thể thực hiện hành động bằng cách thức đã có trước đây và họ phải tìm một cách thức hành động mới.” [26, tr12]. Tác giả Bùi Hiền và các cộng sự (2001) cho rằng “Tình huống có vấn đề là tập hợp những điều kiện và hoàn cảnh cùng nhau tạo nên một tình thế, một vấn đề cần phải được xem xét, cân nhắc và đề ra biện pháp hợp lý.” [14, tr395]

Rõ ràng mỗi tác giả đưa ra một khái niệm tình huống có vấn đề trên cơ sở khai thác các khía cạnh khác nhau với các mức độ khai thác khác nhau và được thể hiện dưới dạng ngôn từ khác nhau. Tuy nhiên trong ý kiến của các tác giả (dù rõ ràng hay chưa rõ ràng) đều chứa đựng những điểm chung, được thể hiện qua sự tổng kết của Vũ Văn Tảo (2000) [26, tr13] dưới đây:

- Trong tình huống có vấn đề luôn chứa đựng một nội dung xác định, một nhiệm vụ cần giải quyết, một khó khăn cần khắc phục. Chính vì lẽ đó, việc nghiên cứu và giải quyết tình huống có vấn đề có tác dụng kích thích chủ thể tìm tòi để chiếm lĩnh được tri thức mới hoặc phương thức hành động mới.

- Tình huống có vấn đề xuất hiện trong hoạt động và nó phản ánh một dạng quan hệ giữa chủ thể và khách thể. Hạt nhân của tình huống có vấn đề là mâu thuẫn.

- Tình huống có vấn đề được cấu thành bởi ba yếu tố: Nhu cầu nhận thức, sự tìm kiếm những tri thức và phương thức hành động chưa biết, khả năng trí tuệ của chủ thể thể hiện ở năng lực và kinh nghiệm. Như vậy, nó phản ánh mâu thuẫn giữa cái khách quan (nảy sinh trong hoạt động của con người) và cái chủ quan (năng lực nhận thức và kinh nghiệm của chủ thể).

- Tình huống có vấn đề được đặc trưng bởi trạng thái tâm lý xuất hiện khi chủ thể đứng trước một vấn đề đòi hỏi phải cần đến những tri thức, phương thức hành động mới. Chủ thể lúng túng về lý thuyết và thực hành để giải quyết vấn đề. Trạng

thái đó xuất hiện như là mâu thuẫn giữa chủ thể và khách thể nhận thức trong hoạt động nhận thức của con người. Vì vậy, tình huống có vấn đề là một hiện tượng chủ quan, xuất hiện nhờ hoạt động tích cực tìm tòi, nghiên cứu của chính chủ thể.

❖ *Khái niệm tình huống sư phạm*

Tình huống sư phạm là khái niệm đã được các tác giả trong nước đề cập nhiều trong các nghiên cứu ở lĩnh vực đào tạo sư phạm, cụ thể:

Trong cuốn “Hỏi đáp về thực tập sư phạm”, tác giả Bùi Ngọc Hồ: THSP là những mâu thuẫn giữa lý thuyết này với lý thuyết kia, giữa lý luận và thực tiễn, giữa thực tiễn ở nơi này với thực tiễn ở nơi khác.[17]

Tác giả Nguyễn Đình Chính coi THSP là những tình huống giả định, mô phỏng nhưng rất thực tế, sôi động, đa dạng có tần số xã hội tương đối phổ biến mà sinh viên thường gặp trong các đợt thực hành, thực tập sư phạm. [8]

Nguyễn Ngọc Bảo cho rằng: “THSP là tình huống mà trong đó xuất hiện sự căng thẳng trong mối quan hệ giữa nhà giáo dục và người được giáo dục. Để giải quyết tình huống đó đòi hỏi nhà giáo dục phải nhanh chóng phản ứng, phát hiện đúng tình hình, tìm ra những giải pháp giải quyết tối ưu tình hình đó nhằm hình thành và phát triển nhân cách người được giáo dục và xây dựng tập thể người được giáo dục đó vững mạnh”. [4]

Bùi Hiền và các cộng sự cho rằng: “THSP là tập hợp những hoàn cảnh, những điều kiện làm nảy sinh những vấn đề đòi hỏi giáo sinh phải cân nhắc, lựa chọn những biện pháp sư phạm để tác động vào đối tượng một cách có hiệu quả giáo dục nhất”. [14, tr339]

Các tác giả đều đưa ra những khái niệm khác nhau về THSP nhưng nhìn chung các tác giả đều cho thấy, THSP luôn chứa đựng những căng thẳng, những mâu thuẫn trong mối quan hệ giữa nhà giáo dục và người được giáo dục và đòi hỏi nhà giáo dục tích cực hoạt động để giải quyết những mâu thuẫn, những căng thẳng đó.

Dựa vào quan điểm của các nhà nghiên cứu Ph. Xpirin, M.A. Xtrepinxki: “Theo bản chất, hoạt động sư phạm luôn là hoạt động sáng tạo, bởi vậy chúng ta phải

xem xét THSP như là tình huống có vấn đề”. Do đó, khi tiến hành nghiên cứu THSP trong hoạt động của giáo viên thì có thể xem nó như là tình huống có vấn đề trong hoạt động sư phạm. [15, tr44]

Tác giả Bùi Thị Mùi có quan niệm: “THSP là tình huống có vấn đề diễn ra đối với nhà giáo dục trong công tác giáo dục học sinh; trong tình huống đó nhà giáo dục bị đặt vào trạng thái lúng túng trước vấn đề giáo dục cấp thiết mà họ cần phải giải quyết; bằng tri thức, kinh nghiệm và năng lực sư phạm vốn có, họ chưa thể giải quyết được vấn đề đó, khiến họ phải tích cực xem xét, tìm tòi để đề ra các biện pháp giáo dục đối tượng một cách hợp lý nhằm đạt được hiệu quả giáo dục tối ưu; qua đó năng lực và phẩm chất sư phạm của họ cũng được củng cố và phát triển”. [26, tr16]

Tác giả Trần Thị Quốc Minh lại cho rằng: “THSP là tình huống mà trong đó xuất hiện những căng thẳng trong mối quan hệ giữa nhà giáo dục và người được giáo dục. Để giải quyết tình huống đó, đòi hỏi nhà giáo dục phải nhanh chóng phản ứng, phát hiện đúng tình hình, tìm ra được những biện pháp giải quyết tối ưu tình hình đó nhằm hình thành và phát triển nhân cách người được giáo dục và xây dựng tập thể người được giáo dục đó một cách vững mạnh.” [25]

Và theo tác giả Đoàn Thị Ty: THSP là tình huống chứa đựng mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình hoạt động sư phạm của người giáo viên. Đó là mâu thuẫn giữa yêu cầu giáo dục của giáo viên đối với học sinh và trình độ phát triển hiện có của học sinh, giữa yêu cầu phát triển của trẻ với điều kiện sống và giáo dục, giữa yêu cầu phát triển của học sinh với khả năng sư phạm của giáo viên, giữa nhu cầu phát triển của học sinh với khả năng, trình độ đạt được của chính nó [30, tr22]. Theo quan điểm này, tình huống có thể xuất hiện bất cứ lúc nào khi có mâu thuẫn trong suốt tiến trình hoạt động sư phạm của người giáo viên (công tác giảng dạy, chủ nhiệm, giáo dục quản lý học sinh, công tác với phụ huynh học sinh)...

Các tác giả này đều thống nhất rằng THSP là tình huống có vấn đề nảy sinh trong hoạt động sư phạm phản ánh mối quan hệ giữa người giáo dục và người được giáo dục. Trong THSP chứa đựng một nội dung xác định, một nhiệm vụ cần giải quyết, một khó khăn cần khắc phục vì vậy nó thôi thúc chủ thể phải tích cực hoạt

động. Trong thực tiễn, hàng ngày người giáo viên gặp vô vàn các THSP khác nhau, mỗi một tình huống có một cách giải quyết khác nhau. Muốn giải quyết được các THSP đòi hỏi người giáo viên trước hết phải huy động hết các kiến thức và kinh nghiệm mình đã tích lũy được, đồng thời phải có sự sáng tạo, phản ứng nhạy bén, tinh tế, phải có óc quan sát, biết dự đoán trước những gì sẽ xảy ra trong các tình huống khác nhau. Vì vậy, khi giải quyết các THSP chủ thể sẽ tích lũy nhiều kiến thức, kinh nghiệm cho bản thân, tư duy linh hoạt, sáng tạo hơn, trí tuệ phát triển và năng lực sư phạm được hình thành.

Trên cơ sở các quan niệm và phân tích trên, xuất phát từ mục đích nghiên cứu của đề tài, chúng tôi đồng quan điểm với khái niệm tình huống sư phạm của tác giả Đoàn Thị Ty: ***“THSP là tình huống chứa đựng mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình hoạt động sư phạm của người giáo viên. Nhưng do những tri thức, kinh nghiệm, năng lực sư phạm vốn có của họ chưa thể giải quyết được, họ phải tích cực xem xét, tìm tòi để có thể tìm ra phương thức giải quyết mới hợp lý và có hiệu quả.”***

#### ***1.2.2.2. Cấu trúc tình huống sư phạm***

Trong công trình nghiên cứu “THSP trong công tác giáo dục học sinh phổ thông” (2008) của tác giả Bùi Thị Mùi và luận án tiến sĩ “Những KKTL trong việc giải quyết THSP của SV sư phạm” của tác giả Đoàn Thị Ty đều thống nhất:

Cấu trúc của THSP có ba yếu tố: cái đã biết hay khả năng sẵn có của chủ thể có liên quan đến vấn đề cần giải quyết trong THSP, cái chưa biết cần phải tìm kiếm để có thể giải quyết được vấn đề trong THSP và trạng thái tâm lý của chủ thể trong THSP. [26, tr17-22]

#### ***❖ Cái đã biết trong THSP:***

Cái đã biết trong THSP là những tri thức, kinh nghiệm và kỹ năng vốn có của sinh viên có liên quan đến vấn đề cần giải quyết trong tình huống. Sinh viên phải sử dụng những tri thức đã biết, những dữ kiện đã cho trong tình huống để giải quyết THSP một cách có mục đích. Cái đã biết trong THSP là cơ sở ban đầu định hướng, giúp sinh viên tự phân tích các tình huống, từ đó đưa ra cách giải quyết dễ

dàng và bớt khó khăn trên con đường lĩnh hội cái mới và giải quyết vô vàn các THSP phức tạp khác.

❖ *Cái chưa biết trong THSP:*

Yếu tố chính trong THSP là cái chưa biết mà sinh viên cần phải khám phá để giải quyết chúng. Đặc điểm quan trọng của nó là điều chưa biết này bao giờ cũng mang tính khái quát chung cho cả một loạt THSP tương tự, dù cho THSP đặt ra có cụ thể đến mức nào chẳng nữa. Cái chưa biết đó chính là tri thức, phương pháp hành động trong việc giải quyết các THSP mà chủ thể cần tìm tòi để đạt tới.

Đặc trưng của THSP là ở mức độ khó của điều chưa biết cần được khám phá mà chỉ tiêu chủ yếu của mức độ khó là mức độ khái quát của điều chưa biết. Điều chưa biết cần được khám phá sẽ đưa sinh viên ra ngoài giới hạn những kiến thức vốn có của họ, đòi hỏi ở họ sự tìm tòi sáng tạo, tích cực độc lập suy nghĩ để giải quyết THSP tương tự trong các hoàn cảnh khác nhau.

❖ *Trạng thái, tâm lí trong THSP:*

Trạng thái, tâm lí trong THSP là những lúng túng về lí thuyết và thực hành xuất hiện ở chủ thể khi họ cần giải quyết vấn đề trong tình huống. Những lúng túng đó kích thích lòng mong muốn và tính tích cực hoạt động tìm tòi để giải quyết các THSP nảy sinh. Muốn kích thích hứng thú tìm tòi, cách giải quyết của sinh viên thì các THSP phải bao gồm trong bản thân nó tính ý nghĩa, tính mới lạ và hấp dẫn của các sự kiện. Hứng thú sẽ góp phần tạo thành động cơ thúc đẩy con người hoạt động trí tuệ, thúc đẩy sinh viên giải quyết được các THSP phức tạp, tìm ra cách thức hành động hợp lý để giải quyết các nhiệm vụ cụ thể.

**1.2.2.3. Phân loại tình huống sự phạm**

- L.Ph.Xpirin cho rằng: Trong thực tế giáo dục có hai loại THSP [30, tr26] :

Thứ nhất là loại độc đáo, đó là những THSP nảy sinh trong trường hợp đặc biệt, không thường xuyên. Việc giải quyết các THSP đó đòi hỏi sinh viên phải linh hoạt, huy động nhiều kiến thức và kinh nghiệm để giải quyết.

Thứ hai là những tình huống tương tự nhau, thường gặp những phương án giải quyết đã hình thành trong kinh nghiệm, trong công tác sự phạm. Những khó

khẩn mà chủ thể gặp phải trong việc xử lý loại THSP này được quy định bởi nhiều yếu tố. Thứ nhất, là bởi sự phức tạp ở những mức độ khác nhau của hoàn cảnh khách quan. Thứ hai, là bởi sự phát triển nghề nghiệp và các yếu tố tâm, sinh lý khác của nhà sư phạm.

- Trong các tài liệu lý luận dạy học, cũng nêu lên sự phân loại các THSP như sau: [30, tr27]

+ Dựa vào địa điểm nảy sinh và diễn biến tình huống: gồm các tình huống xảy ra ở nhà trường phổ thông, trong gia đình, ngoài xã hội, trong các cơ quan giáo dục, bên ngoài trường học và một số nơi khác,...

+ Dựa vào bản chất của quá trình giáo dục: gồm những tình huống mang tính chất giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình dạy học và giáo dục.

+ Dựa trên mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể giáo dục: gồm các tình huống nảy sinh trong các mối quan hệ giữa thầy giáo và học sinh, giữa cha mẹ và con cái, giữa người lớn và trẻ em, giữa cán bộ lớp và các thành viên trong lớp, giữa thủ trưởng (hiệu trưởng) và nhân viên (giáo viên), giữa các cá thể trong quá trình giảng dạy.

+ Theo viễn cảnh giáo dục: gồm các tình huống chiến lược, các tình huống chiến thuật, các tình huống thủ thuật, ...

+ Dựa vào khả năng đặt ra và thực hiện các nhiệm vụ nghề nghiệp của sinh viên sư phạm và giáo viên gồm những tình huống tích lũy thông tin và những tình huống phát triển các kỹ năng tổ chức, quản lý sư phạm.

- Căn cứ vào đặc điểm hoạt động sư phạm của người giáo viên, vào đặc điểm hoạt động học tập của học sinh, THSP được chia làm hai loại:

+ THSP nảy sinh trong quá trình dạy học: loại tình huống này thường xảy ra trong quá trình dạy học, việc giải quyết các tình huống này sẽ phát triển tư duy độc lập, sáng tạo của sinh viên trong quá trình nhận thức và nắm vững tri thức mới.

+ THSP nảy sinh trong quá trình giáo dục gồm: loại THSP phải tìm hiểu nguyên nhân, cách thức và biện pháp giải quyết các nhiệm vụ giáo dục lâu dài, đòi

hỏi kết hợp các lực lượng giáo dục; loại THSP đòi hỏi phải giải quyết bằng trực giác, ...

- Căn cứ vào đặc điểm nhận thức và nhiệm vụ học tập của sinh viên, có thể chia THSP thành 2 loại:

+ THSP đòi hỏi sinh viên giải quyết những vấn đề lý luận như: chứng minh, phân tích những luận điểm, quan điểm lớn của những người nổi tiếng, của các nhà khoa học; THSP mà trong đó có quan điểm về lý luận trái ngược nhau, yêu cầu sinh viên phải nghiên cứu và giải thích.

+ THSP đòi hỏi sinh viên giải quyết các hiện tượng giáo dục trong thực tiễn sư phạm, gồm:

- THSP đòi hỏi sinh viên phải phân tích nguyên nhân một hiện tượng diễn ra trong thực tiễn giáo dục và đề ra các biện pháp giáo dục thích hợp.

- THSP đòi hỏi sinh viên phải phân tích các phương án giải quyết và lựa chọn cách giải quyết thích hợp.

- THSP đòi hỏi sinh viên so sánh các hiện tượng giáo dục trong thực tiễn, họ phải giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh trong thực tiễn giáo dục.

- THSP đòi hỏi sinh viên phải có những biện pháp nhất định để giải quyết nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

THSP nảy sinh trong các mối quan hệ giáo dục của thực tiễn giáo dục, đòi hỏi sinh viên phải giải quyết thỏa đáng theo các chuẩn mực giáo dục thì mới mang lại hiệu quả cao.

### **1.3. Một số vấn đề lý luận về khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên**

#### ***1.3.1. Quan niệm về khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên***

Nhiều tác giả đã đưa ra những quan niệm khác nhau về KKTL trong quá trình giải quyết THSP của SV:

- Theo tác giả Nguyễn Như An: KKTL trong quá trình giải quyết THSP trước tiên là những khó khăn về mặt nhận thức, vốn hiểu biết và kinh nghiệm về

hoạt động sư phạm cũng như nắm cách thức giải quyết THSP còn chưa vững chắc, tạo ra sự thiếu hụt về mặt hiểu biết trong quá trình giải quyết THSP của SV. Trong đó khó khăn lớn nhất là khả năng tư duy linh hoạt nhạy bén, khả năng ứng phó chưa khéo léo, chưa kịp thời làm cho quá trình giải quyết THSP của SV bị bế tắc, kém linh hoạt,... [1]

- Tác giả Lã Văn Mến cho rằng: KKTL trong việc giải quyết THSP là tổ hợp các thuộc tính, các trạng thái tâm lý, các đặc điểm nhân cách làm cho SV không phát huy được năng lực của mình trong quá trình giải quyết các THSP nảy sinh. Tác giả Lã Văn Mến cũng cho rằng KKTL nảy sinh là do sự không phù hợp các đặc điểm nhân cách và trạng thái tâm lý của SV (với tư cách là giáo viên) với học sinh, làm quá trình giải quyết các THSP mâu thuẫn, xung đột, vướng mắc và làm giảm hiệu quả quá trình giải quyết THSP của SV. [ 24]

- Tác giả Đoàn Thị Ty quan niệm: KKTL trong việc giải quyết THSP là những thiếu hụt, những cản trở, những vướng mắc về mặt tâm lý của chủ thể trong quá trình giải quyết THSP, làm cho chủ thể (SV với tư cách là giáo viên tương lai) khó làm chủ hành vi ứng xử của mình, vì vậy việc giải quyết THSP chưa đạt được kết quả mong muốn hoặc có thể mắc phải những sai lầm nhất định trong quá trình giải quyết chúng. [ 30, tr44]

Từ quan niệm của các tác giả, chúng ta thấy rằng: bất cứ SV nào cũng có thể gặp phải những KKTL trong việc giải quyết THSP nhưng mức độ không giống nhau. KKTL là một trong những nguyên nhân chính làm cho quá trình giải quyết THSP kém hiệu quả. Nếu SV vượt qua được những cản trở, những vướng mắc về tâm lý thì SV có thể giải quyết tốt các THSP.

Khi nói đến KKTL trong việc giải quyết THSP của SV cần lưu ý: [30, tr42-43]

- Các KKTL trong việc giải quyết THSP của SV xảy ra rất đa dạng. Mỗi cá nhân tham gia giải quyết THSP có những đặc điểm tâm lý, những cách riêng, vì vậy KKTL xuất hiện ở mỗi người khác nhau.

- Sự xuất hiện KKTL ở SV khi tham gia giải quyết THSP tương đối phổ



biến, nhất là ở giai đoạn đầu mới tập làm quen giải quyết THSP, sinh viên chưa nắm chắc nguyên tắc, các bước giải quyết THSP.

- Khi giải quyết các THSP, bất cứ SV nào cũng gặp phải các KKTL nhưng có thể mức độ không giống nhau vì còn phụ thuộc vào các nguyên nhân chủ quan và khách quan chi phối quá trình này.

- KKTL là một trong những nguyên nhân cơ bản làm giảm tính hiệu quả quá trình giải quyết THSP. Tuy nhiên, đây không phải là nguyên nhân duy nhất ảnh hưởng đến kết quả giải quyết THSP mà còn phụ thuộc vào các điều kiện khách quan và chủ quan. KKTL trong việc giải quyết THSP cũng giống như bất cứ một hiện tượng tâm lý nào đều có nguồn gốc từ hiện thực khách quan, từ quá trình hình thành và phát triển nhân cách, cho nên nó cũng chịu sự tác động bởi các yếu tố: môi trường, giáo dục, hoạt động, giao tiếp hiểu biết, xúc cảm, khả năng tự tu dưỡng, tự rèn luyện, tính tích cực, cá tính của cá nhân, ...

Qua xem xét tất cả các khái niệm về KKTL trong việc giải quyết THSP, dưới góc độ quan điểm của người nghiên cứu, chúng tôi thống nhất với quan điểm của tác giả Đoàn Thị Ty và cho rằng: ***“KKTL trong việc giải quyết THSP là những thiếu hụt, những cản trở, những vướng mắc về mặt tâm lý của chủ thể trong quá trình giải quyết THSP, làm cho chủ thể (SV với tư cách là giáo viên tương lai) khó làm chủ hành vi ứng xử của mình, vì vậy việc giải quyết THSP chưa đạt được kết quả mong muốn hoặc có thể mắc phải những sai lầm nhất định trong quá trình giải quyết chúng.”***

### ***1.3.2. Biểu hiện khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên***

Xuất phát từ quan điểm: KKTL trong việc giải quyết THSP là những thiếu hụt, những cản trở, những vướng mắc về mặt tâm lý của chủ thể trong quá trình giải quyết THSP, làm cho chủ thể (SV với tư cách là giáo viên tương lai) khó làm chủ hành vi ứng xử của mình, vì vậy việc giải quyết THSP chưa đạt được kết quả mong muốn hoặc có thể mắc phải những sai lầm nhất định trong quá trình giải quyết chúng. Chúng tôi dựa vào quan điểm của tác giả Đoàn Thị Ty trong nghiên cứu

“Những KKTL trong việc giải quyết THSP của SV sư phạm” và cho rằng những KKTL này biểu hiện ở nhận thức, thái độ và hành vi, cụ thể như sau:

❖ Về mặt nhận thức:

Nhận thức là một trong ba mặt cơ bản của đời sống tâm lý con người. Nhận thức giúp con người hiểu biết về các sự vật hiện tượng từ đó bày tỏ thái độ tình cảm và có hành vi tương ứng.

Trong bất cứ hoạt động nào của con người thì nhận thức cũng luôn có ảnh hưởng sâu sắc đến kết quả hành động. Trong hoạt động giải quyết THSP của SV cũng vậy. Nếu SV không có nhận thức đúng đắn về đối tượng tác động, không có những hiểu biết nhất định về hoạt động sư phạm thì sẽ gặp phải những khó khăn trong quá trình giải quyết THSP.

Những KKTL biểu hiện qua mặt nhận thức:

SV sư phạm với tư cách là người giáo viên tương lai cần phải có vốn kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm. Hoạt động sư phạm không giống như các hoạt động khác, nó đòi hỏi người giáo viên phải mẫu mực, hết lòng vì học sinh, giàu tính nhân văn, giàu lòng nhân ái, luôn thấu hiểu và thông cảm với học sinh, ... Nếu SV ít hiểu biết về hoạt động sư phạm, không hiểu hết được bản chất tốt đẹp của hoạt động sư phạm thì khi giải quyết THSP sẽ dễ mắc sai lầm.

Trong bất cứ hoạt động nào việc nắm chắc kiến thức chuyên ngành sẽ giúp chúng ta tự tin hơn trong hoạt động. Hoạt động sư phạm cũng không ngoại lệ, nếu người giáo viên nắm chắc kiến thức chuyên ngành của mình thì một mặt tạo ra uy tín cho chính họ, mặt khác giúp họ vững vàng tự tin giải quyết các THSP đặc biệt là các tình huống có liên quan đến kiến thức mà học sinh thắc mắc ngay trên lớp. Vì vậy, đây sẽ là KKTL không nhỏ đối với những SV có học lực yếu, kiến thức chuyên ngành không sâu làm cho các em có tâm lý mặc cảm, tự ti, ngại tiếp xúc với học sinh, có thể thất bại trong việc giải quyết các THSP có liên quan đến kiến thức chuyên môn.

Thiếu hiểu biết và chưa nắm chắc về quy trình giải quyết THSP cũng là một KKTL đối với SV. Nếu không nắm chắc quy trình giải quyết THSP, SV thường giải

quyết THSP theo cảm tính, kinh nghiệm. Chính điều này làm cho hiệu quả việc giải quyết THSP thấp, SV sẽ gặp khó khăn trong việc điều khiển, kiểm tra và điều chỉnh hành động của mình.

Việc hạn chế về vốn kinh nghiệm và hiểu biết về hoạt động sư phạm, việc không nắm chắc kiến thức chuyên ngành, thiếu hiểu biết và chưa nắm chắc quy trình giải quyết THSP sẽ dẫn đến việc khả năng liên tưởng, sàng lọc và xác định phương án giải quyết tình huống tối ưu nhất của SV còn hạn chế. Điều này làm giảm hiệu quả việc xử lý THSP.

Đối tượng tác động của người giáo viên trong hoạt động sư phạm cũng đặc biệt hơn các hoạt động khác vì đó là các em học sinh. Với mỗi đối tượng học sinh có sự khác biệt nhau về đặc điểm tâm sinh lý, hoàn cảnh sống gia đình, môi trường xã hội nơi các em sinh sống. Vì vậy giáo viên sẽ có sự tác động khác đối với từng học sinh khác nhau. Quá trình tác động sư phạm muốn có hiệu quả thì một trong những yêu cầu cơ bản là giáo viên cần hiểu tâm lý học sinh, phải thích ứng với môi trường và tổ chức hoạt động của trường phổ thông. Do chưa được nghiên cứu nhiều về tâm lý lứa tuổi, chưa được tiếp cận trực tiếp nhiều với học sinh cho nên SV thường tỏ ra lúng túng, thiếu tự tin. Đôi lúc cách giải quyết THSP thiếu linh hoạt, chưa tế nhị, nếu gặp phải sự phản ứng của học sinh dễ dẫn đến sự mặc cảm, lúng túng, lo âu, ...

Động cơ chọn nghề chưa đúng với nguyện vọng là một KKTL không nhỏ đối với SV. Các em chọn ngành sư phạm không phải do yêu thích, do tự nguyện mà có thể vì cha mẹ bắt buộc, vì một giải pháp tình thế nào đó. Chính điều này làm cho SV không tích cực tiếp nhận kiến thức, không hứng thú học tập, không hào hứng với các hoạt động nghiệp vụ sư phạm nên SV thường gặp khó khăn cả ba mặt: nhận thức, thái độ và hành vi.

Như vậy, những KKTL biểu hiện ở mặt nhận thức trong việc giải quyết THSP của SV gồm:

- Vốn kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm còn hạn chế.
- Hiểu biết về tâm sinh lý và trình độ của học sinh còn ít.

- Khả năng liên tưởng, sàng lọc và xác định phương án giải quyết tình huống tối ưu nhất còn hạn chế.

- Chưa nắm được các nguyên tắc giải quyết một THSP.

- Hiểu biết về các môn khoa học chuyên ngành chưa cao.

- Chưa thích ứng với môi trường và tổ chức hoạt động của trường phổ thông.

- Động cơ chọn nghề chưa đúng theo nguyện vọng.

❖ Về mặt thái độ:

Trong quá trình giải quyết THSP của SV luôn có sự tham gia của các trạng thái tình cảm, xúc cảm cũng như thái độ của SV trong việc giải quyết THSP. Đó chính là thái độ của chủ thể tham gia hoạt động – SV với việc giải quyết THSP.

SV sư phạm với tư cách là người GV tương lai khi còn ngồi trên giảng đường đại học thì thời gian tiếp xúc thực tế tại trường phổ thông không nhiều, kinh nghiệm cuộc sống các em tích lũy cũng không nhiều, thêm vào đó các chương trình đào tạo hiện nay thường phần lý thuyết nhiều hơn thực hành. Chính vì vậy, trong quá trình kiến tập, thực tập hay cả khi vừa mới ra trường, SV sẽ có những thái độ, xúc cảm khác nhau khi giải quyết các THSP, cụ thể:

Xuất phát từ việc SV còn hạn chế về kinh nghiệm và kiến thức về bản chất hoạt động sư phạm, chưa quan tâm nhiều đến các môn nghiệp vụ sư phạm cũng như động cơ chọn nghề chưa đúng với nguyện vọng nên SV sẽ chưa thực sự có hứng thú giải quyết THSP và nhu cầu giải quyết THSP và hình thành kỹ năng giải quyết THSP còn thấp. Nhu cầu và hứng thú là hai vấn đề rất quan trọng trong bất cứ hoạt động nào. Nếu không có nhu cầu và hứng thú thì con người không có động lực để tiến hành hoạt động. Biểu hiện KKTL thường xuất hiện là SV ngại học, lười tư duy, kém nhiệt tình, tâm lý uể oải, trì trệ công việc, ...

Các THSP thường xuất hiện bất ngờ và khi giải quyết tình huống đòi hỏi phải nhanh chóng nhưng phải hợp lý đảm bảo các nguyên tắc sư phạm, điều này làm cho SV cảm thấy hồi hộp, lo lắng trước sự xuất hiện của THSP cần giải quyết nhanh và cả tâm lý sợ mắc sai lầm khi giải quyết THSP.

E ngại khi phải xuất hiện trước tập thể cũng là một KKTL của SV khi giải

quyết THSP. Mặc dù SV đã quen trong môi trường đại học, quen với việc sinh hoạt tập thể, tuy nhiên khi bước vào môi trường phổ thông với tư cách là người giáo viên các em vẫn chưa quen và e ngại thậm chí cảm thấy thiếu tự tin với vai trò là người giáo viên. Những KKTL này làm cho SV thiếu linh hoạt, khả năng thích ứng kém, hạn chế trong việc giải quyết các tình huống đòi hỏi phải ứng phó nhanh.

THSP xảy ra không chỉ nhanh chóng, bất ngờ mà còn rất đa dạng. Chính sự đa dạng này cũng gây rất nhiều KKTL cho SV khi giải quyết các THSP, làm cho các em thiếu kiên nhẫn khi giải quyết THSP nhất là các tình huống khó.

KKTL trong việc giải quyết THSP của SV biểu hiện ở mặt thái độ chính là những thái độ, tình cảm, xúc cảm âm tính của SV. Những KKTL này sẽ làm giảm tính tích cực, chủ động, linh hoạt trong việc giải quyết THSP từ đó dẫn đến hiệu quả không cao.

Như vậy, những KKTL biểu hiện ở mặt thái độ trong việc giải quyết THSP của SV gồm:

- Nhu cầu giải quyết THSP và hình thành kỹ năng giải quyết THSP còn thấp.
- Chưa thực sự có hứng thú giải quyết THSP.
- E ngại khi phải xuất hiện trước tập thể.
- Hồi hộp, lo lắng trước sự xuất hiện của THSP cần giải quyết nhanh.
- Thiếu tự tin khi đóng vai là người giáo viên.
- Sợ mắc sai lầm khi giải quyết THSP.
- Thiếu kiên nhẫn khi giải quyết THSP khó.

❖ Về mặt hành vi:

Hành vi, hành động ứng xử là mặt biểu hiện ra bên ngoài của khả năng giải quyết THSP nảy sinh trong quan hệ ứng xử giữa giáo viên và học sinh. Hành vi ứng xử được hiểu là sự phối hợp hài hòa hợp lý của thái độ, hành vi, hành động, cử chỉ, điệu bộ, cách nói năng ứng xử của giáo viên và học sinh trong một tình huống cụ thể. [30]

Các THSP thường xảy ra bất ngờ. Chính đặc điểm này thường tạo nên khó khăn cho việc giải quyết THSP. Nó làm cho nhà giáo dục – cụ thể ở đây là SV có

hành vi lúng túng, thiếu tự tin khi giải quyết THSP hoặc thụ động, ứng xử kém linh hoạt trong việc giải quyết THSP. Điều này là do chính bản thân SV chưa hiểu biết đầy đủ về các quy luật vận động của quá trình giáo dục, về đặc điểm tâm lý đối tượng cũng như quy luật phát triển của chúng. Những hiểu biết đầy đủ về các nội dung trên sẽ làm giảm bớt các KKTL, tính chủ động của nhà giáo dục tăng lên trước các THSP.

Thực tế SV sư phạm vẫn chưa có nhiều kinh nghiệm đứng lớp, chưa tiếp xúc nhiều với trường phổ thông với tư cách là người giáo viên thêm vào đó những kiến thức về giao tiếp, ứng xử sư phạm còn nhiều hạn chế. Chính điều này làm cho SV có hành vi bột phát, ngẫu nhiên khi giải quyết THSP, hoạt động ngôn ngữ nói của sinh viên còn hạn chế. Những KKTL này làm cho việc giải quyết THSP của SV trở nên kém hiệu quả.

Khả năng tự kiểm tra, tự điều chỉnh hành vi ứng xử là kỹ năng quan trọng, giúp SV tự đánh giá hiệu quả hoạt động của bản thân từ đó tự điều chỉnh, điều khiển hành vi của mình đạt kết quả tốt hơn. Tuy nhiên không ít SV chưa thể đáp ứng hoặc đáp ứng chưa cao yêu cầu này. Vì vậy đây cũng là một KKTL làm giảm hiệu quả việc giải quyết THSP của SV.

Khó khăn trong việc huy động kiến thức vào việc giải quyết THSP cũng làm cho hoạt động này của SV kém hiệu quả. Có những THSP cần phải giải quyết ngay trên lớp, đó là những tình huống liên quan đến việc làm sáng rõ một kiến thức nào đó thì SV với tư cách là người GV tương lai thường tỏ ra lúng túng, thậm chí có cách giải quyết sai lầm hoặc có thể giải quyết tình huống một cách cảm tính theo thói quen làm giảm uy tín của chính bản thân.

Như vậy, những KKTL biểu hiện ở mặt hành vi trong việc giải quyết THSP của SV gồm:

- Thụ động trong việc giải quyết THSP.
- Ứng xử trong việc giải quyết THSP kém linh hoạt.
- Hành vi lúng túng, thiếu tự tin khi giải quyết THSP.
- Hành vi bột phát, ngẫu nhiên khi giải quyết THSP.

- Khả năng tự kiểm tra, tự điều chỉnh hành vi ứng xử yếu.
- Hoạt động ngôn ngữ nói của SV còn hạn chế.
- Khả năng huy động kiến thức vào việc giải quyết THSP chưa cao.

Tóm lại, ba mặt biểu hiện nhận thức, thái độ và hành vi có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Mặt nhận thức là định hướng, là nền tảng cho thái độ và hành vi. Mặt thái độ là động lực, tạo sức mạnh về mặt ý chí, nghị lực giúp cho nhận thức và hành động nhanh đi đến kết quả. Mặt hành động là biểu hiện của hai mặt trên đồng thời là kết quả của hành động, hoạt động sư phạm của người giáo viên, hành vi, hành động cần phải được củng cố, luyện tập thường xuyên liên tục thì kết quả hành vi, hành động mới vững chắc.

### ***1.3.3. Ảnh hưởng của khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên***

Bất cứ hoạt động nào diễn ra cũng đều gặp phải những KKTL nhất định. Hoạt động giải quyết THSP của SV là loại hình hoạt động trí óc đòi hỏi khả năng tư duy độc lập, linh hoạt, sáng tạo ở mức độ cao vì vậy những KKTL xảy ra với chủ thể giải quyết THSP trong hoạt động sư phạm càng lớn [30]. Những KKTL ngoài việc làm ảnh hưởng đến hiệu quả việc giải quyết THSP của SV không cao, nó còn gây ra một số ảnh hưởng khác, cụ thể:

- Làm cho SV nhận thức không đầy đủ về ý nghĩa, tác dụng của việc nâng cao năng lực giải quyết THSP.
- Làm cho SV không phát huy được khả năng tư duy linh hoạt, nhanh nhạy trong việc giải quyết THSP.
- Giải quyết THSP một cách rập khuôn, máy móc.
- Giải quyết các THSP kém hiệu quả, không đảm bảo các nguyên tắc giao tiếp, ứng xử sư phạm.
- Có quan niệm giải quyết THSP như thế nào cũng được.
- Lúng túng, thiếu tự tin trong quá trình giải quyết các THSP.
- Khó khăn trong việc đưa ra các phương án và chọn phương án giải quyết tối ưu nhất trong việc giải quyết THSP.

- Làm cho SV có thể bắt lực trước một vài tình huống.

#### ***1.3.4. Nguyên nhân gây ra khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên***

##### **❖ Một số đặc điểm tâm lý của sinh viên**

Khách thể nghiên cứu của đề tài là SV sư phạm, chính vì vậy việc tìm hiểu về các đặc điểm tâm sinh lý của họ là một trong những cơ sở quan trọng để xác định các biện pháp tác động phù hợp.

##### **● Về mặt sinh lý:**

Sự phát triển về thể chất đã đạt đến mức hoàn thiện, trọng lượng não đã đạt đến mức tối đa, hoạt động thần kinh cấp cao đạt đến mức trưởng thành, hưng phấn và ức chế trở nên cân bằng hơn. Sự hoàn thiện của các tế bào thần kinh cho phép tạo nên mối liên hệ vô cùng rộng lớn và linh hoạt giữa các vùng chức năng. Chính những điều kiện này người ta đã ước tính được khoảng 2/3 số kiến thức học được trong một đời người do được tích lũy trong thời gian này [31]. Đây là những điều kiện thuận lợi để SV có thể thực hiện tốt nhiệm vụ học tập của mình, khắc phục được những KKTL trong học tập cũng như trong việc giải quyết THSP.

##### **● Về mặt trí tuệ:**

Sự hoàn thiện của sinh lý thần kinh đã tạo cơ sở vật chất quan trọng cho sự phát triển mạnh mẽ về trí tuệ của SV. Trong thời kỳ này, sự phát triển trí tuệ được đặc trưng bởi sự nâng cao năng lực trí tuệ. Tư duy trở nên sâu sắc và rộng mở, có năng lực giải quyết các nhiệm vụ trí tuệ ngày càng khó khăn hơn, khả năng lập luận có tiến bộ rõ nét. Khả năng tưởng tượng rộng mở nhưng đã phát triển trong môi liên hệ chặt chẽ với tư duy, làm cho sản phẩm tưởng tượng trở nên hợp logic hơn [24]. Trí nhớ ý nghĩa phát triển mạnh mẽ, giúp SV có khả năng tự học, tự nghiên cứu có kết quả, khối lượng tri thức SV ghi nhớ cũng nhiều hơn.

##### **● Về mặt tình cảm:**

Sự phát triển tình cảm được đặc trưng bởi “Thời kỳ bão táp và căng thẳng”. Đời sống tình cảm của các em tương đối phong phú, tình bạn khác giới, cùng giới phát triển theo chiều sâu, tình bạn bền vững. Tình yêu ở tuổi SV đạt đến hình thái



chuẩn mực cùng với những biểu hiện phong phú, đặc sắc của nó. Lứa tuổi này còn dễ xúc cảm và xúc cảm thường có cường độ cao. Đặc điểm này thường có nguồn gốc từ sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống nhu cầu bậc cao, những nguyện vọng và ước muốn của con người. Do vậy các em mong muốn được tham gia vào những hoạt động phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng và sở thích. Đây là động lực thúc đẩy khả năng sáng tạo và tình yêu nghề nghiệp ở SV.

- Về khả năng tự ý thức:

Đây là một đặc điểm tâm lý quan trọng nhất của lứa tuổi thanh niên – sinh viên. Các em có khả năng tự ý thức, tự đánh giá bản thân mình cũng như về người khác tương đối chính xác. Chiều sâu và cường độ của tự ý thức ở thanh niên phụ thuộc vào các yếu tố xã hội (thành phần cá thể, mức độ hướng nội và hướng ngoại) và các điều kiện giáo dục, quan hệ với bạn bè, việc học tập. Đây là cơ sở cho năng lực tự chủ, tự điều khiển, điều chỉnh nhận thức, thái độ, hành vi của bản thân.

SV khoa sư phạm trường Đại học An Giang cũng có những đặc điểm tâm lý như trên. Tuy nhiên, SV khoa sư phạm trường Đại học An Giang hầu hết là những SV xuất thân từ những vùng nông thôn, thêm vào đó những năm gần đây điểm tuyển sinh đầu vào của SV các ngành sư phạm không cao, chính điều này cũng có tác động ít nhiều đến chất lượng học tập và rèn luyện của các em trong môi trường đại học.

SV trường ĐHAG ngoài việc phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập còn phải tham gia vào các hoạt động chính trị – xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao... Trong hoạt động học tập, SV phải học các môn học cơ bản, chuyên ngành để lĩnh hội hệ thống tri thức trong các lĩnh vực để hình thành hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo. Với tính chất, môi trường học tập, nội dung học tập mới đòi hỏi SV phải có một trình độ nhận thức tương ứng. Sinh viên cần phát triển năng lực phân tích và tổng hợp vấn đề, năng lực đánh giá và nhận xét các tình huống, các vấn đề có liên quan đến nội dung môn học. Quá trình học tập trong điều kiện mới đòi hỏi SV phải tự lên kế hoạch, phải phát triển tư duy linh hoạt, nhạy bén và sáng tạo để nhận thức và giải quyết vấn đề mới, tình huống mới. Đa số SV vừa mới vào trường đều có tâm

lý lo lắng, chưa quen phong cách và phương pháp học tập ở trường đại học, bước đầu còn nhiều ngỡ ngàng, thiếu tự tin... chưa kể đến một số SV còn chưa xác định rõ động cơ vào nghề, chưa thực sự hứng thú với những hình thức học tập và sinh hoạt trong môi trường sư phạm. Vì vậy, SV thường có tâm lý khó thích ứng với môi trường mới, với yêu cầu cao, đòi hỏi chuẩn mực trong nhà trường sư phạm. Do đó cần phải giúp SV có những thói quen và những phẩm chất nhân cách tốt đẹp của người giáo viên.

❖ Nguyên nhân gây ra khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên

Khi tiến hành một hoạt động, để quá trình hoạt động diễn ra suôn sẻ và có hiệu quả, hạn chế tối đa những khó khăn phát sinh khi thực hiện cần phải đảm bảo các điều kiện cần thiết cho hoạt động, đó là điều kiện khách quan và chủ quan.

Hoạt động giải quyết THSP là một hoạt động phức tạp. Cho nên việc đảm bảo đầy đủ các điều kiện để tiến hành hoạt động giải quyết THSP là cần thiết. Các điều kiện này nếu được đảm bảo sẽ tạo thuận lợi cho hoạt động giải quyết THSP và ngược lại sẽ trở thành nguyên nhân làm nảy sinh những khó khăn chung, KKTL nói riêng trong quá trình giải quyết THSP.

Để đưa ra các nguyên nhân khách quan và chủ quan gây ra KKTL trong việc giải quyết THSP, chúng tôi đã nghiên cứu một số tài liệu tâm lý học phân tích về các trở ngại tâm lý, KKTL trong các hoạt động khác nhau, đặc biệt là hoạt động giao tiếp, là hoạt động ít nhiều có liên quan đến hoạt động giải quyết THSP.

Tác giả Nguyễn Thị Thanh Bình đã nêu ra một nguyên nhân khách quan và chủ quan gây ra những trở ngại trong quá trình giao tiếp của SV đối với học sinh [5, tr40-41]. Một số nguyên nhân chủ quan: thiếu kinh nghiệm giao tiếp, kém phát triển về năng lực và kỹ năng giao tiếp, có sự khác biệt về phong cách giao tiếp của chủ thể với đối tượng giao tiếp, đánh giá quá cao hoặc quá thấp đối tượng giao tiếp, không phù hợp về tính cách với đối tượng giao tiếp, thiếu hiểu biết về đối tượng giao tiếp, thiếu khả năng diễn đạt, thiếu hiểu biết tập quán và tục lệ giao tiếp, chưa có tâm thế giao tiếp,... Một số nguyên nhân khách quan: hoàn cảnh giao tiếp mới lạ,

tình huống giao tiếp bất ngờ, phức tạp, nội dung giao tiếp mới lạ, thiếu thời gian giao tiếp, địa vị xã hội khác nhau, chênh lệch quá lớn về tuổi tác, khác nhau về giới tính, khác nhau về mục tiêu giao tiếp, ...

Trên cơ sở đó và dựa trên ý kiến đánh giá của những giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy, giáo viên hướng dẫn thực tập, dựa trên kinh nghiệm giảng dạy của bản thân, chúng tôi tiến hành tìm hiểu một số nguyên nhân gây KKTL trong việc giải quyết THSP của SV, gồm nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan.

● Những nguyên nhân chủ quan:

- SV chưa tích cực học tập tích lũy kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm.
  - SV chưa tiếp xúc nhiều với học sinh.
  - SV chưa được làm quen với các phương pháp tư duy sư phạm.
  - SV chưa hiểu biết đầy đủ về vai trò và ý nghĩa của hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.
  - Còn thờ ơ, chưa say mê rèn kỹ năng giải quyết THSP.
  - Mặc cảm, sợ mất uy tín trước bạn bè.
  - Chưa có kinh nghiệm trong xử lý THSP.
  - Có phong cách độc đoán hoặc tự do trong giao tiếp với học sinh.
  - Bản thân chưa đáp ứng được các đòi hỏi cần sự chuẩn mực trong nguyên tắc ứng xử.
  - Mặc cảm về ngoại hình hoặc dị tật phát âm của bản thân.
  - Năng lực học tập các môn học chuyên ngành còn hạn chế.
  - SV chưa có tinh thần cầu thị, học hỏi.
- Những nguyên nhân khách quan:
- Chương trình đào tạo các môn nghiệp vụ sư phạm còn nặng về lý thuyết.
  - Tài liệu hướng dẫn, tham khảo để hình thành kỹ năng giải quyết THSP còn ít.
  - Điều kiện, phương tiện, cơ sở vật chất để rèn luyện nghiệp vụ sư phạm còn

hạn chế.

- THSP diễn ra phức tạp, bất ngờ, nhiều mâu thuẫn.
- Thời gian dành cho việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm còn ít.
- Chưa có sự tương thích giữa chương trình học và thực tế.
- Do không có khả năng hoạt động tập thể.
- Do chưa yên tâm với nghề mà mình đang học (ra trường chưa xin được việc làm ngay).

- Chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường và đơn vị thực tập.

Tóm lại, để hạn chế những KKTL trong việc giải quyết THSP chúng ta cần tìm hiểu không chỉ những điều kiện không thuận lợi xuất phát từ môi trường khách quan bên ngoài (nguyên nhân khách quan) mà còn cần phải xác định những yếu tố xuất phát từ chính bản thân chủ thể - SV với tư cách là người giáo viên tương lai (nguyên nhân chủ quan). Có như vậy, việc nhận thức về những nguyên nhân gây ra KKTL trong việc giải quyết THSP của SV mới đầy đủ và chính xác nhằm đề ra những giải pháp phù hợp để giảm bớt những KKTL, giúp SV giải quyết THSP hiệu quả hơn.

## **TIÊU KẾT CHƯƠNG 1**

Qua nghiên cứu các vấn đề về KKTL trong việc giải quyết THSP của SV, chúng tôi rút ra một số tiêu kết như sau:

KKTL trong việc giải quyết THSP là những thiếu hụt, những cản trở, những vướng mắc về mặt tâm lý của chủ thể trong quá trình giải quyết THSP, làm cho chủ thể (SV với tư cách là giáo viên tương lai) khó làm chủ hành vi ứng xử của mình, vì vậy việc giải quyết THSP chưa đạt được kết quả mong muốn hoặc có thể mắc phải những sai lầm nhất định trong quá trình giải quyết chúng.

Nghiên cứu KKTL trong việc giải quyết THSP của SV trường Đại học An Giang tập trung nghiên cứu những KKTL biểu hiện ở ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi chủ yếu ở hoạt động dạy học.

Những nguyên nhân gây ra KKTL trong việc giải quyết THSP của SV trường Đại học An Giang bao gồm những nguyên nhân khách quan và những nguyên nhân chủ quan.

## Chương 2

# THỰC TRẠNG KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG SỰ PHẠM CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG

### 2.1. Tổ chức nghiên cứu

#### 2.1.1. Mục đích nghiên cứu

Khảo sát thực trạng về khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sự phạm của sinh viên trường Đại học An Giang từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm giảm bớt những khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sự phạm của sinh viên.

#### 2.1.2. Mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu gồm 406 sinh viên khoa Sư phạm trường Đại học An Giang, được phân bố như sau:

*Bảng 2.1: Phân bố khách thể nghiên cứu*

Tiêu chí phân loại		Số lượng	Tỷ lệ %	
Bậc học	Cao đẳng	II	74	18,2
		III	119	29,3
	Đại học	III	105	25,9
		IV	108	26,6
<b>Tổng</b>		406	100	
Giới tính	Nam		187	46,1
	Nữ		219	53,9
<b>Tổng</b>		406	100	

Qua bảng phân bố khách thể nghiên cứu ta thấy:

- Với tiêu chí phân loại theo giới tính: đối tượng được khảo sát khá cân bằng, không có sự chênh lệch lớn giữa tỷ lệ nam (46,1% ) và nữ (53,9%)

- Với tiêu chí phân loại theo bậc học: các nhóm khách thể được khảo sát khá đồng đều ở các nhóm, trong đó nhiều nhất là sinh viên năm II và sinh viên năm thứ III hệ cao đẳng. Tuy nhiên sự chênh lệch không đáng kể, dao động trong khoảng từ 18,2% đến 29,3%.

### **2.1.3. Phương pháp nghiên cứu**

#### **2.1.3.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu**

❖ Mục đích: Xây dựng khung lý luận làm cơ sở nghiên cứu đề tài.

❖ Nội dung:

- Khái quát, hệ thống những vấn đề lý luận về KKTL trong giải quyết THSP, làm sáng tỏ các khái niệm công cụ trong việc nghiên cứu thực trạng KKTL trong việc giải quyết THSP của SV.

- Phân tích, tổng hợp và đánh giá các công trình nghiên cứu trước, từ đó chỉ ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

- Xác lập cơ sở lý luận cho việc lựa chọn và thiết lập công cụ nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu của đề tài.

❖ Cách tiến hành:

Thu thập những tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu, phân tích, tổng hợp các tài liệu, như: tình huống, tình huống sự phạm, khó khăn tâm lý, khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sự phạm,... phục vụ cho việc nghiên cứu nhằm làm rõ các vấn đề lý luận của vấn đề cần nghiên cứu.

#### **2.1.3.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi**

❖ Mục đích: Đánh giá thực trạng khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sự phạm của sinh viên Đại học An Giang.

❖ Nội dung: khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sự phạm của sinh viên Đại học An Giang.

❖ Cách tiến hành:

- Bước 1: Dựa trên những biểu hiện của thực trạng những KKTL trong việc giải quyết THSP của SV trường Đại học An Giang, cơ sở lý luận của đề tài, người nghiên cứu đưa ra bảng thăm dò mở nhằm trưng cầu ý kiến của khách thể về KKTL

trong việc giải quyết THSP của SV trường Đại học An Giang. Nội dung phiếu là những câu hỏi nhằm trung cầu ý kiến của 50 SV khoa sư phạm trường Đại học An Giang, sau đó phân tích và tổng hợp ý kiến ở các câu hỏi mở. [Phụ lục 1]

- Bước 2: Trên cơ sở kết quả của phiếu điều tra bằng câu hỏi mở kết hợp với những vấn đề lý luận về KKTL trong việc giải quyết THSP, chúng tôi xây dựng phiếu thăm dò ý kiến, nội dung nhằm khảo sát thực trạng khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên Đại học An Giang.

Hệ thống câu hỏi trong phiếu thăm dò ý kiến gồm 2 phần: [Phụ lục 2]

Phần I: phần thông tin cá nhân của người trả lời: giới tính, bậc học, năm học của khách thể nghiên cứu.

Phần II: nội dung chính của phiếu thăm dò ý kiến, gồm 5 câu hỏi.

Câu 1: khảo sát về mức độ biểu hiện những khó khăn tâm lý trong việc giải quyết THSP của SV trường Đại học An Giang ở các mặt nhận thức, thái độ và hành vi của SV, với 5 mức độ lựa chọn: rất thường xuyên (5 điểm), thường xuyên (4 điểm), thỉnh thoảng (3 điểm), hiếm khi (2 điểm), không bao giờ (1 điểm).

- Từ KKTL 1 đến KKTL 7: là những KKTL biểu hiện ở mặt nhận thức.

- Từ KKTL 8 đến KKTL 14: là những KKTL biểu hiện ở mặt thái độ.

- Từ KKTL 15 đến KKTL 21: là những KKTL biểu hiện ở mặt hành vi.

Thang đánh giá:

- Từ 1 điểm đến 1,5 điểm: không bao giờ gặp các khó khăn tâm lý.

- Từ 1,51 điểm đến 2,5 điểm: hiếm khi gặp các khó khăn tâm lý.

- Từ 2,51 điểm đến 3,5 điểm: thỉnh thoảng gặp các khó khăn tâm lý.

- Từ 3,51 điểm đến 4,5 điểm: thường xuyên gặp các khó khăn tâm lý.

- Từ 4,51 điểm đến 5 điểm: rất thường xuyên gặp các khó khăn tâm lý.

Câu 2: khảo sát về mức độ ảnh hưởng của những KKTL trong việc giải quyết THSP của SV trường Đại học An Giang, với 5 mức độ lựa chọn: rất nhiều (5 điểm), nhiều (4 điểm), bình thường (3 điểm), ít (2 điểm), rất ít (1 điểm).

Thang đánh giá:

- Từ 1 điểm đến 1,5 điểm: mức độ ảnh hưởng rất ít.



- Từ 1,51 điểm đến 2,5 điểm: mức độ ảnh hưởng ít.
- Từ 2,51 điểm đến 3,5 điểm: mức độ ảnh hưởng bình thường.
- Từ 3,51 điểm đến 4,5 điểm: mức độ ảnh hưởng nhiều.
- Từ 4,51 điểm đến 5 điểm: mức độ ảnh hưởng rất nhiều.

Câu 3: khảo sát những nguyên nhân gây nên những KKTL trong việc giải quyết THSP của SV trường Đại học An Giang, với 5 mức độ lựa chọn: rất đồng ý (5 điểm), đồng ý (4 điểm), phân vân (3 điểm), không đồng ý (2 điểm), hoàn toàn không đồng ý (1 điểm).

- Từ nguyên nhân thứ 1 đến nguyên nhân thứ 12: những nguyên nhân chủ quan.

- Từ nguyên nhân thứ 13 đến nguyên nhân thứ 21: những nguyên nhân khách quan.

Thang đánh giá:

- Từ 1 điểm đến 1,5 điểm: SV hoàn toàn không đồng ý nguyên nhân gây nên KKTL.

- Từ 1,51 điểm đến 2,5 điểm: SV không đồng ý nguyên nhân gây nên KKTL.

- Từ 2,51 điểm đến 3,5 điểm: SV không biết nguyên nhân có gây nên KKTL hay không.

- Từ 3,51 điểm đến 4,5 điểm: SV đồng ý nguyên nhân gây nên KKTL.

- Từ 4,51 điểm đến 5 điểm: SV hoàn toàn đồng ý nguyên nhân gây nên KKTL.

Câu 4: gồm 5 tình huống sư phạm giả định diễn ra trong dạy học, mỗi tình huống gồm 3 cách xử lý khác nhau, giải quyết theo phương án tối ưu nhất sẽ được 3 điểm, phương án tối ưu thứ 2 được 2 điểm, phương án tối ưu thứ 3 được 1 điểm. Ở câu hỏi này, chúng tôi chia thành hai cột, cột thứ nhất là 5 tình huống và cách xử lý, cột thứ hai là danh sách 21 KKTL [Phụ lục 2, câu hỏi 4]. Mỗi tình huống sau khi giải quyết xong, yêu cầu SV ghi nhận lại những KKTL nào bản thân SV gặp khi giải quyết các tình huống trên.

Thang đánh giá:

a) Kết quả xử lý THSP giả định:

- Từ 1 điểm đến 1,5 điểm: SV xử lý THSP ở mức yếu.
- Từ 1,51 điểm đến 2,5 điểm: SV xử lý THSP ở mức trung bình.
- Từ 2,51 điểm đến 3,0 điểm: SV xử lý THSP ở mức tốt.

b) Tính tần số và phần trăm các KKTL sinh viên gặp phải khi giải quyết các THSP giả định.

Câu 5: đề xuất một số biện pháp có thể khắc phục những KKTL trong việc giải quyết THSP của SV trường Đại học An Giang, với 5 mức độ lựa chọn: rất cần thiết (5 điểm), cần thiết (4 điểm), có cũng được không cũng được (3 điểm), không cần thiết (2 điểm), hoàn toàn không cần thiết (1 điểm).

- Các biện pháp đối với nhà trường: 8 biện pháp.
- Các biện pháp đối với giảng viên: 5 biện pháp.
- Các biện pháp đối với sinh viên: 10 biện pháp.

Thang đánh giá:

- Từ 1 điểm đến 1,5 điểm: biện pháp để khắc phục KKTL hoàn toàn không cần thiết.
- Từ 1,51 điểm đến 2,5 điểm: biện pháp để khắc phục KKTL không cần thiết.
- Từ 2,51 điểm đến 3,5 điểm: biện pháp để khắc phục KKTL có cũng được, không cũng được.
- Từ 3,51 điểm đến 4,5 điểm: biện pháp để khắc phục KKTL cần thiết.
- Từ 4,51 điểm đến 5 điểm: biện pháp để khắc phục KKTL rất cần thiết.

### **2.1.3.3. Phương pháp phỏng vấn**

+ Mục đích: Nhằm thu thập thêm thông tin, giải thích và đánh giá về mức độ biểu hiện những khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên Đại học An Giang và nguyên nhân của thực trạng.

+ Khách thể nghiên cứu: 05 sinh viên và 05 giảng viên giảng dạy, giáo viên hướng dẫn thực tập khách thể nghiên cứu.

+ Cách tiến hành: Trò chuyện, trao đổi trực tiếp với sinh viên, giảng viên

đang dạy tại các lớp được chọn làm khách thể nghiên cứu.

#### **2.1.3.4. Phương pháp thống kê toán học**

Sử dụng phương pháp xử lý thống kê bằng phần mềm SPSS 13.0 for window để tính:

- Tỷ lệ phần trăm, thống kê tần số.
- Điểm trung bình, xếp thứ hạng.
- Kiểm nghiệm T-test.

Mức ý nghĩa thống kê: khoảng tin cậy 95%,  $\alpha = 0,05$

## **2.2. Kết quả nghiên cứu thực trạng**

### **2.2.1. Thực trạng khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên Trường Đại học An Giang**

Chúng tôi tiến hành nghiên cứu thực trạng KKTL trong việc giải quyết THSP của SV trường Đại học An Giang biểu hiện qua 3 mặt nhận thức, thái độ và hành vi.

#### **2.2.1.1. Kết quả chung về KKTL trong việc giải quyết THSP của sinh viên trường Đại học An Giang**

##### **a) KKTL trong việc giải quyết THSP của sinh viên trường Đại học An Giang biểu hiện qua mặt nhận thức**

###### **❖ Đánh giá chung**

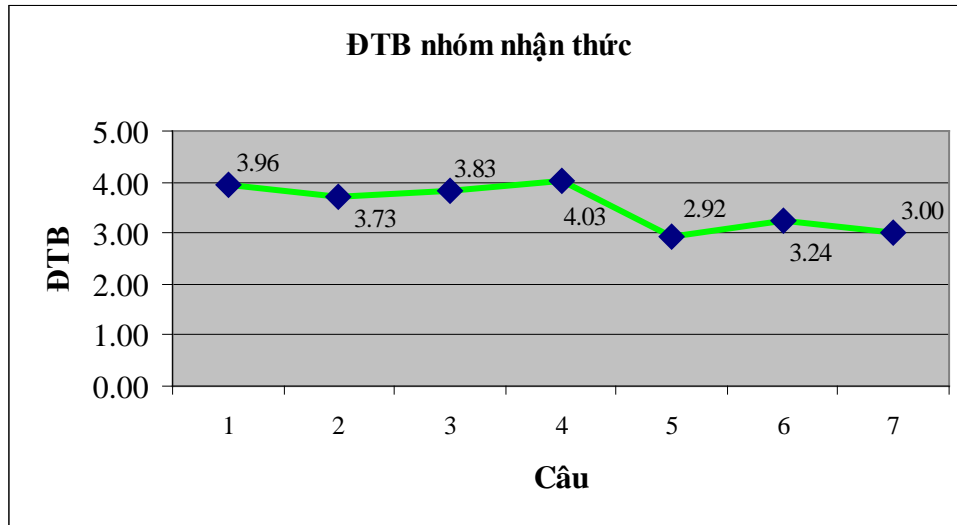
Trong bất cứ hoạt động nào của con người, nhận thức luôn đóng vai trò quan trọng, nhận thức ảnh hưởng sâu sắc đến kết quả của hành động. Nhận thức giúp con người hiểu biết về các sự vật hiện tượng, từ đó bày tỏ thái độ tình cảm và hành vi tương ứng. Trong hoạt động giải quyết THSP của SV cũng vậy, nếu SV không nhận thức đúng đắn về đối tượng tác động, không hiểu biết nhất định về hoạt động sư phạm thì sẽ gặp những khó khăn nhất định.

Bảng 2.2: KKTL về mặt nhận thức của SV trong việc giải quyết THSP

Khó khăn	Nội dung	Không bao giờ (%)	Hiếm khi (%)	Thỉnh thoảng (%)	Thường xuyên (%)	Rất thường xuyên (%)	ĐTB	Thứ hạng
1	Vốn kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sự phạm còn hạn chế.	0,0	2,7	19,0	57,9	20,4	<b>3,96</b>	<b>2</b>
2	Hiểu biết về tâm sinh lý và trình độ của học sinh còn ít.	0,2	3,4	32,5	50,5	13,3	<b>3,73</b>	<b>4</b>
3	Khả năng liên tưởng, sàng lọc và xác định phương án giải quyết tình huống tối ưu nhất còn hạn chế.	0,2	7,6	23,2	47,0	21,9	<b>3,83</b>	<b>3</b>
4	Chưa nắm được các nguyên tắc giải quyết một THSP.	1,5	0,0	14,5	62,3	21,7	<b>4,03</b>	<b>1</b>
5	Hiểu biết về các môn khoa học chuyên ngành chưa cao.	3,7	24,9	49,5	20,0	2,0	2,92	7
6	Chưa thích ứng với môi trường và tổ chức hoạt động của trường phổ thông.	5,4	18,7	36,5	24,9	14,5	3,24	5
7	Động cơ chọn nghề chưa đúng theo nguyện vọng.	21,7	15,3	21,2	24,9	17,0	3,00	6
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>3,53</b>						

Qua kết quả bảng 2.2, điểm trung bình chung đạt được 3,53 cho thấy nhìn chung sinh viên thường xuyên gặp KKTL về mặt nhận thức, trong đó điểm trung bình dao động trong khoảng từ 2,92 đến 4,03. Cụ thể: tiêu chí mà sinh viên cho rằng họ thường xuyên gặp khó khăn (có điểm trung bình lớn hơn 3,51) là các khó khăn 4,

1, 3, 2. Và các tiêu chí sinh viên cho rằng thỉnh thoảng gặp khó khăn là các khó khăn 5, 7, 6 (có điểm trung bình lớn hơn 2,51).



*Biểu đồ 2.1: KKTL về mặt nhận thức của SV trong việc giải quyết THSP*

Khó khăn 4 “Chưa nắm được các nguyên tắc giải quyết một THSP” là tiêu chí có điểm trung bình cao nhất 4,03, có 84% sinh viên cho rằng họ thường xuyên gặp khó khăn và 14,5% thỉnh thoảng gặp khó khăn khi giải quyết THSP do chưa hiểu được nguyên tắc của nó, do đó rất khó để xử lý tốt các THSP. Chỉ có 1,5% sinh viên cho rằng họ rất tự tin khi giải quyết THSP do nắm bắt được nguyên tắc của nó. Trong những năm học gần đây, Đại học An Giang có rất nhiều cải tiến trong chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy của giáo viên. Tuy nhiên, các học phần thuộc khối kiến thức khoa học sư phạm vẫn còn mang nặng tính lý thuyết, thời gian thực hành vẫn rất ít, thời gian dành cho việc thực hành xử lý các THSP càng ít hơn. Bạn M. sinh viên sư phạm tin học tự nhận xét: “Đứng lớp em rất bình tĩnh, cái yếu là xử lý tình huống tại lớp chưa được như ý muốn”[Phụ lục 4]. Một số sinh viên còn cho biết thêm các em thường cho rằng trong quá trình học tập tại trường cũng như khi đi thực tập, kiến tập các em chỉ chú trọng trau dồi kiến thức chuyên ngành, rèn luyện về các kỹ năng soạn giảng, kỹ năng trình bày bảng và thường không chú trọng đến việc trau dồi các kiến thức như lý thuyết về THSP, quy trình xử lý các THSP [Phụ lục 4]. Cũng cùng nguyên nhân trên, khó khăn 3 “Khả năng

*liên tưởng, sàng lọc và xác định phương án giải quyết tình huống tối ưu nhất còn hạn chế*” có điểm trung bình khá cao 3,83 với 21,9% cho rằng mình rất thường xuyên và 47% cho rằng mình thường xuyên gặp khó khăn này.

Hiện nay, cũng như SV các trường sư phạm trên cả nước, SV khoa sư phạm trường Đại học An Giang bắt đầu kiến tập vào cuối học kỳ I của năm thứ III và đây cũng là lần đầu SV được chính thức tiếp xúc trực tiếp với môi trường sư phạm và các em học sinh ở phổ thông trong thời gian khoảng 3 tuần do vậy SV có rất ít vốn kinh nghiệm, vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm. Hơn nữa, học phần tâm lý lứa tuổi và tâm lý sư phạm được giảng dạy tại ĐHAG với thời lượng 30 tiết cho cả hai phần khó có thể giúp SV hiểu biết sâu về tâm sinh lý, trình độ học sinh. Chính vì vậy, SV cho rằng mình thường xuyên gặp các khó khăn này, cụ thể điểm trung bình các khó khăn *vốn kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm còn hạn chế* là 3,96 và khó khăn *hiểu biết về tâm sinh lý và trình độ của học sinh còn ít* là 3,73. Giáo viên cũng đánh giá rằng SV thường xuyên gặp các khó khăn này với điểm trung bình khá cao dao động từ 3,70 đến 4,45. [Phụ lục 6 – Bảng 2.16]

Với điểm trung bình là 3,24 ở mức *thỉnh thoảng*, trong đó có 39,4% SV thừa nhận thường xuyên và 36,5% *thỉnh thoảng* gặp khó khăn *chưa thích ứng với môi trường và tổ chức hoạt động của trường phổ thông*. Các em SV thường có chung cảm giác bỡ ngỡ, hồi hộp và có phần run vì cảm thấy chưa thích ứng với môi trường, với cách tổ chức và các hoạt động tại trường phổ thông. Bởi vì với các em, thời gian kiến tập, thực tập gần như là lần đầu tiên được đến trường phổ thông trong khoảng thời gian dài, được tham gia nhiều hoạt động, làm quen với cách tổ chức ở các trường phổ thông cho nên nhiều em chưa thể thích ứng ngay được.

Động cơ chọn nghề chưa đúng với nguyện vọng là một KKTL không nhỏ đối với SV. Hiện nay, các ngành sư phạm tại ĐHAG thường xuyên phải tuyển thêm chỉ tiêu nguyện vọng 2 và 3, điều này cho thấy sư phạm không phải là sự lựa chọn với mong muốn thật sự của SV. Các em chọn ngành sư phạm không phải do yêu thích, do tự nguyện mà có thể vì cha mẹ bắt buộc, vì một giải pháp tình thế nào đó. Chính điều này làm cho SV không tích cực tiếp nhận kiến thức, không hứng thú học tập,

không hào hứng với các hoạt động nghiệp vụ sư phạm nên SV thường gặp KKTL này với tỉ lệ 41,9% thường xuyên và 21,2% thỉnh thoảng.

Riêng khó khăn *hiểu biết về các môn khoa học chuyên ngành chưa cao* là tiêu chí có điểm trung bình thấp nhất 2,92. Trong đó 22% sinh viên cho rằng họ thường xuyên gặp phải khó khăn này nhưng có đến 78% sinh viên ít gặp khó khăn trong hiểu biết về các môn khoa học chuyên ngành. Đây có thể là tiêu chí sinh viên cho rằng họ tự tin nhất trong 07 khó khăn tâm lý về nhận thức. Điều này đã được minh chứng qua báo cáo tổng kết thực tập, kiến tập qua các năm học, đa số SV trường luôn được đánh giá là có kiến thức chuyên môn khá tốt. Theo đánh giá của giáo viên, đây là khó khăn mà SV chỉ thỉnh thoảng gặp phải với điểm trung bình 3,25 thấp nhất trong các khó khăn thuộc nhóm này. [Phụ lục 6 – Bảng 2.16]

❖ *So sánh sự khác biệt trong kết quả đánh giá khi xét đến các yếu tố*

*Bảng 2.3: So sánh tương quan KKTL về mặt nhận thức của SV trong việc giải quyết THSP về giới và bậc học*

Khó khăn về nhận thức		1	2	3	4	5	6	7
Giới tính	Nam	3,79	3,71	3,60	3,80	2,82	2,98	2,98
	Nữ	4,11	3,75	4,02	4,22	3,00	3,47	3,02
	Mức ý nghĩa KĐ T-Test	0,000	<b>0,610</b>	0,000	0,000	<b>0,260</b>	0,000	0,000
Đại học	SV năm III	4,14	3,64	4,10	4,09	2,97	3,48	3,73
	SV năm IV	3,62	3,57	3,25	3,67	2,70	2,81	2,53
	Mức ý nghĩa KĐ T-Test	0,000	<b>0,562</b>	0,000	0,000	0,016	0,000	0,000
Cao đẳng	SV năm II	4,70	4,30	4,66	4,95	3,15	4,39	4,15
	SV năm III	3,65	3,29	3,60	3,73	2,92	2,71	2,08
	Mức ý nghĩa KĐ T-Test	0,000	0,000	0,000	0,000	<b>0,053</b>	0,000	0,000

### ● So sánh theo giới tính

Kết quả kiểm định T-Test cho thấy 05/07 tiêu chí đều có giá trị p trong kiểm định  $t < 0,05$ , nghĩa là có sự khác biệt có ý nghĩa về trung bình giữa 2 nhóm khách thể sinh viên khi xét đến yếu tố giới tính. Riêng khó khăn 2 “*Hiểu biết về tâm sinh lý và trình độ của học sinh còn ít*” và khó khăn 5 “*Hiểu biết về các môn khoa học chuyên ngành chưa cao*” có mức ý nghĩa trong kiểm định  $t > 0,05$ , nghĩa là không có sự khác biệt có ý nghĩa về trung bình giữa 2 nhóm sinh viên nam và nữ ở hai khó khăn này. Như vậy có sự khác biệt trong kết quả tự đánh giá của sinh viên về KKTL ở mặt nhận thức khi xét với biến giới trừ khó khăn 2 và khó khăn 5. Trong đó nhóm nữ có điểm trung bình cao hơn nhóm nam ở 07/07 tiêu chí. Điểm trung bình nhóm nữ dao động trong khoảng từ 3,00 đến 4,11; điểm trung bình nhóm nam dao động trong khoảng từ 2,82 đến 3,80.

Trong đó, đáng chú ý là khó khăn 6 “*Chưa thích ứng với môi trường và tổ chức hoạt động của trường phổ thông*” có sự chênh lệch giữa nhóm nam và nhóm nữ ( $3,47 - 2,98 = 0,49$ ) là cao nhất. Nữ giới thường thận trọng và thích ứng chậm hơn nam giới vì vậy SV nữ khi đi kiến tập, thực tập tiếp xúc với môi trường phổ thông các em thường chưa thích ứng với hoạt động của trường ngay mà phải xem xét, quan sát thận trọng nên các em gặp khó khăn này thường xuyên hơn các bạn nam. Trong khi đó với khả năng bao quát và phản ứng nhanh, SV nam không chịu ảnh hưởng nhiều bởi khó khăn này. Qua trao đổi với các giáo viên hướng dẫn thực tập các thầy cô cũng chung nhận xét SV nam thích ứng với công việc nhanh hơn các em nữ.

### ● So sánh theo năm học

#### ▪ Đối với hệ đại học

Kết quả kiểm định T-Test cho thấy 06/07 tiêu chí đều có giá trị p trong kiểm định  $t < 0,05$ , nghĩa là có sự khác biệt có ý nghĩa về trung bình giữa 2 nhóm khách thể sinh viên khi xét đến yếu tố bậc học. Riêng khó khăn 2 “*Hiểu biết về tâm sinh lý và trình độ của học sinh còn ít*” có mức ý nghĩa trong kiểm định  $t > 0,05$ , nghĩa là không có sự khác biệt có ý nghĩa về trung bình giữa 2 nhóm sinh viên năm III và IV.



Trong số các khó khăn biểu hiện qua mặt nhận thức, SV thường xuyên gặp khó khăn liên quan đến các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm. Thực tế, trong chương trình đào tạo các ngành sư phạm, SV được học các học phần liên quan đến kiến thức khoa học sư phạm như tâm lý học, giáo dục học từ đầu năm thứ nhất tuy nhiên các kiến thức đi sâu vào việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thì được tập trung học vào học kỳ II năm thứ ba. Chính điều này gây khó khăn rất nhiều cho SV năm thứ ba khi các em phải đi kiến tập vào học kỳ I của năm học này. Sinh viên T.V cho biết: “Tụi em đi kiến tập, chủ yếu là dự giờ học hỏi nhưng để dự giờ rút kinh nghiệm thì phải soạn giáo án trước khi dự giờ. Những giáo án này đều được giáo viên bộ môn chấm điểm. Chính vì thế, SV nhất thiết phải học phương pháp giảng dạy để biết cách soạn giáo án, biết các bước tiến hành khi lên lớp và để quan sát giáo viên hướng dẫn chuyên môn. Đó là chưa nói tới việc kiến thức chuyên môn không đáp ứng đủ khi soạn giáo án vì bài đó dưới đại học chưa học, nên SV nghiên cứu chưa sâu. Thêm vào đó, lớp em đã học môn rèn nghiệp vụ sư phạm nhưng đa số các lớp khác đều chưa học”. [Phụ lục 4]

Vì vậy, nhìn vào bảng 2.3 ta thấy ở hệ đại học, sinh viên năm thứ III gặp khó khăn nhiều hơn sinh viên năm thứ IV trong giải quyết các tình huống sư phạm. Cụ thể điểm trung bình nhóm sinh viên năm thứ III cao hơn sinh viên năm thứ IV ở cả 07 khó khăn. Trong đó, điểm trung bình chung của nhóm sinh viên năm thứ III là 3,80 cao hơn nhiều so với điểm trung bình chung của năm thứ IV là 3,17.

▪ **Đối với hệ cao đẳng**

Kết quả kiểm định T-Test cho thấy 06/07 tiêu chí đều có giá trị p trong kiểm định  $t < 0,05$ , nghĩa là có sự khác biệt có ý nghĩa về trung bình giữa 2 nhóm sinh viên hệ cao đẳng. Riêng khó khăn 5 “*Hiểu biết về các môn khoa học chuyên ngành chưa cao*” có mức ý nghĩa trong kiểm định  $t > 0,05$ , nghĩa là không có sự khác biệt có ý nghĩa về trung bình giữa 2 nhóm sinh viên năm II và III.

Nhìn vào bảng 2.3 ta thấy ở hệ cao đẳng, sinh viên năm thứ II gặp khó khăn nhiều hơn sinh viên năm thứ III trong giải quyết các tình huống sư phạm. Cụ thể điểm trung bình nhóm sinh viên thứ II cao hơn sinh viên năm thứ III ở cả 07 khó

khăn. Trong đó, điểm trung bình chung của nhóm sinh viên năm thứ II là 4,33 cao hơn nhiều so với điểm trung bình chung của năm thứ III là 3,14. Riêng khó khăn *chưa thích ứng với môi trường và tổ chức hoạt động của trường phổ thông* có sự chênh lệch nhiều nhất giữa 2 nhóm khách thể (độ biến thiên là 1,68). Trong những năm gần đây, hệ cao đẳng trường Đại học An Giang chủ yếu đào tạo các ngành sư phạm mầm non và sư phạm tiểu học. Vì vậy, SV hệ cao đẳng khi đi kiến tập, thực tập tại các trường mầm non, trường tiểu học có rất nhiều bỡ ngỡ vì tổ chức, hoạt động sư phạm tại đây còn rất mới mẻ với SV. Thêm vào đó, SV năm thứ II hệ cao đẳng chưa có nhiều kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, kiến thức chuyên ngành như SV năm thứ III.

Tóm lại, trong bảy khó khăn tâm lý biểu hiện ở mặt nhận thức, SV thường xuyên gặp các khó khăn *chưa nắm được các nguyên tắc giải quyết một THSP; khả năng liên tưởng, sàng lọc và xác định phương án giải quyết tình huống tối ưu nhất còn hạn chế; vốn kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm còn hạn chế; hiểu biết về tâm sinh lý và trình độ của học sinh còn ít*. Các khó khăn còn lại chỉ ở mức thỉnh thoảng. Kết quả này khá tương đồng với đánh giá của giáo viên. Hầu hết ở các khó khăn đều có sự khác biệt trong kết quả đánh giá khi xét đến các yếu tố về giới tính và bậc học, trừ khó khăn *hiểu biết về tâm sinh lý và trình độ của học sinh còn ít* không có sự khác biệt giữa nhóm SV năm thứ III và SV năm thứ IV hệ đại học, khó khăn *hiểu biết về các môn khoa học chuyên ngành chưa cao* không có sự khác biệt giữa nhóm SV năm thứ II và SV năm thứ III hệ cao đẳng.

**b) KCTL trong việc giải quyết THSP của sinh viên trường Đại học An Giang biểu hiện qua mặt thái độ**

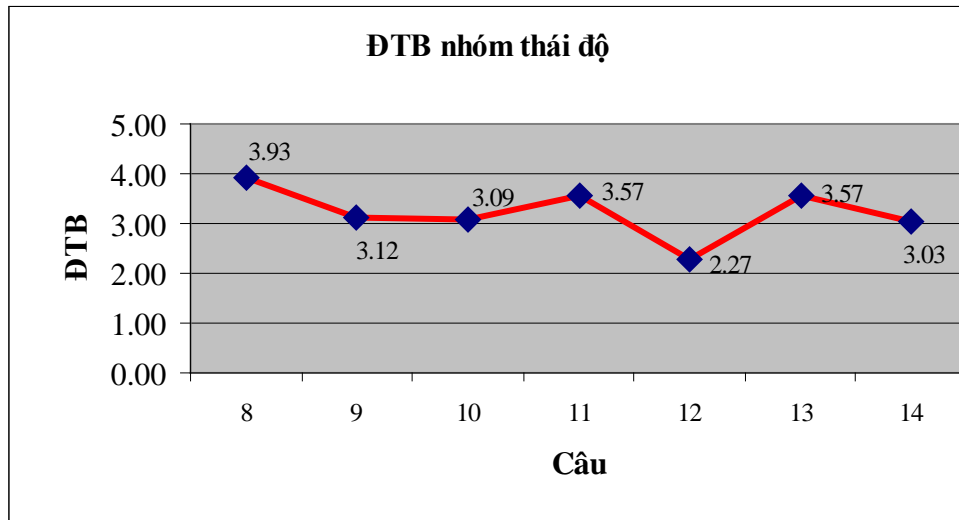
**❖ Đánh giá chung**

Trong quá trình giải quyết các THSP luôn có sự tham gia của thái độ. Điều này gây không ít khó khăn cho SV khi giải quyết THSP, cụ thể:

Bảng 2.4: KKTL về mặt thái độ của SV trong việc giải quyết THSP

Khó khăn	Nội dung	Không bao giờ (%)	Hiếm khi (%)	Thỉnh thoảng (%)	Thường xuyên (%)	Rất thường xuyên (%)	ĐTB	Thứ hạng
8	Nhu cầu giải quyết THSP và hình thành kỹ năng giải quyết THSP còn thấp	0,5	7,9	19,0	43,8	28,8	<b>3,93</b>	<b>1</b>
9	Chưa thực sự có hứng thú giải quyết THSP	14,3	19,0	25,9	22,2	18,7	3,12	4
10	E ngại khi phải xuất hiện trước tập thể	13,5	19,2	24,6	29,8	12,8	3,09	5
11	Hồi hộp, lo lắng trước sự xuất hiện của THSP cần giải quyết nhanh	1,5	7,1	31,5	52,7	7,1	<b>3,57</b>	<b>2</b>
12	Thiếu tự tin khi phải đóng vai là người giáo viên	40,9	20,9	16,0	14,3	7,9	2,27	7
13	Sợ mắc sai lầm khi giải quyết THSP	3,0	9,9	24,1	53,2	9,9	<b>3,57</b>	<b>2</b>
14	Thiếu kiên nhẫn khi giải quyết THSP khó	11,6	20,7	31,5	25,9	10,3	3,03	6
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>3,23</b>						

Qua kết quả bảng 2.4, điểm trung bình chung đạt được 3,23 cho thấy nhìn chung sinh viên thỉnh thoảng gặp khó khăn tâm lý về mặt thái độ, trong đó điểm trung bình dao động trong khoảng từ 2,27 đến 3,93. Cụ thể: tiêu chí mà sinh viên cho rằng họ thường xuyên gặp khó khăn (có điểm trung bình lớn hơn 3,51) là các khó khăn 8, 11, 13. Các khó khăn 9, 10 và 14 được SV đánh giá thỉnh thoảng gặp có điểm trung bình dao động từ 3,03 đến 3,12. Và các tiêu chí sinh viên cho rằng ít gặp khó khăn là tiêu chí 12 với điểm trung bình 2,27.



*Biểu đồ 2.2: KKTL về mặt thái độ của SV trong việc giải quyết THSP*

Từ biểu đồ 2.2, ta thấy khó khăn 8 “*Nhu cầu giải quyết THSP và hình thành kỹ năng giải quyết THSP còn thấp*” là tiêu chí có điểm trung bình cao nhất 3,93. Cụ thể: có 72,6% sinh viên cho rằng họ thường xuyên gặp khó khăn và 19% thỉnh thoảng gặp khó khăn khi giải quyết THSP do chưa hình thành kỹ năng để xử lý tốt các THSP. Chỉ có 8,4% sinh viên cho rằng họ rất tự tin khi giải quyết THSP do biết nhu cầu giải quyết THSP và hình thành kỹ năng giải quyết THSP. Đa số SV trong học tập chỉ chú trọng đến việc học tốt các môn chuyên ngành, chưa quan tâm nhiều đến các môn nghiệp vụ sư phạm, các em thường có tâm lý cho rằng đây là những “môn phụ”, chỉ học để cho qua. Khi được hỏi “Trước khi đi kiến tập, thực tập em thường chuẩn bị những kiến thức nào?” thì đa số các em SV được hỏi đều cho rằng các kiến thức chuyên ngành, phương pháp giảng dạy bộ môn là cần thiết, một vài em có đề cập thêm đến các kiến thức về tâm lý học nhưng lại không có em nào trả lời cần phải chuẩn bị những kiến thức liên quan đến việc giải quyết THSP. Điều này cho thấy nhu cầu của SV trong việc giải quyết và hình thành kỹ năng giải quyết THSP là không cao. Từ chỗ sinh viên chưa nắm vững những tri thức sư phạm cần thiết (những tri thức về tâm lý học, giáo dục học, nghiệp vụ sư phạm, ...), chưa nắm được các nguyên tắc giải quyết một THSP, hơn nữa THSP thường xảy ra bất ngờ, phức tạp ... sẽ dẫn đến việc SV cảm thấy *hồi hộp, lo lắng trước sự xuất hiện của*

*THSP cần giải quyết nhanh* (khó khăn 11) với 59,8% SV chọn mức thường xuyên và rất thường xuyên, *sợ mắc sai lầm khi giải quyết THSP* (khó khăn 13) với 63,1% chọn mức thường xuyên và rất thường xuyên. Cả hai khó khăn này đều có cùng điểm trung bình là 3,57.

Giáo viên cũng cho rằng SV thường xuyên gặp khó khăn “*Nhu cầu giải quyết THSP và hình thành kỹ năng giải quyết THSP còn thấp*” với điểm trung bình là 3,70. Cùng với điểm trung bình này giáo viên cũng đánh giá SV thường xuyên gặp khó khăn “*Thiếu kiên nhẫn khi giải quyết THSP khó*” trong khi SV đánh giá khó khăn này chỉ ở mức thỉnh thoảng với điểm trung bình 3,03 trong đó có 31,5% SV chọn mức thỉnh thoảng và 36,2% SV chọn mức thường xuyên, rất thường xuyên [Phụ lục 6 – Bảng 2.17]. Với những THSP bất ngờ, phức tạp cộng với năng lực giải quyết THSP của SV còn nhiều hạn chế SV có thể bất lực trước những tình huống khó này nên tỏ ra thiếu kiên nhẫn khi đối mặt với nó.

Theo đánh giá của giáo viên SV còn thường xuyên gặp các khó khăn “*E ngại khi phải xuất hiện trước tập thể*” với điểm trung bình 3,65 và “*Chưa thực sự có hứng thú khi giải quyết THSP*” điểm trung bình 3,53 trong khi SV chỉ đánh giá ở mức thỉnh thoảng [Phụ lục 6 – Bảng 2.17]. Khi học đại học, SV không chỉ được đánh giá về học lực mà còn được đánh giá qua điểm rèn luyện thông qua các hoạt động đoàn thể. Vì vậy, với khó khăn “*E ngại khi phải xuất hiện trước tập thể*” có 13,5% số SV được khảo sát cho rằng không bao giờ gặp khó khăn này, 43,8% SV cho rằng hiếm khi hoặc thỉnh thoảng gặp khó khăn này (19,2% và 24,6%), tuy nhiên cũng có 42,6% SV cho rằng thường xuyên và rất thường xuyên gặp khó khăn này (29,8% và 12,8%). Đây là con số không nhỏ, điều này có thể lý giải là do khi đi kiến tập, thực tập SV với tư cách là giáo viên đứng trước tập thể là các em học sinh, nhiều SV sẽ cảm thấy ngại thậm chí thiếu tự tin với vai trò này.

Một SV đã tâm sự “Năm nào cũng vậy, cứ vào khoảng cuối tháng mười đầu tháng mười một là các bạn sinh viên trong trường lại xôn xao đợt kiến tập sư phạm. Nhớ khi còn là sinh viên năm nhất, nhìn các anh chị khóa trên đi kiến tập mà em thấy nôn nao. Lúc ấy em cứ ước thời gian trôi thật nhanh để sớm được đi như

thể. Cứ nghĩ đến việc sẽ được mặc áo dài thật đẹp, được dự chào cờ chung với các thầy cô, được mấy chục đứa học sinh gọi là cô và nhìn mình bằng cặp mắt ngưỡng mộ em đã thấy vô cùng sung sướng...” (K.H – SV ngữ văn) [Phụ lục 4]. Trở thành giáo viên là niềm hạnh diện đối với SV khoa sư phạm. Vì vậy, khó khăn 12 “*Thiếu tự tin khi phải đóng vai là người giáo viên*” là tiêu chí có điểm trung bình thấp nhất 2,27. Trong đó 22,2% sinh viên cho rằng họ thường xuyên gặp phải khó khăn này nhưng có đến 77,8% sinh viên ít gặp khó khăn trong việc đóng vai là người giáo viên.

❖ **So sánh sự khác biệt trong kết quả đánh giá khi xét đến các yếu tố**

Bảng 2.5: So sánh tương quan KKTL về mặt thái độ của SV trong việc giải quyết THSP về giới và bậc học

Khó khăn về thái độ		8	9	10	11	12	13	14
Giới tính	Nam	3,61	3,25	2,57	3,36	1,81	3,16	2,71
	Nữ	4,20	3,01	3,54	3,74	2,67	3,93	3,30
	Mức ý nghĩa KĐ T-Test	0,000	<b>0,077</b>	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
Đại học	SV năm III	4,27	4,39	3,16	3,69	2,39	3,33	3,33
	SV năm IV	2,99	2,39	2,19	2,94	1,57	2,86	2,38
	Mức ý nghĩa KĐ T-Test	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
Cao đẳng	SV năm II	4,91	3,76	4,39	4,09	4,04	4,26	4,32
	SV năm III	3,87	2,27	3,03	3,71	1,71	4,00	2,54
	Mức ý nghĩa KĐ T-Test	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000

• **So sánh theo giới tính**

Kết quả kiểm định T-test cho thấy, có 06/07 khó khăn về mặt thái độ có giá trị p trong kiểm định  $t < 0,05$ , điều đó có nghĩa là những KKTL về mặt thái độ mà sinh viên gặp phải có mối liên hệ với giới tính. Riêng khó khăn 9 “*Chưa thực sự có hứng thú giải quyết THSP*” có giá trị p trong kiểm định  $t > 0,05$ , nghĩa là không có mối liên hệ về giới tính khi xét yếu tố khó khăn này. Như vậy có sự khác biệt trong kết quả tự đánh giá của sinh viên về KKTL khi xét với biến giới trừ khó khăn 9. Cụ

thể có sự khác biệt giữa nhóm nam và nhóm nữ trong cách đánh giá KKTL về mặt thái độ, trong đó nhóm nữ có điểm trung bình cao hơn nhóm nam ở 06/07 tiêu chí. Điểm trung bình nhóm nữ dao động trong khoảng từ 2,67 đến 4,20; điểm trung bình nhóm nam dao động trong khoảng từ 1,81 đến 3,61.

Riêng khó khăn 10 “*E ngại khi phải xuất hiện trước tập thể*” có điểm trung bình nhóm nữ cao hơn nhóm nam, độ chênh lệch giữa hai nhóm này là cao nhất 0,97. SV nam cho rằng khó khăn này ít ảnh hưởng đến việc giải quyết THSP của các em vì thực tế các em nam thường mạnh dạn hơn, dù giải quyết THSP theo hướng nào, được giáo viên đánh giá ra sao, các em cũng không ngần ngại đưa ra chính kiến của bản thân. Ngược lại SV nữ thường e thẹn, thiếu tự tin, ngại xuất hiện và trình bày trước đám đông. Cũng cùng nguyên nhân này, ở các khó khăn 12 “*Thiếu tự tin khi đóng vai là người giáo viên*” và khó khăn 13 “*Sợ mắc sai lầm khi giải quyết THSP*”, SV nữ gặp nhiều khó khăn hơn SV nam với độ chênh lệch lần lượt là 0,86 và 0,77.

- **So sánh theo năm học**

- ***Đối với hệ đại học***

Kết quả kiểm định T-Test cho thấy 07/07 tiêu chí đều có giá trị p trong kiểm định  $t < 0,05$ , nghĩa là có sự khác biệt có ý nghĩa về trung bình giữa 2 nhóm khách thể sinh viên khi xét đến yếu tố bậc học.

Nhìn vào bảng 2.5 ta thấy ở hệ đại học, sinh viên năm thứ III gặp khó khăn nhiều hơn sinh viên năm thứ IV trong giải quyết các tình huống sư phạm ở các tiêu chí này. Cụ thể điểm trung bình nhóm sinh viên thứ III cao hơn sinh viên năm thứ IV ở cả 07 khó khăn. Trong đó, điểm trung bình chung của nhóm sinh viên năm thứ III là 3,52 cao hơn nhiều so với điểm trung bình chung của năm thứ IV là 2,47. Riêng khó khăn 9 “*Chưa thực sự có hứng thú giải quyết THSP*” có sự chênh lệch nhiều nhất giữa 2 nhóm khách thể (độ biến thiên là 2,00). Đối với SV năm thứ III đi kiến tập là khoảng thời gian đầu tiên các em được chính thức xuống trường phổ thông, do vậy các em chưa có kinh nghiệm cần phải chuẩn bị những gì cần thiết về kiến thức, kỹ năng cũng như về tâm lý cho quá trình kiến tập. Trong khi đó, SV

năm thứ IV đã trải qua đợt kiến tập vào năm thứ ba ít nhiều các em cũng có nhiều kinh nghiệm và tâm lý cũng sẵn sàng hơn so với SV năm thứ III. Do vậy, SV năm thứ III gặp khó khăn nhiều hơn năm thứ IV trong giải quyết THSP về mặt thái độ.

▪ **Đối với hệ cao đẳng**

Kết quả kiểm định T-Test cho thấy 07/07 tiêu chí đều có giá trị p trong kiểm định  $t < 0,05$ , nghĩa là có sự khác biệt có ý nghĩa về trung bình giữa 2 nhóm sinh viên hệ cao đẳng.

Cũng cùng nguyên nhân như hệ đại học nhưng ở đây ta thấy ở hệ cao đẳng, sinh viên năm thứ II gặp khó khăn nhiều hơn sinh viên năm thứ III trong giải quyết các THSP. Cụ thể điểm trung bình nhóm sinh viên thứ II cao hơn sinh viên năm thứ III ở cả 07 khó khăn. Trong đó, điểm trung bình chung của nhóm sinh viên năm thứ II là 4,25 cao hơn nhiều so với điểm trung bình chung của năm thứ III là 3,02. Riêng khó khăn 12 “*Thiếu tự tin khi phải đóng vai là người giáo viên*” có sự chênh lệch nhiều nhất giữa 2 nhóm khách thể (độ biến thiên là 2,33). Lần đầu tiên được xuống trực tiếp các trường mầm non hay tiểu học, đối tượng học sinh ở độ tuổi còn quá nhỏ, SV hiểu rằng mình không chỉ là một người giáo viên mà còn là “người mẹ thứ hai” trong khi cả tuổi đời và tuổi nghề chưa sẵn sàng đáp ứng cho vai trò này. Vì vậy, SV năm thứ II cảm thấy lo lắng, hồi hộp và thiếu tự tin rất nhiều so với SV năm thứ III đã được trải nghiệm ít nhất một lần trong kỳ kiến tập trước đó.

Khó khăn 13 “*Sợ mắc sai lầm khi giải quyết THSP*” có độ chênh lệch thấp nhất là 0,26 giữa nhóm sinh viên năm thứ II và III, tuy nhiên điểm trung bình ở cả 2 nhóm đều rất cao 4,26 đối với SV năm thứ II và 4,00 đối với SV năm thứ III. Điều này cho thấy ở cả hai nhóm SV các em rất thường xuyên gặp KKTL này khi giải quyết THSP.

Tóm lại, trong bảy khó khăn tâm lý biểu hiện ở mặt thái độ SV thường xuyên gặp các khó khăn: *nhu cầu giải quyết THSP và hình thành kỹ năng giải quyết THSP còn thấp; sợ mắc sai lầm khi giải quyết THSP; hồi hộp, lo lắng trước sự xuất hiện của THSP cần giải quyết nhanh*. Các khó khăn còn lại ở mức thỉnh thoảng, trừ khó khăn *thiếu tự tin khi đóng vai là người giáo viên* ở mức hiếm khi. Kết quả này khá



tương đồng với đánh giá của giáo viên, ngoài ra giáo viên còn đánh giá SV thường xuyên gặp các khó khăn: *chưa thực sự có hứng thú khi giải quyết THSP, e ngại khi phải xuất hiện trước tập thể, thiếu kiên nhẫn khi giải quyết THSP khó*. Hầu hết ở các khó khăn đều có sự khác biệt trong kết quả đánh giá khi xét đến các yếu tố về giới tính và bậc học, trừ khó khăn *chưa thực sự có hứng thú khi giải quyết THSP* không có sự khác biệt giữa nhóm nam và nhóm nữ.

**c) KKTL về hành vi trong việc giải quyết THSP của sinh viên trường Đại học An Giang**

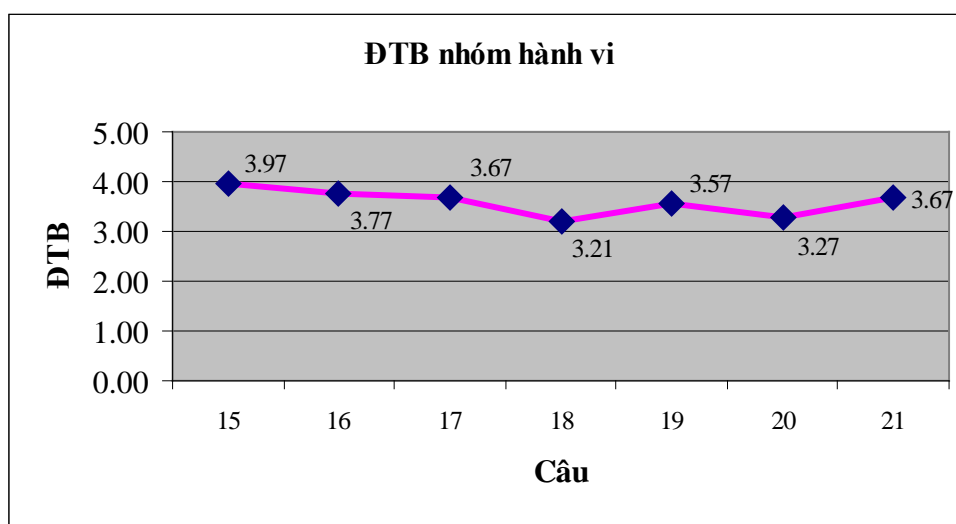
**❖ Đánh giá chung**

Hành vi là mặt biểu hiện ra bên ngoài của khả năng giải quyết THSP, là kết quả của thể hiện của quá trình nhận thức xen lẫn thái độ cảm xúc. Qua hai mặt nhận thức, thái độ SV đã gặp rất nhiều KKTL vì vậy trong hành vi SV cũng thường xuyên gặp các KKTL, cụ thể:

*Bảng 2.6: KKTL về mặt hành vi của SV trong việc giải quyết THSP*

Khó khăn	Nội dung	Không bao giờ (%)	Hiếm khi (%)	Thỉnh thoảng (%)	Thường xuyên (%)	Rất thường xuyên (%)	ĐTB	Thứ hạng
15	Còn thụ động trong giải quyết THSP	0,0	1,2	24,1	51,5	23,2	<b>3,97</b>	<b>1</b>
16	Ứng xử trong giải quyết THSP kém linh hoạt	3,0	10,1	13,5	53,4	20,0	<b>3,77</b>	<b>2</b>
17	Hành vi lúng túng, thiếu tự tin khi giải quyết THSP	4,4	9,4	14,5	57,6	14,0	<b>3,67</b>	<b>3</b>
18	Hành vi bột phát, ngẫu nhiên khi giải quyết THSP	9,0	23,2	28,1	16,5	23,2	3,21	7
19	Khả năng tự kiểm tra, tự điều chỉnh hành vi ứng xử yếu	5,4	8,9	21,9	50,7	13,1	<b>3,57</b>	<b>5</b>
20	Hoạt động ngôn ngữ nói của SV còn hạn chế	8,6	18,5	24,4	34,0	14,5	3,27	6
21	Khả năng huy động kiến thức vào việc giải quyết THSP chưa cao	3,7	12,1	15,5	51,2	17,5	<b>3,67</b>	<b>3</b>
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>3,59</b>						

Qua kết quả bảng 2.6, điểm trung bình chung đạt được 3,59 cho thấy nhìn chung sinh viên thường xuyên gặp KKTL về mặt hành vi, trong đó điểm trung bình dao động trong khoảng từ 3,21 đến 3,97. Cụ thể: tiêu chí mà sinh viên cho rằng họ thường xuyên gặp khó khăn (có điểm trung bình lớn hơn 3,51) là các khó khăn 15, 16, 17, 21, 19. Và các tiêu chí sinh viên cho rằng thỉnh thoảng gặp khó khăn là các khó khăn 18, 20.



*Biểu đồ 2.3: KKTL về mặt hành vi của SV trong việc giải quyết THSP*

Trong năm khó khăn có điểm trung bình trên 3,51 (mức thường xuyên), các khó khăn 15 và khó khăn 16 có điểm trung bình cao nhất. Cụ thể: khó khăn 15 “*Còn thụ động trong việc giải quyết THSP*” là tiêu chí có điểm trung bình cao nhất 3,97, có 74,7% sinh viên cho rằng họ thường xuyên gặp khó khăn và 24,1% thỉnh thoảng gặp khó khăn khi giải quyết THSP do còn thụ động, do đó rất khó để xử lý tốt các THSP, chỉ có 1,2% sinh viên cho rằng họ rất chủ động khi giải quyết THSP. Khó khăn 16 “*Ứng xử trong giải quyết THSP kém linh hoạt*” với điểm trung bình 3,77, có 73,4% sinh viên chọn mức thường xuyên và rất thường xuyên (20% và 53,4%). Điều này có thể lý giải là do chương trình đào tạo sinh viên sư phạm còn mang nặng tính lý thuyết thời gian dành cho thực hành quá ít, các kiến thức chưa chú trọng đến việc rèn luyện kỹ năng giải quyết THSP cho SV, vì vậy một số SV còn xử lý các THSP một cách rập khuôn, máy móc. Đánh giá của giáo viên cũng

cho rằng SV thường lúng túng và thiếu chủ động khi xử lý THSP với điểm trung bình là 3,55 [Phụ lục 6 – Bảng 2.18]. Phần đông giáo viên đều cho rằng yếu điểm của SV trong giờ dạy học là chưa tạo được hứng thú cho học sinh, chưa thu hút sự chú ý của học sinh, chưa xử lí được các câu trả lời của học sinh trên lớp, học sinh trả lời đúng, sai SV chưa linh hoạt khen, chê động viên kịp thời.

Với khó khăn 17 “*Hành vi lúng túng, thiếu tự tin khi giải quyết THSP*” có 14% SV đánh giá thường xuyên và 57,6% đánh giá rất thường xuyên gặp khó khăn này, điểm trung bình là 3,67. Đây là khó khăn tâm lý lớn đối với SV nhất là những SV yếu về năng lực, khi gặp phải những tình huống phức tạp, bất ngờ nảy sinh, làm cho các em không làm chủ được trạng thái tâm lý và hành vi của mình. Sinh viên B.H đã tâm sự: “Đi thực tập, khi đứng lớp dạy em thường mang nặng tâm lý là truyền đạt đúng và hết những gì đã chuẩn bị trong giáo án nên khi gặp những tình huống bất ngờ em không biết phải xử lý như thế nào”. [Phụ lục 4]

Bên cạnh đó, các khó khăn như 19 “*Khả năng tự kiểm tra, tự điều chỉnh hành vi ứng xử yếu*” có 63,8% SV chọn mức thường xuyên và rất thường xuyên (với điểm trung bình 3,57), khó khăn 21 “*Khả năng huy động kiến thức vào việc giải quyết THSP chưa cao*” có 68,7% SV chọn mức thường xuyên và rất thường xuyên (với điểm trung bình 3,67) gặp khó khăn. Điều này cho thấy kỹ năng tự kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh hành vi của SV còn yếu. Đây là những kỹ năng cần thiết giúp cho SV không những giải quyết tốt các THSP mà còn giúp SV tự đánh giá hiệu quả hoạt động của bản thân từ đó tự điều chỉnh, điều khiển hành vi của mình đạt kết quả tốt hơn.

Cuối cùng, có hai khó khăn có điểm trung bình ở khoảng từ 3,21 đến 3,27 tức là mức bình thường. Cụ thể: khó khăn 18 “*Hành vi bột phát, ngẫu nhiên khi giải quyết tình huống sư phạm*” là tiêu chí có điểm trung bình thấp nhất 3,21. Trong đó 39,7% sinh viên cho rằng họ thường xuyên gặp phải khó khăn này và có 60,3% sinh viên ít gặp khó khăn do bột phát, ngẫu nhiên khi giải quyết THSP. Và khó khăn 20 “*Hoạt động ngôn ngữ nói của SV còn hạn chế*” có điểm trung bình 3,27. Thực tế, SV chưa có nhiều kinh nghiệm đứng lớp, thêm vào đó học phần Giao tiếp sư

phạm đã nhiều năm nay không có trong chương trình đào tạo của SV khoa sư phạm. Vì vậy, với vai trò là người giáo viên đòi hỏi những chuẩn mực từ hành vi, cử chỉ, lời nói, trang phục, ... phải theo phong cách sư phạm lại có nhiều SV chưa đáp ứng được, các em vẫn có những thói quen, những hành vi ngẫu nhiên thiếu chủ định trong cuộc sống thường ngày. Điều này đã được nhắc nhở cũng như rút kinh nghiệm trong các báo cáo sau mỗi kỳ kiến tập, thực tập của SV.

❖ *So sánh sự khác biệt trong kết quả đánh giá khi xét đến các yếu tố*

*Bảng 2.7: So sánh tương quan KKTL về mặt hành vi của SV trong việc giải quyết THSP về giới và bậc học*

Khó khăn về hành vi		15	16	17	18	19	20	21
<b>Giới tính</b>	<i>Nam</i>	3,77	3,42	3,41	2,90	3,29	3,28	3,43
	<i>Nữ</i>	4,13	4,08	3,90	3,48	3,81	3,26	3,87
	<i>Mức ý nghĩa KĐ T-test</i>	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	<b>0,874</b>	0,000
<b>Đại học</b>	<i>SV năm III</i>	4,03	4,08	4,14	3,63	3,95	4,07	3,87
	<i>SV năm IV</i>	3,63	2,68	2,48	2,39	2,54	2,57	2,82
	<i>Mức ý nghĩa KĐ T-Test</i>	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
<b>Cao đẳng</b>	<i>SV năm II</i>	4,85	4,64	4,30	4,81	4,14	4,12	4,08
	<i>SV năm III</i>	3,66	3,97	4,13	2,61	3,82	2,68	4,00
	<i>Mức ý nghĩa KĐ T-Test</i>	0,000	0,000	0,009	0,000	0,000	0,000	<b>0,334</b>

● **So sánh theo giới tính**

Kết quả kiểm định T-test cho thấy, 06/07 khó khăn có giá trị p trong kiểm định  $t < 0,05$ , điều đó có nghĩa là những KKTL về mặt hành vi mà sinh viên gặp phải có mối liên hệ với giới tính (trừ khó khăn 20). Như vậy có sự khác biệt trong

kết quả tự đánh giá của sinh viên về KKTL khi xét với biến giới. Cụ thể có sự khác biệt giữa nhóm nam và nhóm nữ trong cách đánh giá khó khăn tâm lý về mặt hành vi, trong đó nhóm nữ có điểm trung bình cao hơn nhóm nam ở 06/07 tiêu chí. Điểm trung bình nhóm nữ dao động trong khoảng từ 3,26 đến 4,13; điểm trung bình nhóm nam dao động trong khoảng từ 2,90 đến 3,77.

Về mặt hành vi, khó khăn 16 “*Ứng xử trong việc giải quyết THSP kém linh hoạt*” có sự chênh lệch giữa nhóm nữ và nhóm nam ( $4,08 - 3,42 = 0,66$ ) là cao nhất. Các em nữ thường rụt rè, sợ mắc sai lầm và thận trọng hơn các em nam, thường trong các tình huống xảy ra các em nam thường phản ứng nhanh hơn.

Riêng khó khăn 20 “*Hoạt động ngôn ngữ nói của SV còn hạn chế*” có điểm trung bình giữa nhóm nam và nhóm nữ ít chênh lệch (độ chênh lệch 0,02) và cả hai nhóm này đều đánh giá mức thỉnh thoảng gặp khó khăn với điểm trung bình nhóm nam là 3,28 và nhóm nữ là 3,26.

#### • So sánh theo năm học

##### ▪ Đối với hệ đại học

Kết quả kiểm định T-Test cho thấy 07/07 tiêu chí đều có giá trị p trong kiểm định  $t < 0,05$ , nghĩa là có sự khác biệt có ý nghĩa về trung bình giữa 2 nhóm khách thể sinh viên khi xét đến yếu tố bậc học.

Ở hệ đại học, công việc chính của SV năm thứ III trong đợt kiến tập là soạn giáo án, dự giờ dạy mẫu của giáo viên hướng dẫn; tham gia công tác chủ nhiệm, công tác ngoài giờ và hoàn thành một số biểu mẫu, hồ sơ theo yêu cầu của ban chỉ đạo. Tuy không tham gia giảng dạy như SV năm IV khi đi thực tập nhưng SV năm thứ III gặp khó khăn nhiều hơn sinh viên năm thứ IV trong giải quyết các THSP.

Nhìn vào bảng 2.7, ta thấy điểm trung bình nhóm sinh viên thứ III cao hơn sinh viên năm thứ IV ở cả 07 khó khăn. Trong đó, điểm trung bình chung của nhóm sinh viên năm thứ III là 3,97 cao hơn nhiều so với điểm trung bình chung của năm thứ IV là 2,73. Riêng khó khăn 17 “*Hành vi lúng túng, thiếu tự tin khi giải quyết THSP*” có sự chênh lệch nhiều nhất giữa 2 nhóm khách thể (độ biến thiên là 1,66). Dù trong quá trình kiến tập, SV năm thứ III không giảng dạy chuyên môn, tuy nhiên

đây là lần đầu tiên SV được tiếp xúc thực tiễn một cách trọn vẹn, thêm vào đó SV vẫn có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với học sinh rất nhiều thông qua việc dự giờ, tham gia công tác chủ nhiệm, ...một số SV sau khi dự giờ đã xin giáo viên hướng dẫn chuyên môn cho "dạy thử", đa số giáo viên đều đồng ý cho nên khó khăn SV gặp phải là không ít. Đối với SV năm thứ IV phải lên lớp nhiều hơn và thời gian thực tập cũng lâu hơn, tuy nhiên các em đã rút kinh nghiệm từ đợt kiến tập trước và về mặt kiến thức các em cũng được học gần như hoàn chỉnh nên đã hạn chế được nhiều khó khăn hơn SV năm thứ III.

▪ ***Đối với hệ cao đẳng***

Kết quả kiểm định T-Test cho thấy 06/07 tiêu chí có giá trị p trong kiểm định  $t < 0,05$ , nghĩa là có sự khác biệt có ý nghĩa về trung bình giữa 2 nhóm sinh viên hệ cao đẳng.

Nhìn vào bảng 2.7 ta thấy ở hệ cao đẳng, sinh viên năm thứ II gặp khó khăn nhiều hơn sinh viên năm thứ III trong giải quyết các THSP. Cụ thể điểm trung bình nhóm sinh viên thứ II cao hơn sinh viên năm thứ III ở cả 07 khó khăn. Trong đó, điểm trung bình chung của nhóm sinh viên năm thứ II là 4,42 cao hơn nhiều so với điểm trung bình chung của năm thứ III là 3,55. Riêng khó khăn 18 "*Hành vi bột phát, ngẫu nhiên khi giải quyết THSP*" có sự chênh lệch nhiều nhất giữa 2 nhóm khách thể (độ biến thiên là 2,20). Thực tế, SV hệ cao đẳng có điểm đầu vào thấp hơn, khả năng nhận thức của các em yếu hơn so với hệ đại học, cho nên việc giải quyết THSP các em cũng gặp nhiều khó khăn hơn SV hệ đại học. Hơn nữa SV hệ cao đẳng Đại học An Giang hiện nay chủ yếu tập trung hai ngành mầm non và tiểu học, đối tượng học sinh của các em chủ yếu từ 06 tháng tuổi đến 11 tuổi. Vì vậy, khi đi kiến tập, thực tập SV không chỉ đóng vai trò là giáo viên mà còn đóng vai trò như một người mẹ chăm sóc cho học sinh của mình trong khi kinh nghiệm sống của các em không nhiều, thêm nữa các THSP xảy ra ở môi trường này vô cùng phong phú, đa dạng cho nên các em gặp rất nhiều khó khăn tâm lý về mặt hành vi. Một số giáo viên hướng dẫn đánh giá: SV còn lúng túng khi thực hiện các thao tác, từ thao tác đơn giản đến thao tác phức tạp và xử lý tình huống trong các thời điểm như giờ

ăn, giờ ngủ, vệ sinh cá nhân trẻ, vệ sinh môi trường.

Như vậy, trong bảy khó khăn tâm lý biểu hiện ở mặt hành vi, SV thường xuyên gặp các khó khăn: *còn thụ động trong giải quyết THSP; ứng xử trong giải quyết THSP kém linh hoạt; khả năng tự kiểm tra, tự điều chỉnh hành vi ứng xử yếu; khả năng huy động kiến thức vào việc giải quyết THSP chưa cao; hành vi lúng túng, thiếu tự tin khi giải quyết THSP*. Các khó khăn còn lại chỉ ở mức tinh thoáng. Kết quả này khá tương đồng với đánh giá của giáo viên. Hầu hết ở các khó khăn đều có sự khác biệt trong kết quả đánh giá khi xét đến các yếu tố về giới tính và bậc học, trừ khó khăn *hoạt động ngôn ngữ nói của SV còn hạn chế* không có sự khác biệt giữa nhóm nam và nhóm nữ, khó khăn *khả năng huy động kiến thức vào việc giải quyết THSP chưa cao* không có sự khác biệt giữa nhóm SV năm thứ II và SV năm thứ III hệ cao đẳng.

#### **2.2.1.2. Thực trạng KKTL trong việc giải quyết THSP của SV trường ĐHAG qua giải quyết một số THSP giả định**

Chúng tôi cho SV giải quyết 5 THSP, đây là những tình huống giả định xảy ra trong quá trình dạy học, kết quả giải quyết các THSP giả định của SV như sau:

*Bảng 2.8 : Kết quả giải quyết THSP giả định của SV*

TT	Tình huống	1		2		3		ĐTB
		SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	
1	Bình thường, trong giờ dạy của bạn, HS rất hăng hái phát biểu xây dựng bài. Hôm nay, giờ học có các thầy cô đến dự giờ, khi bạn đặt câu hỏi dù rất dễ nhưng không có học sinh nào giơ tay phát biểu.	201	49,5	106	26,1	99	24,4	1,75
2	Trong giờ học có một học sinh khá đặt ra câu hỏi có liên quan đến bài học. Bạn thật sự không chắc chắn về phần kiến thức liên quan đến câu hỏi đó nên không thể lập tức trả lời ngay được.	165	40,6	141	34,7	100	24,7	1,84

TT	Tình huống	1		2		3		ĐTB
		SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	
3	Trong 1 tiết dạy ở đợt thực tập vừa rồi, bạn kết thúc bài dạy sớm hơn thời gian quy định khoảng 5 phút, đây lại là tiết dạy để chấm điểm đánh giá.	153	37,7	122	30,1	131	32,2	1,95
4	Khi bạn đang say sưa giảng bài thì nhận thấy có một em học sinh đang làm việc riêng, không tập trung nghe giảng.	196	48,3	121	29,8	89	21,9	1,74
5	Trong giờ học, bạn đang giảng bài thì nhận thấy mình vừa nói nhầm kiến thức trong bài khiến cho các em học sinh dưới lớp đang bàn tán vì điều này.	199	49,0	152	37,4	55	13,6	1,65
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>1,78</b>						

Qua bảng 2.8 , cho thấy kết quả xử lý 5 THSP có điểm trung bình chung là 1,78 và kết quả ở mỗi tình huống có điểm trung bình dao động từ 1,65 đến 1,95 các kết quả này chỉ ở mức trung bình. Tỷ lệ SV lựa chọn cách giải quyết tốt nhất ở mỗi tình huống dao động từ 13,6% đến 32,2%. Điều này cho thấy, SV chưa giải quyết tốt các tình huống sư phạm.

Như vậy, kết quả giải quyết các THSP giả định của SV chỉ đạt ở mức trung bình. Để thấy rõ hơn những KKTL trong việc giải quyết THSP của SV, ở mỗi tình huống sau khi giải quyết SV sẽ ghi lại những KKTL mà bản thân SV gặp trong quá trình giải quyết các tình huống này, kết quả như sau: [Phụ lục 2, câu hỏi 4]



Bảng 2.9 : KKTL trong việc giải quyết các THSP giả định của SV

TÌNH HUỐNG		1	2	3	4	5	TỔNG	
CÁC KHÓ KHĂN TÂM LÝ	1	161	79	69	68	80	457 (8,38%)	38,79%
	2	124	53	92	102	66	439 (8,01%)	
	3	82	35	46	39	37	239 (4,38%)	
	4	91	53	63	43	38	288 (5,28%)	
	5	61	81	37	34	112	325 (5,96%)	
	6	100	41	40	37	34	252 (4,62%)	
	7	37	18	25	18	20	118 (2,16%)	
	8	75	41	42	36	38	232 (4,25%)	19,87%
	9	3	12	9	19	19	62 (1,14%)	
	10	29	23	12	19	9	92 (1,69%)	
	11	75	41	36	60	63	275 (5,04%)	
	12	5	13	12	15	10	55 (1,01%)	
	13	43	69	36	54	74	276 (5,06%)	
	14	6	15	21	31	19	92 (1,69%)	41,34%
	15	104	52	49	89	96	390 (7,15%)	
	16	78	83	72	96	67	396 (7,26%)	
	17	110	70	83	69	57	389 (7,13%)	
	18	22	53	52	64	33	224 (4,11%)	
	19	57	57	71	67	67	319 (5,85%)	
	20	47	31	30	53	42	203 (3,72%)	
	21	54	89	40	55	96	334 (6,12%)	
<b>TỔNG</b>		<b>1364 (25%)</b>	<b>1009 (18,50%)</b>	<b>937 (17,18%)</b>	<b>1068 (19,58%)</b>	<b>1077 (19,74%)</b>	<b>5455 (100%)</b>	<b>100%</b>

Chú dẫn về các KKTL: ghi theo số thứ tự ở cột thứ 2 bảng 2.9

- 1- Vốn kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm còn hạn chế.
- 2- Hiểu biết về tâm sinh lý và trình độ học sinh còn ít.
- 3- Khả năng liên tưởng, sàng lọc và xác định phương án giải quyết tình huống tối ưu nhất còn hạn chế.
- 4- Chưa nắm được các nguyên tắc giải quyết một THSP.
- 5- Hiểu biết về các môn khoa học chuyên ngành chưa cao.
- 6- Chưa thích ứng với môi trường và tổ chức hoạt động của trường phổ thông.
- 7- Động cơ chọn nghề chưa đúng theo nguyện vọng.
- 8- Nhu cầu giải quyết THSP và hình thành kỹ năng giải quyết THSP còn thấp.
- 9- Chưa thực sự có hứng thú giải quyết THSP.
- 10- E ngại khi phải xuất hiện trước tập thể.
- 11- Hồi hộp, lo lắng trước sự xuất hiện của các THSP cần giải quyết nhanh.
- 12- Thiếu tự tin khi đóng vai là người giáo viên.
- 13- Sợ mắc sai lầm khi giải quyết THSP.
- 14- Thiếu kiên nhẫn khi giải quyết THSP khó.
- 15- Còn thụ động trong việc giải quyết THSP.
- 16- Ứng xử trong việc giải quyết THSP kém linh hoạt.
- 17- Hành vi lúng túng, thiếu tự tin khi giải quyết THSP.
- 18- Hành vi bột phát, ngẫu nhiên khi giải quyết THSP.
- 19- Khả năng tự kiểm tra, tự điều chỉnh hành vi ứng xử yếu.
- 20- Hoạt động ngôn ngữ nói của SV còn hạn chế.
- 21- Khả năng huy động kiến thức vào việc giải quyết THSP chưa cao.

Kết quả bảng 2.9 cho thấy, có 5455 lượt KKTL được SV lựa chọn cho rằng bản thân có thể gặp các KKTL này khi giải quyết các THSP giả định. Trong đó, các KKTL được lựa chọn khi SV giải quyết tình huống 1 chiếm tỷ lệ 25% cao nhất trong 05 tình huống, tình huống 3 có tỉ lệ SV lựa chọn các KKTL khi giải quyết tình huống này ít nhất 17,18%, các tình huống 2, 4, 5 có tỉ lệ SV lựa chọn các KKTL lần lượt là 18,50%, 19,58% và 19,74%.

Trong năm tình huống giả định, các tình huống 1 và 4 là những tình huống nảy sinh do học sinh chưa đáp ứng đầy đủ những yêu cầu và nhiệm vụ dạy học, giáo dục. Đây là hai tình huống có tỷ lệ SV lựa chọn các KKTL khá cao (25% và 19,58%). Cụ thể:

- Tình huống 1 : tình huống SV phải giải quyết khi học sinh không tham gia phát biểu xây dựng bài trong tiết dự giờ, đây là tình huống không chỉ gây khó xử đối với SV thực tập mà ngay cả giáo viên đứng lớp lâu năm cũng thấy khó khăn. Khi giải quyết tình huống này SV gặp rất nhiều KKTL. Kết quả khảo sát cho thấy, trong 1364 lượt lựa chọn của SV cho rằng mình có KKTL, có 656 lượt lựa chọn (chiếm tỷ lệ 48,1%) cho rằng có KKTL về mặt nhận thức, 236 lượt lựa chọn (chiếm tỷ lệ 17,3%) cho rằng có KKTL về mặt thái độ và 472 lượt lựa chọn (chiếm tỷ lệ 34,6%) cho rằng có KKTL về mặt hành vi [Phụ lục 6 – Bảng 2.27]. Trong các KKTL về mặt nhận thức, khó khăn *vốn kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm còn hạn chế* với 161 lượt lựa chọn, đây cũng là khó khăn có số lượt lựa chọn nhiều nhất, tiếp theo là các khó khăn: *hiểu biết về tâm sinh lý và trình độ học sinh còn ít* có 124 lượt lựa chọn, *chưa thích ứng với môi trường và tổ chức hoạt động của trường phổ thông* có 91 lượt lựa chọn và khó khăn *chưa nắm được các nguyên tắc giải quyết một THSP* với 100 lượt lựa chọn. Các KKTL về mặt thái độ có số lượt lựa chọn của SV khá ít, nổi bật lên có hai khó khăn *nhu cầu giải quyết THSP và hình thành kỹ năng giải quyết THSP còn thấp, hồi hộp, lo lắng trước sự xuất hiện của các THSP cần giải quyết nhanh* với cùng số lượt lựa chọn là 75. Còn *thụ động trong việc giải quyết THSP, ứng xử trong việc giải quyết THSP kém linh hoạt, hành vi lúng túng, thiếu tự tin khi giải quyết THSP* với lần lượt số lượt lựa chọn là 104, 78, 110 là những KKTL về mặt hành vi được SV lựa chọn nhiều nhất.

- Tình huống 4: là tình huống SV phải xử lý HS làm việc riêng khi giáo viên đang giảng bài, đây là tình huống khá phổ biến trong dạy học, tuy nhiên để giải quyết tình huống này một cách khéo léo là điều không dễ. Kết quả khảo sát cho thấy, có 1068 lượt ý kiến của SV cho rằng mình có KKTL khi giải quyết tình huống này. Trong đó, có 341 lượt lựa chọn của SV (chiếm tỷ lệ 31,93%) [Phụ lục 6 – Bảng

2.27] cho rằng mình có những KKTL về mặt nhận thức, nổi bật là khó khăn *hiểu biết về tâm sinh lý và trình độ học sinh còn ít* với 102 lượt lựa chọn và khó khăn *vốn kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm còn hạn chế* với 68 lượt lựa chọn. Với những KKTL về mặt thái độ có 234 lượt lựa chọn của SV (chiếm tỷ lệ 21,91%) [Phụ lục 6 – Bảng 2.27] cho rằng có gặp các KKTL ở mặt này, trong đó khó khăn *hồi hộp, lo lắng trước sự xuất hiện của các THSP cần giải quyết nhanh* có số lượt lựa chọn nhiều nhất trong nhóm này là 60 lượt lựa chọn. Những KKTL về mặt hành vi có nhiều số lượt lựa chọn nhất với 493 lượt lựa chọn của SV (chiếm tỷ lệ 46,16%) [Phụ lục 6 – Bảng 2.27], trong đó nổi bật các khó khăn *còn thụ động trong việc giải quyết THSP* có 89 lượt lựa chọn của SV, *ứng xử trong việc giải quyết THSP kém linh hoạt* có 96 lượt lựa chọn của SV và khó khăn *hành vi lúng túng, thiếu tự tin khi giải quyết THSP* có 69 lượt lựa chọn của SV. Cả hai tình huống 1 và 4 gây rất nhiều KKTL cho SV trong khi giải quyết nhất là về mặt nhận thức và hành vi.

Các tình huống 2, 3 và 5 là những tình huống nảy sinh do chính giáo viên chưa đáp ứng đầy đủ những yêu cầu về dạy học và giáo dục. Đây là những tình huống SV thường xuyên gặp phải nếu không có kiến thức chuyên môn tốt (tình huống 2 và 5) hoặc kỹ năng dạy học chưa vững vàng (tình huống 3).

- Tình huống 3: là tình huống thường xảy ra nếu SV không có kỹ năng dạy học vững vàng dẫn đến tình trạng “cháy giáo án”. Kết quả khảo sát cho thấy, có 937 lượt lựa chọn của SV cho rằng mình có KKTL khi giải quyết tình huống này. Trong đó, các KKTL về mặt hành vi có số lượt lựa chọn là 372 (chiếm tỷ lệ 39,7%) và mặt nhận thức có số lượt lựa chọn là 397 (chiếm tỷ lệ 42,37%), riêng các KKTL về thái độ có ít lượt lựa chọn nhất với 168 lượt lựa chọn (chiếm tỷ lệ 17,93%) [Phụ lục 6 – Bảng 2.27]. Khó khăn *vốn kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm còn hạn chế* có 69 lượt được SV lựa chọn, *hiểu biết về tâm sinh lý và trình độ học sinh còn ít* có 92 lượt được SV lựa chọn, đây là hai KKTL thuộc về mặt nhận thức có số lượt SV lựa chọn cao nhất trong khi giải quyết tình huống này. Với những KKTL về mặt hành vi được SV lựa chọn nhiều hơn, cụ thể một số khó khăn như *ứng xử trong*

việc giải quyết THSP kém linh hoạt, hành vi lúng túng, thiếu tự tin khi giải quyết THSP và khó khăn khả năng tự kiểm tra, tự điều chỉnh hành vi ứng xử yếu có số lượt lựa chọn của SV lần lượt là 72, 83, 71. Với tình huống này, SV ít có sự lựa chọn các KKTL về mặt thái độ, chỉ có khó khăn *hồi hộp, lo lắng trước sự xuất hiện của các THSP cần giải quyết nhanh* có nhiều lượt lựa chọn nhất trong nhóm này với 60 lượt lựa chọn.

- Tình huống 2: đây là tình huống nảy sinh nếu SV không có kiến thức chuyên môn tốt. Với tình huống này, có 1009 lượt lựa chọn của SV cho rằng có gặp KKTL khi giải quyết tình huống này, trong đó có 360 lượt lựa chọn của SV (chiếm tỷ lệ 35,68%) cho rằng có KKTL về mặt nhận thức, 214 lượt lựa chọn của SV (chiếm tỷ lệ 21,21%) cho rằng có KKTL về mặt thái độ và 435 lượt lựa chọn của SV (chiếm tỷ lệ 43,11%) cho rằng có KKTL về mặt hành vi [Phụ lục 6 – Bảng 2.27]. Trong nhóm các KKTL về mặt nhận thức, các khó khăn *vốn kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm còn hạn chế* có 79 lượt lựa chọn của SV và khó khăn *hiểu biết về các môn khoa học chuyên ngành chưa cao* có 81 lượt lựa chọn của SV, đây cũng là hai khó khăn có số lượt lựa chọn nhiều nhất của SV trong nhóm này. Khó khăn *sợ mắc sai lầm khi giải quyết THSP* là khó khăn có nhiều sự lựa chọn nhất (69 lựa chọn) trong nhóm các KKTL về mặt thái độ, các khó khăn còn lại số lượt lựa chọn chỉ dao động từ 12 đến 41 lựa chọn. KKTL về mặt hành vi có số lượt SV lựa chọn nhiều nhất, trong đó nổi bật với các khó khăn *khả năng huy động kiến thức vào việc giải quyết THSP chưa cao* với 89 lượt lựa chọn, *ứng xử trong việc giải quyết THSP kém linh hoạt* với 83 lượt lựa chọn và khó khăn *hành vi lúng túng, thiếu tự tin khi giải quyết THSP* với 70 lượt lựa chọn.

- Tình huống 5: là tình huống đòi hỏi SV cần giải quyết khi nhận ra mình giảng sai kiến thức, khi giải quyết tình huống này SV gặp rất nhiều KKTL với 1077 lượt lựa chọn, trong đó có 387 lượt lựa chọn của SV (chiếm tỷ lệ 35,93%) cho rằng có KKTL về mặt nhận thức, 232 lượt lựa chọn của SV (chiếm tỷ lệ 21,54%) cho rằng có KKTL về mặt thái độ và 458 lượt lựa chọn của SV (chiếm tỷ lệ 42,53%) cho rằng có KKTL về mặt hành vi [Phụ lục 6 – Bảng 2.27]. Về nhận thức, khó

khăn *hiểu biết về các môn khoa học chuyên ngành chưa cao* là khó khăn có nhiều lựa chọn nhất với 112 lượt, cùng trong nhóm KKTL về mặt nhận thức còn có các khó khăn *vốn kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm còn hạn chế* và *khó khăn hiểu biết về tâm sinh lý và trình độ học sinh còn ít* có số lượt lựa chọn khá cao là 80 và 66 lượt chọn. Đồng thời SV gặp nhiều KKTL về mặt hành vi khi giải quyết tình huống này, cụ thể các khó khăn *còn thụ động trong việc giải quyết THSP* và *khả năng huy động kiến thức vào việc giải quyết THSP chưa cao* có cùng số lượt lựa chọn là 96, khó khăn *ứng xử trong việc giải quyết THSP kém linh hoạt* và *khả năng tự kiểm tra, tự điều chỉnh hành vi ứng xử yếu* có cùng số lượt lựa chọn là 67. Bên cạnh đó, về mặt thái độ khó khăn *sợ mắc sai lầm khi giải quyết THSP* là KKTL có số lượt lựa chọn nhiều nhất ở nhóm này với 74 lượt chọn và khó khăn *hồi hộp, lo lắng trước sự xuất hiện của các THSP cần giải quyết nhanh* có 63 lượt lựa chọn, các KKTL còn lại trong nhóm này có số lượt lựa chọn không đáng kể (dao động từ 9 đến 38 lượt lựa chọn).

Bảng 2.9 cũng cho thấy tỷ lệ SV gặp KKTL về mặt nhận thức khi giải quyết các THSP giả định là 38,79%, về mặt thái độ là 19,87% và về hành vi là 41,34%. Kết quả này tương đồng với kết quả thực trạng những KKTL trong việc giải quyết THSP của SV biểu hiện ở ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi. (Bảng 2.2)

Như vậy, từ kết quả chung về KKTL trong việc giải quyết THSP cũng như KKTL khi giải quyết các THSP giả định cho thấy SV gặp KKTL ở cả ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi. Trong đó, SV gặp KKTL nhiều nhất ở mặt hành vi, tiếp theo là mặt nhận thức, mặt thái độ SV gặp khó khăn ít hơn.

### ***2.2.2. Ảnh hưởng của những khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên Trường Đại học An Giang***

Trong việc giải quyết THSP những KKTL không chỉ làm cho việc giải quyết THSP kém hiệu quả mà còn gây ra rất nhiều ảnh hưởng khác, chúng tôi tiến hành khảo sát nhận thức của SV đối với những ảnh hưởng mà KKTL gây ra trong việc giải quyết THSP, kết quả như sau:

Bảng 2.10: Các ảnh hưởng của KKTL trong việc giải quyết THSP

Ảnh hưởng	Nội dung	Rất ít (%)	Ít (%)	Bình thường (%)	Nhiều (%)	Rất nhiều (%)	ĐTB	Thứ hạng
1	Làm cho SV nhận thức không đầy đủ về ý nghĩa, tác dụng của việc nâng cao năng lực giải quyết THSP	1,2	3,0	12,8	59,1	23,9	<b>4,01</b>	<b>2</b>
2	Làm cho SV không phát huy được khả năng tư duy linh hoạt, nhanh nhạy trong việc giải quyết THSP	2,2	3,2	13,8	52,2	28,6	<b>4,02</b>	<b>1</b>
3	Giải quyết THSP một cách rập khuôn, máy móc.	8,1	24,9	14,3	36,7	16,0	3,28	6
4	Giải quyết các THSP kém hiệu quả, không đảm bảo các nguyên tắc giao tiếp, ứng xử su phạm	3,9	8,4	12,1	51,7	23,9	<b>3,83</b>	<b>4</b>
5	Có quan niệm giải quyết THSP như thế nào cũng được	25,4	24,4	17,7	13,8	18,7	2,76	8
6	Lúng túng, thiếu tự tin trong quá trình giải quyết các THSP	4,4	8,9	12,6	47,5	26,6	<b>3,83</b>	<b>4</b>
7	Khó khăn trong việc đưa ra các phương án và chọn phương án giải quyết tối ưu nhất trong việc giải quyết THSP	3,4	8,4	13,3	50,2	24,6	<b>3,84</b>	<b>3</b>
8	Làm cho SV có thể bất lực trước một vài tình huống	8,1	21,9	21,4	37,2	11,3	3,22	7
<b>ĐTB chung</b>		<b>3,65</b>						

Theo kết quả bảng 2.10, có 05/08 ảnh hưởng có điểm trung bình lớn hơn 3,51, đó là ảnh hưởng 2, 1, 7, 4, 6. Có 03/08 ảnh hưởng có điểm trung bình nhỏ hơn 3,51 (ảnh hưởng 5, 8, 3). Điểm trung bình chung của những KKTL ảnh hưởng đến việc giải quyết THSP của sinh viên Trường Đại học An Giang là 3,65. Như vậy, nhìn chung SV đều cho rằng các KKTL có ảnh hưởng rất nhiều trong việc giải quyết THSP.

Qua biểu đồ 2.4 cho thấy SV đánh giá các KKTL trong việc giải quyết THSP gây ra ảnh hưởng 1 và 2 nhiều nhất. Cụ thể:

Với ảnh hưởng 2 làm cho SV không phát huy được khả năng tư duy linh hoạt, nhanh nhạy trong việc giải quyết THSP có điểm trung bình cao nhất 4,02. Có đến 80,8% số sinh viên được khảo sát cho rằng những KKTL trong giải quyết THSP gây ra ảnh hưởng này nhiều nhất, 13,8% sinh viên cho rằng bình thường và 5,4% cho rằng KKTL ít gây ra ảnh hưởng này trong việc giải quyết xử lý THSP. Với điểm trung bình 3,84, có 74,8% số sinh viên cho rằng những KKTL trong giải quyết THSP gây ra khó khăn trong việc đưa ra các phương án và chọn phương án giải quyết tối ưu nhất trong việc giải quyết THSP (ảnh hưởng 7) ở mức độ nhiều và rất nhiều. Việc không nắm vững các kiến thức chuyên môn, cũng như các kiến thức cần thiết cho việc hình thành kỹ năng xử lý THSP đã làm cho SV không thể phát huy được khả năng tư duy linh hoạt cũng như khó khăn trong việc đưa ra các phương án giải quyết trong việc giải quyết THSP dẫn đến kết quả giải quyết THSP chưa cao.

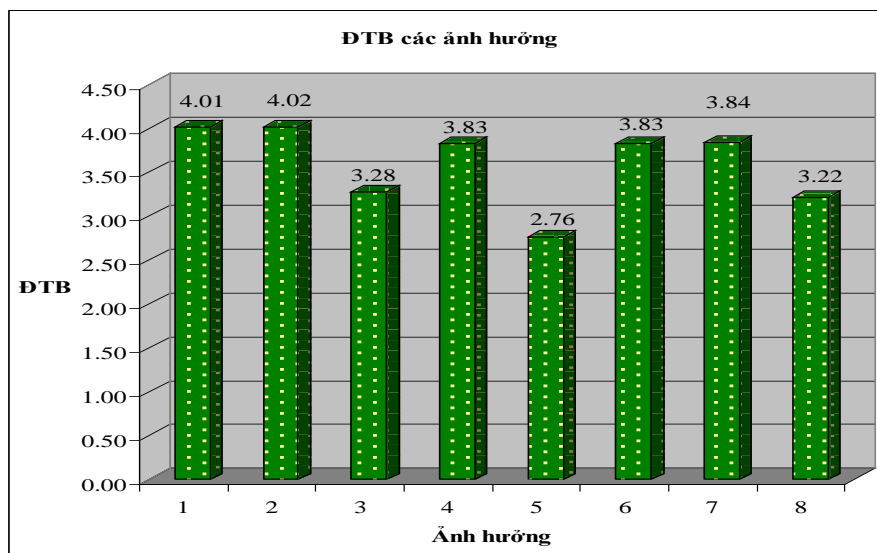
Ảnh hưởng 1 “Làm cho SV nhận thức không đầy đủ về ý nghĩa, tác dụng của việc nâng cao năng lực giải quyết THSP” có điểm trung bình 4,01. Đối với ảnh hưởng này có 83% số sinh viên cho rằng ảnh hưởng nhiều, 12,8% sinh viên cho rằng yếu tố này bình thường và 4,2% sinh viên cho rằng tiêu chí này ít ảnh hưởng đến sinh viên trong giải quyết THSP. Với kết quả này có thể thấy KKTL trong việc giải quyết THSP ảnh hưởng rất nhiều đến nhận thức của SV về vai trò, ý nghĩa, tác dụng của việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm nói chung và rèn luyện kỹ năng xử lý THSP nói riêng, dẫn đến việc SV không chú ý đến việc rèn luyện kỹ năng xử lý THSP và kết quả là hiệu quả của việc xử lý THSP không cao. Điều này SV cũng nhận thức được khi các ảnh hưởng lúng túng, thiếu tự tin trong quá trình giải quyết các THSP có 74,1% SV lựa chọn và ảnh hưởng giải quyết các THSP kém hiệu quả, không đảm bảo các nguyên tắc giao tiếp, ứng xử sư phạm có 75,6% SV lựa chọn mức ảnh hưởng nhiều và rất nhiều. Hai ảnh hưởng này có cùng điểm trung bình là 3,83.

Với các ảnh hưởng làm cho SV bất lực trước một vài tình huống, có quan niệm giải quyết tình huống như thế nào cũng được và giải quyết tình huống một



*cách rập khuôn máy móc* thì SV cho rằng các KKTL chỉ gây ra những ảnh hưởng này ở mức bình thường (điểm trung bình thấp hơn 3,51). Tuy nhiên, cũng cần lưu ý đến những ảnh hưởng này vì số lượt lựa chọn của SV đánh giá các ảnh hưởng này ở mức nhiều và rất nhiều dao động từ 32,5% đến 52,7%. Cụ thể: KKTL *làm cho SV bất lực trước một vài tình huống* có 48,5% và *giải quyết tình huống một cách rập khuôn máy móc* có 52,7% số SV lựa chọn.

Riêng đối với ảnh hưởng 5 “*có quan niệm giải quyết THSP như thế nào cũng được*” có điểm trung bình thấp nhất 2,76. Đây là tiêu chí có 49,8% nhóm sinh viên khảo sát cho rằng KKTL trong việc giải quyết THSP ít gây ra ảnh hưởng này nhất, 17,7% sinh viên cho là bình thường và 32,5% sinh viên cho rằng ảnh hưởng nhiều đến giải quyết THSP. Tuy có 49,8% số SV được khảo sát không có quan niệm giải quyết THSP thế nào cũng được nhưng cũng có 32,5% số SV được khảo sát có quan niệm này. Đây là điều đáng lo ngại vì như vậy SV không nhận thấy tầm quan trọng của việc cần phải hình thành kỹ năng giải quyết THSP để nâng cao hiệu quả trong việc giải quyết THSP.



*Biểu đồ 2.4 : Các ảnh hưởng KKTL trong việc giải quyết THSP*

Có thể thấy rằng, SV đều nhận thức được những KKTL ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả giải quyết THSP. Những KKTL xuất hiện sẽ làm giảm tính hiệu quả của quá trình giải quyết THSP, đồng thời nó cũng làm ảnh hưởng gián tiếp đến quá

trình hình thành các phẩm chất, năng lực sư phạm của người giáo viên.

### 2.2.3. Nguyên nhân của KKTL trong việc giải quyết THSP của SV trường Đại học An Giang

Đánh giá kết quả thực trạng những KKTL cho thấy, SV trường đại học An Giang thường xuyên gặp các KKTL trong việc giải quyết THSP và SV cũng nhận thức được những khó khăn này ảnh hưởng đến hiệu quả của việc giải quyết các THSP. Vấn đề đặt ra là chúng ta cần tìm hiểu những nguyên nhân gây nên những KKTL trong việc giải quyết THSP của SV nhằm giúp SV giảm bớt những KKTL này từ đó giúp SV giải quyết THSP được tốt hơn. Việc tìm hiểu các nguyên nhân được xem xét từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan.

#### 2.2.3.1. Những nguyên nhân khách quan

Bảng 2.11: Những nguyên nhân khách quan

TT	Nguyên nhân khách quan	Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Phân vân (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	ĐTB	Thứ hạng
1	Chương trình đào tạo các môn nghiệp vụ sư phạm còn nặng về lý thuyết	2,2	8,4	17,7	43,6	28,1	<b>3,87</b>	<b>2</b>
2	Tài liệu hướng dẫn, tham khảo để hình thành kỹ năng giải quyết THSP còn ít	1,7	13,5	16,7	45,6	22,4	<b>3,73</b>	<b>5</b>
3	Điều kiện, phương tiện, cơ sở vật chất để rèn luyện nghiệp vụ sư phạm còn hạn chế	2,7	8,1	16,0	49,0	24,1	<b>3,84</b>	<b>3</b>
4	THSP diễn ra phức tạp, bất ngờ, nhiều mâu thuẫn	1,7	7,4	26,4	48,5	16,0	<b>3,70</b>	<b>6</b>
5	Thời gian dành cho việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm còn ít	2,0	7,1	11,1	57,6	22,2	<b>3,91</b>	<b>1</b>
6	Chưa có sự tương thích giữa chương trình học và thực tế	0,7	9,9	20,4	43,8	25,1	<b>3,83</b>	<b>4</b>
7	Chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường và đơn vị thực tập	3,7	29,6	30,0	26,6	10,1	3,10	8
8	Do chưa yên tâm với nghề mà mình đang học (ra trường chưa xin được việc làm ngay)	6,4	16,3	18,0	28,6	30,8	<b>3,61</b>	<b>7</b>
9	Do không có khả năng hoạt động tập thể	11,8	37,4	28,6	18,2	3,9	2,65	9
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>3,58</b>						

Qua kết quả bảng 2.11, điểm trung bình chung của nhóm nguyên nhân khách quan là 3,58. Như vậy SV đều đồng ý rằng những KKTL trong việc giải quyết THSP có khả năng chịu tác động từ những điều kiện khách quan. Trong đó điểm trung bình của 09 nguyên nhân này dao động trong khoảng từ 2,65 đến 3,91.

Từ thực trạng ta thấy có đến 84% số SV thường xuyên gặp khó khăn trong việc chưa nắm bắt được các nguyên tắc giải quyết một THSP và 68,9% thường xuyên còn hạn chế về khả năng liên tưởng, sàng lọc và xác định phương án giải quyết THSP. Thực trạng này xuất phát từ việc SV ít rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, ít có cơ hội thực hành. Chính vì vậy từ biểu đồ 2.5 ta thấy, điểm trung bình nguyên nhân 5 “*Thời gian dành cho việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm còn ít*” là cao nhất 3,91, có 79,8% sinh viên lựa chọn đây là nguyên nhân gây nên KKTL mà họ gặp phải, 9,1% sinh viên cho rằng đây không phải là nguyên nhân và 11,1% sinh viên còn phân vân khi đưa ra quyết định. Với nguyên nhân *chương trình đào tạo các môn nghiệp vụ sư phạm còn nặng về lý thuyết* có 71,7% đều đồng tình đây là nguyên nhân gây nên KKTL, 17,7% còn phân vân với nguyên nhân này. Thực tế, trường Đại học An Giang hiện nay đang đào tạo 15 ngành sư phạm nhưng chỉ có 05/15 ngành với phân bố chương trình môn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm có tiết thực hành, các ngành còn lại trong phân bố chương trình chủ yếu là tiết lý thuyết. Các học phần có liên quan đến việc rèn nghiệp sư phạm như phương pháp hoặc lý luận dạy học các bộ môn có phân bố chương trình số tiết lý thuyết nhiều hơn thực hành hoặc hoàn toàn là những tiết lý thuyết. Giảng viên dạy những học phần này cũng cho biết các học phần có từ 2 đến 4 tín chỉ nên thời lượng dành cho thực hành cũng không nhiều, hơn nữa việc thực hành ở những học phần này chủ yếu là cho SV tập giảng nên việc thực hành xử lý THSP gần như không được quan tâm. Vì vậy qua khảo sát giáo viên có 55% đồng ý và 60% đồng ý với hai nguyên nhân này. [Phụ lục 6 – Bảng 2.19]

Các THSP luôn diễn ra bất ngờ khó lường trước được và luôn chứa đựng nhiều mâu thuẫn. Đặc điểm này thường gây e ngại cho SV, làm cho các em lúng túng, mất bình tĩnh có thể đưa ra cách giải quyết vội vàng không thỏa đáng.

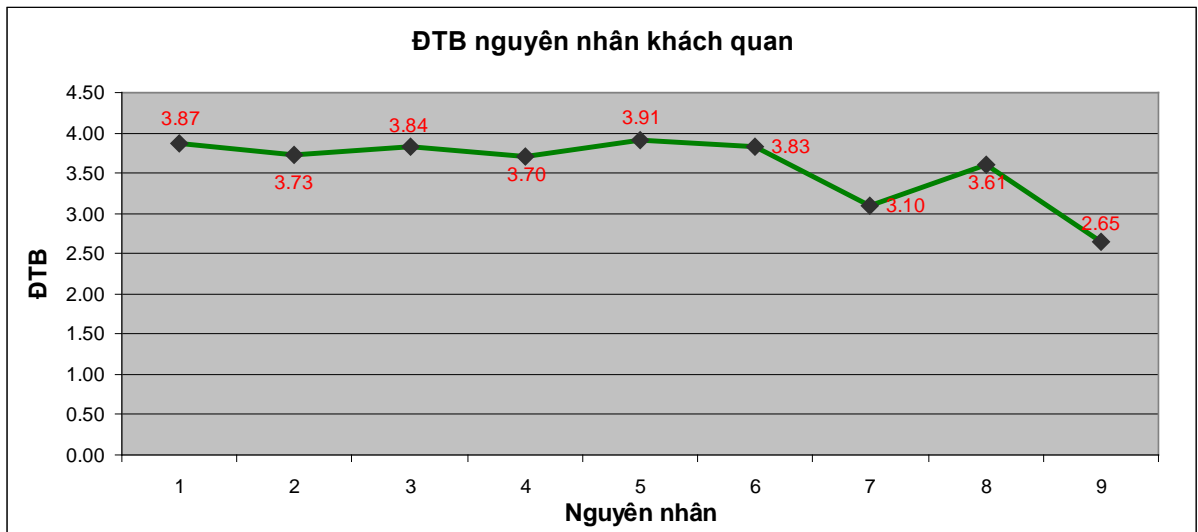
Nguyên nhân này có 64,5% số SV lựa chọn và 60% giáo viên khi được hỏi cũng đồng ý với nguyên nhân này. Khi được hỏi về những kỉ niệm đáng nhớ nhất khi các em đi kiến tập, thực tập thì hầu hết SV đều kể về những tình huống theo các em là “dở khóc dở cười”. Như trường hợp của sinh viên L.H ngành văn kể: “Một lần lên lớp giảng đoạn trích "Hạnh phúc của một tang gia" của Vũ Trọng Phụng, khi hỏi về niềm vui của cô Tuyết trong đám tang, em đã nhận được câu trả lời của một em nữ sinh: “Thưa thầy, Tuyết vui vì hôm đó cô có dịp được mặc bộ...coóc-xê ạ!” (tên đúng là bộ Ngây thơ). Tình huống quá bất ngờ, em chỉ biết đứng cười và đỏ mặt vì ngượng, cô hướng dẫn cũng cười. Còn lớp thì khởi nói, hôm đó đã có một trận cười hả hê.” [Phụ lục 4]

Một thực tế hiện nay đang diễn ra ở nhiều ngành đào tạo nói chung và ngành sư phạm nói riêng, đó chính là có sự không tương thích giữa chương trình học và thực tiễn. Những thay đổi về nội dung, chương trình, phương pháp dạy học ở phổ thông thường chưa được cập nhật kịp thời vào việc đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên. Điều này gây rất nhiều khó khăn cho SV khi đi kiến tập, thực tập. Nhiều SV cho biết phương pháp dạy học được học ở trường đại học hoàn toàn khác với thực tế thực tập nên khi đi thực tập làm cho SV rất bỡ ngỡ. Vì vậy có đến 68,9% SV và 75% giáo viên đồng ý với nguyên nhân *chưa có sự tương thích giữa chương trình học và thực tế*. [Phụ lục 6 – Bảng 2.19]

Với 59,4% SV và 79% giáo viên cùng đồng tình rằng việc *chưa yên tâm với nghề mà mình đang học* gây không ít KKTL trong việc giải quyết THSP cho SV [Phụ lục 6 – Bảng 2.19]. Hiện nay, một vấn đề đang được rất nhiều sự quan tâm của xã hội đó là SV sư phạm sau khi ra trường tỉ lệ thất nghiệp cũng như làm việc không đúng chuyên môn rất cao. Điều này làm cho SV cảm thấy lo lắng, không yên tâm với chính nghề nghiệp mình đã lựa chọn, làm ảnh hưởng đến động cơ học tập và hứng thú học tập của các em.

Riêng nguyên nhân *không có khả năng hoạt động tập thể* là tiêu chí mà sinh viên đánh giá không phải là nguyên nhân khách quan ảnh hưởng đến KKTL trong giải quyết THSP. Điểm trung bình của nguyên nhân này thấp nhất bằng 2,65. Đa số

nhóm sinh viên khảo sát cho rằng đây không là nguyên nhân khách quan ảnh hưởng đến và chỉ có 22,1% sinh viên cho rằng đây là nguyên nhân tác động đến KKTL mà họ gặp phải.



*Biểu đồ 2.5: Những nguyên nhân khách quan*

### 2.2.3.2. Những nguyên nhân chủ quan

Qua phân tích kết quả nguyên nhân chủ quan ta thấy điểm trung bình chung của nhóm những nguyên nhân chủ quan là 3,21, thấp hơn nguyên nhân khách quan, đó và điểm trung bình của 12 nguyên nhân này dao động trong khoảng từ 2,32 đến 3,70. Trong khi đó, theo đánh giá của giáo viên những nguyên nhân chủ quan là nguyên nhân chủ yếu gây ra KKTL trong việc giải quyết THSP của SV với điểm trung bình chung 3,70.

Từ thực trạng cho thấy có 78,3% thường xuyên gặp khó khăn về vốn kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm còn hạn chế. Điều này xuất phát từ nguyên nhân *SV chưa tích cực học tập tích lũy kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm*. Đây là nguyên nhân có điểm trung bình cao nhất 3,70. Trong đó có 70,7% sinh viên lựa chọn đây là nguyên nhân ảnh hưởng đến KKTL mà họ gặp phải, 7,4% sinh viên cho rằng đây không phải là nguyên nhân và 21,9% sinh viên còn phân vân khi đưa ra quyết định. Bên cạnh đó việc *SV chưa có tinh thần cầu thị, học hỏi* với 50,8% SV đồng tình cũng là nguyên nhân gây thực trạng trên. SV chưa tích cực thể hiện ở việc SV chưa chủ động tìm hiểu các thông tin về hoạt động sư

phạm qua việc đọc sách, đọc tài liệu tham khảo, qua kinh nghiệm của thầy cô, bạn bè và các kênh truyền thông khác nhau. Thông thường, SV tìm đến thư viện và cũng như các thông tin khác là nhằm phục vụ cho các môn học chuyên ngành, SV ít khi chủ động tìm kiếm những thông tin về những hoạt động tổ chức ở trường phổ thông, vì vậy điều này gây rất nhiều khó khăn cho SV trong quá trình đi thực tập, kiến tập nói chung và quá trình giải quyết THSP nói riêng.

*Bảng 2.12: Những nguyên nhân chủ quan*

T T	Nguyên nhân chủ quan	Hoàn toàn không đồng ý (%)	Khôn g đồng ý (%)	Phân vân (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	ĐTB	Thứ hạng
1	SV chưa tích cực học tập tích lũy kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm	2,2	5,2	21,9	61,3	9,4	<b>3,70</b>	<b>1</b>
2	SV chưa tiếp xúc nhiều với học sinh	2,7	16,5	10,8	49,0	20,9	<b>3,69</b>	<b>2</b>
3	SV chưa được làm quen với các phương pháp tư duy sư phạm	1,7	15,8	10,8	62,1	9,6	<b>3,62</b>	<b>4</b>
4	SV chưa hiểu biết đầy đủ về vai trò và ý nghĩa của hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	6,4	11,1	19,2	49,5	13,8	<b>3,53</b>	<b>6</b>
5	Còn thờ ơ, chưa say mê rèn kỹ năng giải quyết THSP	4,4	12,3	18,0	54,2	11,1	<b>3,55</b>	<b>5</b>
6	Mặc cảm, sợ mất uy tín trước bạn bè	11,3	35,7	23,4	24,4	5,2	2,76	10
7	Chưa có kinh nghiệm trong xử lý THSP	2,7	12,6	16,0	51,5	17,2	<b>3,68</b>	<b>3</b>
8	Có phong cách độc đoán hoặc tự do trong giao tiếp với học sinh	11,3	39,9	31,5	14,8	2,5	2,57	11
9	Bản thân chưa đáp ứng được các đòi hỏi cần sự chuẩn mực trong nguyên tắc ứng xử	3,7	33,0	34,0	25,1	4,2	2,93	8
10	Mặc cảm về ngoại hình hoặc dị tật phát âm của bản thân	25,4	41,4	12,8	17,2	3,2	2,32	12
11	Năng lực học tập các môn học chuyên ngành còn hạn chế	6,2	31,8	28,8	29,3	3,9	2,93	8
12	SV chưa có tinh thần cầu thị, học hỏi	3,9	20,7	24,6	45,6	5,2	3,27	7
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>3,21</b>						

Một nguyên nhân khác cũng được nhiều SV thừa nhận là do *chưa tiếp xúc nhiều với học sinh* với 69,9% SV đồng tình. Trong suốt những năm học đại học, SV chỉ có hai lần chính thức được tiếp xúc với học sinh vào những dịp kiến tập, thực tập, như vậy còn quá ít để chuẩn bị tâm lý cho SV bước vào nghề. Sinh viên N. H mong muốn: “ Chúng em muốn có cơ hội xuống trường phổ thông nhiều hơn, tiếp xúc với các em học sinh nhiều hơn để hiểu tâm lý học sinh hơn để khi đi kiến tập sẽ không cảm thấy run và hồi hộp nữa”.

Qua số liệu bảng 2.12 cho thấy có 63,3% SV đồng ý với nguyên nhân *SV chưa hiểu biết đầy đủ về vai trò, ý nghĩa của hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm*. Phân tích từ thực trạng cho thấy SV thừa nhận rằng mình thường xuyên gặp phải khó khăn nhu cầu giải quyết THSP và hình thành kỹ năng giải quyết THSP còn thấp (với tỷ lệ 72,6% SV lựa chọn). Từ đây dẫn đến việc *SV còn thờ ơ, chưa say mê rèn luyện kỹ năng giải quyết THSP*. Đây cũng là nguyên nhân có 65,3% SV đồng tình. Bên cạnh đó, SV ít có thời gian dành cho việc thực hành giải quyết các THSP mẫu cho nên *SV chưa có kinh nghiệm trong việc giải quyết THSP*. Đây cũng là nguyên nhân có nhiều sự đồng tình của SV với tỷ lệ 68,7%. Nguyên nhân này dẫn đến thực trạng SV thụ động, lúng túng, thiếu tự tin khi xử lý THSP, là một trong những KKTL sinh viên thường xuyên gặp phải.

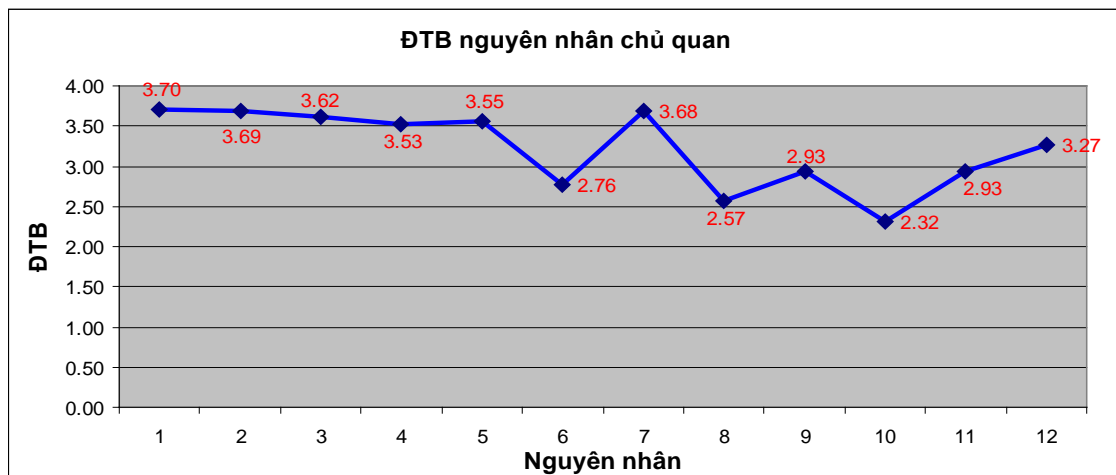
Một nguyên nhân đáng lưu ý đó là *SV chưa được làm quen với các phương pháp tư duy sư phạm* với 71,7% SV đồng tình với nguyên nhân này. Thực tế, chương trình học của SV sư phạm không có những môn học nhằm hình thành cho các em những phương pháp tư duy một cách bài bản. Điều này khiến các em rất khó khăn trong việc liên tưởng, sàng lọc và xác định phương án giải quyết tình huống tối ưu.

Học phần giao tiếp sư phạm từ lâu đã không còn được giảng dạy cho SV các ngành sư phạm, đây là một thiệt thòi lớn cho SV, làm cho SV không có những kỹ năng cần thiết trong quá trình giao tiếp với học sinh, không đáp ứng hết những chuẩn mực trong giao tiếp sư phạm. Ví dụ như câu chuyện của sinh viên H.M, là một nam SV có ngoại hình và dù đi thực tập nhưng vẫn mặc những bộ đồ rất “xì – tin”, cách nói chuyện với học sinh rất thoải mái. Vì vậy mà học sinh cũng có vẻ rất

thích anh chàng này nhất là học sinh nữ, nhưng cũng chính vì vậy mà H.M hay gặp những tình huống khó xử, những tin nhắn “tỏ tình” từ những học sinh của mình. [Phụ lục 4]. Cho nên các nguyên nhân *bản thân chưa đáp ứng được các đòi hỏi cần sự chuẩn mực trong nguyên tắc ứng xử* với tỷ lệ 29,3% SV đồng tình và nguyên nhân *có phong cách độc đoán hoặc tự do trong giao tiếp với học sinh* với tỷ lệ 17,3% SV đồng tình. Dù có tỷ lệ SV đồng tình không cao nhưng đây vẫn là những con số đáng lưu ý.

Từ biểu đồ 2.6 ta thấy nguyên nhân *mặc cảm về ngoại hình hoặc dị tật phát âm của bản thân* có điểm trung bình thấp nhất 2,32. Kết quả khảo sát hoàn toàn hợp lý với thực tế, trong quy chế tuyển sinh đầu vào của Trường ĐHAG điều kiện để sinh viên được tham gia dự tuyển ngành sư phạm không bị dị hình, dị tật, không nói ngọng, nói lắp. Vì thế có đến 79,6% sinh viên được hỏi trả lời đây không phải là nguyên nhân ảnh hưởng đến KKTL mà sinh viên gặp phải trong quá trình giải quyết THSP.

Ở nguyên nhân khách quan, kết quả khảo sát của giáo viên khá tương đồng với kết quả của SV. Riêng với nguyên nhân chủ quan thì kết quả từ giáo viên có tỷ lệ cao hơn hẳn của SV ở tất cả các nguyên nhân [Phụ lục 6 – Bảng 2.20]. Bởi vì theo các giáo viên, những KKTL trong việc giải quyết THSP chủ yếu xuất phát từ chính bản thân SV, để khắc phục những khó khăn này phải chính bản thân SV còn các nguyên nhân khách quan chỉ là những yếu tố tác động.



Biểu đồ 2.6: Những nguyên nhân chủ quan



Tóm lại, nguyên nhân khách quan gây ra KKTL trong việc giải quyết THSP chủ yếu là thời gian dành cho việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm còn ít, chương trình đào tạo các môn nghiệp vụ sư phạm còn nặng về lý thuyết, điều kiện phương tiện, cơ sở vật chất để rèn luyện nghiệp vụ sư phạm còn hạn chế, .... Bên cạnh đó, các nguyên nhân SV chưa tích cực học tập tích lũy kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm, SV chưa tiếp xúc nhiều với học sinh, SV chưa có kinh nghiệm trong việc xử lý THSP, SV còn thờ ơ chưa say mê rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, ... là những nguyên nhân chủ quan chủ yếu gây ra KKTL trong việc giải quyết THSP của SV.

### **2.3. Một số biện pháp nhằm giảm bớt những khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên Đại học An Giang.**

#### **2.3.1. Cơ sở đề xuất biện pháp**

Chuẩn đầu ra các ngành sư phạm trường Đại học An Giang có nêu rõ: sinh viên khi ra trường cần đáp ứng các kỹ năng về chuyên môn, về năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề, ... Và trong Chương trình hành động của trường trong giai đoạn 2010 – 2012 cũng nêu rõ: “Gắn chặt giảng dạy lý thuyết với thực tập, thực hành, nghiên cứu thực tế, ... đổi mới cách học và phương pháp học đối với sinh viên, khuyến khích sự tự học có hướng dẫn, học qua thảo luận và làm việc theo nhóm, ...” [12]

Từ những cơ sở lý luận về khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm được trình bày ở chương 1, chúng tôi quan niệm rằng: KKTL trong việc giải quyết THSP là những thiếu hụt, những cản trở, những vướng mắc về mặt tâm lý của chủ thể trong quá trình giải quyết THSP, như vậy để khắc phục những KKTL này chính chủ thể sẽ là người chủ động. Tuy nhiên, việc khắc phục các KKTL không chỉ cần sự nỗ lực của chính bản thân chủ thể mà cần sự hỗ trợ, sự tác động từ phía nhà trường và thầy cô.

Từ kết quả khảo sát thực trạng đã trình bày ở phần 2.2, chúng tôi thấy: SV trường ĐHAG còn hiểu biết hạn chế về những hoạt động sư phạm, về tâm sinh lý học sinh, còn thiếu hụt những kiến thức cần thiết cho việc hình thành kỹ năng giải

quyết THSP, trong xử lý THSP còn lúng túng, thiếu linh hoạt.

Để có cơ sở đề xuất các biện pháp nhằm giảm bớt những KKTL trong việc giải quyết THSP cho SV, chúng tôi tiến hành khảo sát mức độ cần thiết một số biện pháp như sau:

\* Nhóm biện pháp đối với nhà trường:

*Bảng 2.13: Đánh giá của SV về mức độ cần thiết nhóm biện pháp đối với nhà trường*

<b>TT</b>	<b>Biện pháp khắc phục khó khăn</b>	<b>ĐTB</b>	<b>Thứ hạng</b>
1	Tăng số tiết học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	4,12	7
2	Chú trọng nhiều hơn đến kiến thức thực hành của các môn khoa học sư phạm	<b>4,22</b>	<b>3</b>
3	Tổ chức thường xuyên, liên tục, có chiều sâu các hoạt động rèn nghiệp vụ sư phạm cho SV	4,19	5
4	Tạo điều kiện nhiều hơn cho SV tiếp xúc trực tiếp với trường phổ thông	<b>4,36</b>	<b>1</b>
5	Trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, tài liệu tham khảo, học tập liên quan đến việc rèn nghiệp vụ sư phạm cho SV	<b>4,28</b>	<b>2</b>
6	Đưa học phần giao tiếp sư phạm vào chương trình học của các ngành sư phạm	<b>4,19</b>	<b>5</b>
7	Đoàn trường, phòng công tác SV thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa có liên quan đến việc rèn nghiệp vụ sư phạm cho SV	4,01	8
8	Nâng cao ý thức nghề nghiệp trong tương lai của SV	<b>4,21</b>	<b>4</b>
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>4,20</b>	

Số liệu ở bảng 2.13 cho thấy đây là nhóm giải pháp cần thiết cho nhà trường nhằm giảm bớt những khó khăn tâm lý trong giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên Trường Đại học An Giang vì điểm trung bình chung nhóm giải pháp này khá cao 4,20. Cả 08/08 giải pháp ở nhóm này đều có điểm trung bình lớn hơn 4,00.

Một số biện pháp đáng chú ý như: tạo điều kiện nhiều hơn cho SV tiếp xúc trực tiếp với trường phổ thông có điểm trung bình cao nhất 4,36, trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, tài liệu tham khảo, học tập liên quan đến việc rèn nghiệp vụ sư phạm cho SV có điểm trung bình 4,28; chú trọng nhiều hơn đến kiến thức thực hành của các môn khoa học sư phạm có điểm trung bình 4,22; nâng cao ý thức nghề nghiệp trong tương lai của SV có điểm trung bình 4,21 và đưa học phần giao tiếp sư phạm vào chương trình học của các ngành sư phạm có điểm trung bình 4,19. Các biện pháp này đều có trên 80% số SV cho rằng cần thiết và rất cần thiết có các biện pháp này. [Phụ lục 6 - Bảng 2.21]. Qua khảo sát ý kiến của giảng viên cũng thống nhất rất cao về mức độ cần thiết và rất cần thiết (hầu hết đều đạt tỉ lệ 100%) với các biện pháp trên. [Phụ lục 6 - Bảng 2.24]

\* Nhóm biện pháp đối với giảng viên:

*Bảng 2.14 : Đánh giá của SV về mức độ cần thiết  
nhóm biện pháp đối với giảng viên*

<b>TT</b>	<b>Biện pháp khắc phục khó khăn</b>	<b>ĐTB</b>	<b>Thứ hạng</b>
1	Thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học hướng vào mục tiêu hình thành kỹ năng cho SV	4,26	2
2	GV dạy các môn khoa học sư phạm hướng dẫn, giúp đỡ SV nắm chắc lý thuyết và qui trình giải quyết THSP	4,23	3
3	GV dạy các môn khoa học sư phạm hướng dẫn, giúp đỡ SV vận dụng các tri thức đã học vào thực tế	4,27	1
4	Đổi mới việc kiểm tra, đánh giá các học phần khoa học sư phạm	3,87	5
5	GV tự học, tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ đặc biệt những tri thức về khoa học sư phạm	4,16	4
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>4,16</b>	

Các biện pháp 1, 2, 3 có điểm trung bình lần lượt 4,26, 4,23, 4,27 và đều có trên 90% số SV được khảo sát cho rằng rất cần thiết và cần thiết phải có những biện

pháp này [Phụ lục 6 - Bảng 2.22]. Đây là những biện pháp đòi hỏi giảng viên cần thay đổi phương pháp giảng dạy các môn khoa học sư phạm hướng vào việc thực hành và vận dụng kiến thức vào thực tế. Khảo sát ý kiến giảng viên cũng đồng tình rất cao với những biện pháp trên với 100% ý kiến đều cho rằng đây là những biện pháp cần thiết và rất cần thiết. [Phụ lục 6- Bảng 2.25]

\* Nhóm biện pháp đối với sinh viên:

*Bảng 2.15: Đánh giá của SV về mức độ cần thiết nhóm biện pháp đối với SV*

<b>TT</b>	<b>Biện pháp khắc phục khó khăn</b>	<b>ĐTB</b>	<b>Thứ hạng</b>
1	Chủ động học tập, nghiên cứu tài liệu, tích lũy kiến thức về nghiệp vụ sư phạm	<b>4,42</b>	<b>1</b>
2	Thay đổi phương pháp học tập chủ động, tích cực hơn	<b>4,26</b>	<b>2</b>
3	Dành nhiều thời gian trong việc tự học các môn tâm lý học, giáo dục học, nghiệp vụ sư phạm, ...	4,04	8
4	Tự sưu tầm các THSP và cách giải quyết các THSP đó trong thực tế	<b>4,12</b>	<b>5</b>
5	Tích cực, chủ động phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm, nhận xét trong các tiết học đặc biệt trong tiết nghiệp vụ sư phạm	<b>4,21</b>	<b>3</b>
6	Chủ động liên hệ kiến thức các môn tâm lý học, giáo dục học, nghiệp vụ sư phạm, ... trên lớp và thực tiễn	<b>4,08</b>	<b>6</b>
7	Xây dựng nhóm học tập để hỗ trợ nhau trong quá trình học	4,00	9
8	Tự tổ chức các buổi tập giảng cùng các bạn	<b>4,19</b>	<b>4</b>
9	Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, ngoại khóa	3,97	10
10	Tích cực tham gia hội thi Nghiệp vụ sư phạm	4,05	7
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>4,06</b>	

Kết quả bảng 2.15 cho thấy đối với 10 biện pháp trên SV đều cho rằng đây là những biện pháp cần thiết. Tất cả các biện pháp này đều làm tăng tính tích cực, chủ động của SV trong học tập. Trong đó biện pháp *chủ động học tập, nghiên cứu*

*tài liệu, tích lũy kiến thức về nghiệp vụ sư phạm có điểm trung bình cao nhất là 4,42 và biện pháp tích cực tham gia các hoạt động tập thể, ngoại khóa có điểm trung bình thấp nhất là 3,97.*

Qua khảo sát ý kiến của SV và giảng viên về những biện pháp nhằm giảm những KKTL trong việc giải quyết THSP của SV, chúng tôi nhận thấy cả giảng viên và SV đều mong muốn thay đổi phương pháp giảng dạy hướng vào việc thực hành cho SV nhiều hơn ở các môn học, cho SV tiếp xúc trực tiếp với trường phổ thông nhiều hơn, SV cần tích cực chủ động hơn trong học tập, ...

Trên đây là những cơ sở cho chúng tôi đề xuất một số biện pháp nhằm giảm những KKTL trong việc giải quyết THSP của SV trường Đại học An Giang.

### ***2.3.2. Một số biện pháp cụ thể***

#### ***2.3.2.1. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và những hiểu biết về hoạt động sư phạm***

Sinh viên khoa sư phạm Đại học An Giang khi đi kiến tập, thực tập đã được tiếp thu khá đầy đủ các kiến thức chuyên ngành cũng như các kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Tuy nhiên, lượng kiến thức và những hiểu biết của sinh viên về hoạt động sư phạm ở trường phổ thông của các em còn rất hạn chế vì các em ít có cơ hội tiếp xúc và tìm hiểu hoạt động ở trường phổ thông.

\* Mục đích: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và những hiểu biết về hoạt động sư phạm ở trường phổ thông,

\* Nội dung:

- Những kiến thức về cách thức tổ chức, hoạt động ở trường phổ thông (cơ cấu tổ chức, các tổ bộ môn) kết hợp với việc cho SV thực tế tìm hiểu tại trường phổ thông. Nội dung này tích hợp với các học phần Giáo dục học 1, Giáo dục học 2 ngay từ năm thứ II nhằm giúp SV sẽ không bỡ ngỡ trước các hoạt động của trường phổ thông khi đi kiến tập, thực tập.

- Những kiến thức về đặc điểm tâm sinh lý học sinh kèm theo hình ảnh, băng hình minh họa. Ngay từ năm thứ nhất, SV đã được học về tâm lý học lứa tuổi sư phạm, tuy nhiên với thời lượng 30 tiết lý thuyết học cả hai phần vừa tâm lý lứa tuổi

và tâm lý sư phạm thì các em SV không đủ để hiểu học sinh tương lai của mình.

\* Hình thức tổ chức:

- Các tài liệu trên được xây dựng có thể được tích hợp giảng dạy với các môn khoa học sư phạm như Giáo dục học, Tâm lý học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, ...

- Tổ chức các buổi tọa đàm giữa SV với giảng viên và giáo viên dạy tại các trường phổ thông về các hoạt động tại trường phổ thông, kinh nghiệm giảng dạy, kinh nghiệm khi đi kiến tập, thực tập.

- Tổ chức cho SV đến các trường phổ thông (trường Thực hành sư phạm và một số trường phổ thông lân cận) ngay từ học kỳ thứ hai năm thứ nhất với hình thức tìm hiểu một số hoạt động tại trường phổ thông, dự giờ, tham gia vào một số hoạt động của nhà trường và tiếp xúc với học sinh.

### ***2.3.2.2. Bồi dưỡng kiến thức về giao tiếp sư phạm cho sinh viên***

Giao tiếp sư phạm có vị trí cực kì quan trọng trong cấu trúc năng lực sư phạm. Giao tiếp sư phạm có rất nhiều chức năng: là phương tiện phục vụ công việc giảng dạy, là điều kiện xã hội – tâm lý bảo đảm quá trình giáo dục, là phương thức tổ chức các mối quan hệ qua lại giữa thầy và trò. Rõ ràng, giao tiếp sư phạm có một tác động khá rộng rãi trong hoạt động sư phạm. Vì vậy, trong việc đào tạo người giáo viên tương lai không thể thiếu nội dung của giao tiếp sư phạm, thiếu nó thì người giáo viên không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, hiện nay tại Đại học An Giang, học phần giao tiếp sư phạm không có trong chương trình giảng dạy. Đây là thiệt thòi rất lớn cho các sinh viên khoa sư phạm vì không có kiến thức về giao tiếp sư phạm SV sẽ cảm thấy không tự tin, xử lý các tình huống dạy học còn lúng túng nên chưa điều khiển tốt quá trình dạy học trên lớp, nhiều SV chưa tạo lập được mối quan hệ thân thiết, gần gũi, cởi mở giữa thầy và trò nên sự tương tác trong dạy học rất khó khăn.

\* Mục đích: cung cấp những kiến thức cơ bản về giao tiếp sư phạm cho sinh viên giúp sinh viên giảm bớt những khó khăn tâm lý về mặt thái độ và hành vi.

\* Nội dung: các kiến thức về giao tiếp sư phạm như: những đặc trưng của giao tiếp sư phạm, nguyên tắc giao tiếp sư phạm, phong cách giao tiếp sư phạm, kỹ năng

giao tiếp sư phạm, ...

\* Hình thức tổ chức:

Tổ chức các buổi học dưới dạng chuyên đề bồi dưỡng cho sinh viên trước khi các em đi kiến tập, thực tập ở trường phổ thông. Nội dung các kiến thức được truyền đạt chủ yếu theo phương pháp diễn giảng nêu vấn đề kết hợp với thảo luận và thực hành theo nhóm.

### **2.3.2.3. Bồi dưỡng kiến thức về kỹ năng giải quyết THSP**

Hiện nay, các ngành sư phạm tại ĐHAG chưa chú trọng việc rèn luyện kỹ năng giải quyết THSP cho SV, phần lớn việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm chỉ dừng lại ở việc cho SV tập giảng về phương pháp chuyên môn. Điều này đã gây rất nhiều KKTL trong việc giải quyết THSP của SV khi đi kiến tập, thực tập.

\* Mục đích: Giúp SV nắm được các lý thuyết cơ bản về THSP, quy trình xử lý THSP, KKTL trong việc giải quyết THSP, vận dụng được các kiến thức này vào việc xử lý các THSP một cách hiệu quả và thấy được ý nghĩa của việc rèn luyện kỹ năng xử lý THSP.

\* Nội dung: các kiến thức về khái niệm THSP, khái niệm kỹ năng giải quyết THSP, các giai đoạn hình thành kỹ năng giải quyết THSP, quy trình xử lý THSP, khái niệm, biểu hiện, nguyên nhân và cách khắc phục các KKTL trong việc giải quyết THSP.

\* Hình thức tổ chức:

Tổ chức các buổi học dưới dạng chuyên đề bồi dưỡng cho sinh viên trước khi các em đi kiến tập, thực tập ở trường phổ thông. Nội dung các kiến thức được truyền đạt chủ yếu theo phương pháp diễn giảng nêu vấn đề kết hợp với thảo luận và thực hành theo nhóm.

Cho SV sưu tầm các THSP thường xảy ra, trình bày trước lớp. Sinh viên cùng nhau thảo luận đưa ra cách xử lý, nhận xét đánh giá, lựa chọn cách xử lý tối ưu nhất từ đó rút ra bài học sư phạm cần thiết.

Kết hợp cùng với giảng viên dạy học phần phương pháp giảng dạy bộ môn và học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm xây dựng những THSP thường xảy ra

trong quá trình dạy học, đưa những THSP này vào phần tập giảng của SV làm cho các tiết tập giảng của SV không đơn thuần chỉ rèn luyện về phương pháp chuyên môn mà còn rèn cho SV có tâm thế chủ động trước mọi tình huống trong quá trình giảng dạy.

#### **2.3.2.4. Tổ chức cuộc thi Nghiệp vụ sư phạm với nhiều nội dung phong phú**

Hiện nay cuộc thi Nghiệp vụ sư phạm được tổ chức với hình thức cho SV thiết kế giáo án điện tử và lên trình bày. Hạn chế của hình thức này là không thu hút được đông đảo SV (đa số là SV năm thứ III và thứ IV) và không nâng cao được một số kỹ năng sư phạm cần thiết cho SV như kỹ năng xử lý THSP.

\* Mục đích: nhằm rèn luyện ý thức nghề nghiệp, kỹ năng sư phạm và phẩm chất người giáo viên

\* Nội dung và hình thức tổ chức:

Mỗi lớp ở tất cả các khóa hình thành một đội chơi (khoảng 5 người) tham gia với các nội dung thi:

Phần 1: Hiểu biết sư phạm:

• Nội dung:

- Các chủ trương, chính sách, đường lối, quan điểm về giáo dục, hệ thống giáo dục quốc dân.

- Các vấn đề về giáo dục hiện được xã hội quan tâm.

- Hiểu biết về lịch sử Đại học An Giang, về khoa sư phạm.

- Hiểu biết về nghề dạy học, mối quan hệ giữa nhà trường và xã hội, giáo viên và học sinh.

• Hình thức thi: thi trắc nghiệm, ban tổ chức ra câu hỏi mỗi đội trả lời bằng hình thức viết đáp án lên bảng.

Phần 2: Xử lý tình huống sư phạm

• Nội dung:

Các tình huống sư phạm xảy ra trong quá trình dạy học và giáo dục, xảy ra giữa mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh, giáo viên với đồng nghiệp trong trường sư phạm, giáo viên với phụ huynh học sinh.



- Hình thức thi: mỗi đội tự chuẩn bị hai tình huống và đưa ra cho đội bạn giải quyết, sau đó trình bày phương án giải quyết của đội mình. Ban giám khảo sẽ chấm điểm về tình huống và cách xử lý của mỗi đội.

#### Phần 3: hùng biện

- Nội dung: mỗi năm ban tổ chức sẽ đưa ra những chủ đề khác nhau xoay quanh các vấn đề về giáo dục, người giáo viên, ...

- Hình thức thi: mỗi đội cử một thành viên bốc thăm chủ đề và hùng biện về chủ đề đó.

#### Phần 4: văn nghệ

Mỗi lớp chuẩn bị một tiết mục văn nghệ với các thể loại hát, múa, diễn kịch với những chủ đề về thầy cô, mái trường, bạn bè, ... Các tiết mục này trình bày xen kẽ giữa các phần thi trên.

#### Phần 5: dạy học

Phần này dành riêng cho sinh viên năm thứ IV hệ đại học và năm thứ III hệ cao đẳng.

SV tham gia phần này chuẩn bị 1 tiết dạy theo chương trình sách giáo khoa hiện hành, có sử dụng phương tiện công nghệ dạy học. Học sinh là các SV khác do ban tổ chức chuẩn bị, trong quá trình dạy sẽ có những THSP xảy ra đột xuất được ban tổ chức tạo ra đòi hỏi SV phải xử lý.

## TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Qua kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy, SV trường ĐHAG thường xuyên gặp KKTL trong việc giải quyết THSP ở mặt nhận thức và hành vi, ở mặt thái độ mức độ gặp KKTL là thỉnh thoảng. Kết quả so sánh KKTL trong việc giải quyết THSP của sinh viên trường ĐHAG theo phương diện giới tính và năm học đa số đều có sự khác biệt giữa nhóm nam và nhóm nữ, giữa SV năm thứ III và SV năm thứ IV ở hệ đại học, giữa SV năm thứ II và SV năm thứ III hệ cao đẳng.

Các KKTL trong việc giải quyết THSP gây nhiều ảnh hưởng cho SV trong quá trình giải quyết các THSP và SV đều nhận thức được mức độ của các ảnh hưởng này.

Có nhiều nguyên nhân gây ra thực trạng trên, trong đó bao gồm các nguyên nhân chủ quan và các nguyên nhân khách quan. Các nguyên nhân khách quan chủ yếu là do chương trình đào tạo còn nặng về lý thuyết, thời gian rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của SV còn ít hay điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế, ... Các nguyên nhân chủ quan là do sự thiếu tích cực chủ động trong học tập và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của SV, SV chưa tiếp xúc nhiều với học sinh cũng như chưa có kinh nghiệm trong xử lý THSP, ...

Để giảm bớt các KKTL trên chúng tôi đề xuất một số biện pháp như cung cấp cho SV những kiến thức và những hiểu biết về hoạt động sư phạm, bồi dưỡng kiến thức về giao tiếp sư phạm cho SV, bồi dưỡng kiến thức về kỹ năng giải quyết THSP cho SV, tổ chức cuộc thi Nghiệp vụ sư phạm với nhiều nội dung phong phú.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu các vấn đề về lý luận và thực tiễn về KKTL trong việc giải quyết THSP của sinh viên trường ĐHAG chúng tôi có cơ sở đưa ra một số kết luận như sau:

**1.1.** Khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm là những thiếu hụt, những cản trở, những vướng mắc về mặt tâm lý của chủ thể trong quá trình giải quyết THSP, làm cho chủ thể (SV với tư cách là giáo viên tương lai) khó làm chủ hành vi ứng xử của mình, vì vậy việc giải quyết THSP chưa đạt được kết quả mong muốn hoặc có thể mắc phải những sai lầm nhất định trong quá trình giải quyết chúng.

**1.2.** Kết quả nghiên cứu thực trạng KKTL trong việc giải quyết THSP của sinh viên trường ĐHAG cho thấy:

Sinh viên trường ĐHAG gặp phải những KKTL trong việc giải quyết THSP biểu hiện ở cả ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi. Trong đó, sinh viên thường xuyên gặp KKTL ở mặt hành vi và mặt nhận thức, riêng mặt thái độ chỉ ở mức độ thỉnh thoảng.

So sánh KKTL trong việc giải quyết THSP của sinh viên trường ĐHAG theo giới tính đa số các KKTL có sự khác biệt giữa sinh viên nam và nhóm nữ. Đồng thời khi so sánh KKTL trong việc giải quyết THSP của sinh viên trường ĐHAG theo năm học, đa số các KKTL có sự khác biệt giữa SV năm thứ III và SV năm thứ IV hệ đại học, giữa SV năm thứ II và SV năm thứ III hệ cao đẳng.

Các KKTL trong việc giải quyết THSP gây nhiều ảnh hưởng cho SV trong quá trình giải quyết các THSP như làm cho SV không phát huy được khả năng tư duy linh hoạt, nhanh nhạy trong việc giải quyết THSP, giải quyết THSP kém hiệu quả, lúng túng, thiếu tự tin khi giải quyết THSP, làm cho SV nhận thức không đầy đủ về ý nghĩa và tác dụng của việc nâng cao năng lực giải quyết THSP, ...

**1.3.** Từ kết quả nghiên cứu thực trạng cũng cho thấy, có nhiều nguyên nhân gây nên những KKTL trong việc giải quyết THSP của SV trường ĐHAG bao gồm

những nguyên nhân chủ quan và những nguyên nhân khách quan. Một số nguyên nhân chủ quan nổi bật: chưa tích cực học tập tích lũy kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm, chưa hiểu biết đầy đủ về vai trò và ý nghĩa của hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, còn thờ ơ với việc rèn kỹ năng giải quyết THSP, ... Bên cạnh đó là những nguyên nhân khách quan: chương trình đào tạo nghiệp vụ sư phạm còn nặng về lý thuyết, thời gian dành cho việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm còn ít, tài liệu thsm khảo, cơ sở vật chất chưa đáp ứng cho việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm,...

**1.4.** Để giảm bớt KKTL trong việc giải quyết THSP của SV trường ĐHAG cần phải có những biện pháp tác động phù hợp. Căn cứ từ kết quả thực trạng nghiên cứu của đề tài, căn cứ vào tình hình thực tế tại trường ĐHAG và từ kết quả khảo sát về mức độ cần thiết của một số biện pháp, chúng tôi đề xuất một số biện pháp: cung cấp cho SV những kiến thức và những hiểu biết về hoạt động sư phạm, bồi dưỡng kiến thức về giao tiếp sư phạm cho SV, bồi dưỡng kiến thức về kỹ năng giải quyết THSP cho SV, tổ chức cuộc thi Nghiệp vụ sư phạm với nhiều nội dung phong phú.

## **KIẾN NGHỊ**

### **2.1. Đối với nhà trường**

- Cần điều chỉnh nội dung, chương trình đào tạo các ngành sư phạm theo hướng chú trọng nhiều hơn đến kiến thức thực hành của các môn khoa học sư phạm, đưa học phần giao tiếp sư phạm vào chương trình học của tất cả các ngành sư phạm.

- Cải tiến việc tổ chức kiến tập, thực tập cho sinh viên các ngành sư phạm theo hướng tạo điều kiện cho SV có cơ hội tiếp xúc với thực tế, với trường phổ thông nhiều hơn.

- Đoàn trường, phòng công tác sinh viên và khoa sư phạm cần phối hợp tổ chức thường xuyên các hoạt động ngoại khóa, các hội thi liên quan đến việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và nâng cao ý thức nghề nghiệp trong sinh viên.

- Trang bị đầy đủ và tốt hơn về cơ sở vật chất, thường xuyên cập nhật mới tài liệu tham khảo, tài liệu học tập có liên quan đến việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên như xây dựng phòng tập giảng chuyên dụng cho sinh viên khoa sư

phạm, sách bài tập, tài liệu hướng dẫn xử lý tình huống sư phạm, ...

## **2.2. Đối với giảng viên**

- Cần cải tiến phương pháp dạy học hướng vào mục tiêu hình thành kỹ năng cho sinh viên, phát huy tính tích cực tự giác cho sinh viên, kết hợp việc giảng dạy lý thuyết với việc hướng dẫn sinh viên vận dụng những kiến thức đó vào thực tế.

- Cần cải tiến hình thức kiểm tra, đánh giá các học phần thuộc các môn khoa học sư phạm theo hướng đánh giá cả về mặt kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành.

- Giảng viên không ngừng tự học, tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ đặc biệt những tri thức về khoa học sư phạm. Giảng viên cần tích cực tham gia dự giờ sinh viên thực tập, dự giờ giáo viên phổ thông để có thể phát hiện những tình huống sư phạm mới, phức tạp để làm tư liệu giảng dạy thêm phong phú.

## **2.3. Đối với sinh viên**

- Cần có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của việc rèn luyện kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm, ý thức được những khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm, có tâm thế chủ động trong mọi tình huống.

- Chủ động học tập, tích cực nghiên cứu tài liệu, tích lũy kiến thức về nghiệp vụ sư phạm như tự sưu tầm các tình huống sư phạm và cách giải quyết các tình huống sư phạm trong thực tế, tích cực luyện tập giải quyết tình huống sư phạm không những trong các giờ thực hành trên lớp mà còn ở những giờ tự học, chủ động liên hệ kiến thức các môn tâm lý học, giáo dục học, ... vào thực tiễn, tích cực chủ động phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm trong các tiết học đặc biệt trong các tiết học rèn nghiệp vụ sư phạm,...

- Tích cực tham gia các buổi sinh hoạt tập thể, ngoại khóa, tham gia tích cực vào hội thi nghiệp vụ sư phạm hàng năm.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Như An (1992), *Giải bài tập tình huống sư phạm*, Tạp chí lý luận – Khoa học giáo dục tháng 11, tr8 -12.
2. Hoàng Anh (chủ biên) (2007), *Hoạt Động - Giao tiếp - Nhân cách*, NXB ĐH Sư phạm Hà Nội.
3. Hoàng Anh, Vũ Kim Thanh (1995), *Giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục.
4. Nguyễn Ngọc Bảo (1999), *Tình huống sư phạm: Nhân tố ảnh hưởng, cách giải quyết*, Tạp chí ĐH&THCN (7), tr7-9.
5. Nguyễn Thị Thanh Bình (1996), *Nghiên cứu những trở ngại tâm lý trong giao tiếp của sinh viên với học sinh khi thực tập tốt nghiệp*, Luận án tiến sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội.
6. Đỗ Văn Bình (2008), *Khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập của sinh viên năm thứ nhất trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị*, Tạp chí Tâm lý học (2), tr59 -63.
7. Bộ Giáo dục và đào tạo (2011), *Chương trình phát triển ngành sư phạm và các trường sư phạm từ năm 2011 đến năm 2020*, Hà Nội.
8. Nguyễn Đình Chính (1992), *Bài tập thực hành giáo dục học*, NXB Giáo dục.
9. Lê Thị Thanh Chung (1999), *Xây dựng hệ thống tình huống có vấn đề để dạy học bộ môn Giáo dục học*, Luận văn thạc sĩ, Hà Nội.
10. Nguyễn Thị Cúc (2001), *Một số biện pháp rèn kỹ năng xử lý tình huống sư phạm cho sinh viên Cao đẳng sư phạm An Giang trong quá trình dạy học môn Giáo dục học*, Luận văn thạc sĩ Giáo dục học.
11. Vũ Dũng (2000), *Từ điển Tâm lý học*, NXB Khoa học – Xã hội Hà Nội, tr341.
12. Đại học An Giang (2010), *Chương trình hành động giai đoạn 2010 - 2012*, An Giang.
13. Trần Thanh Hải (2002), *Tìm hiểu kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên trường Đại học An Giang*, Luận văn thạc sĩ Tâm lý học, Viện khoa học giáo dục.
14. Bùi Hiền, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh, Vũ Văn Tảo (2001), *Từ điển*

*giáo dục học*, NXB Từ điển bách khoa.

15. Nguyễn Thị Bích Hoàn, Nguyễn Thị Linh, *Thực trạng kỹ năng giải quyết THSP của giáo viên trường trung học cơ sở Huỳnh Thúc Kháng*, Tp Đà Nẵng.
16. Ngô Công Hoàn, Hoàng Anh (1999), *Giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục.
17. Bùi Ngọc Hồ (1993), *Hỏi đáp về thực tập sư phạm*, Đại học Sư phạm TPHCM.
18. Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan (1998), *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục.
19. Bùi Văn Huệ, Nguyễn Trí, Nguyễn Trọng Hoàn, Hoàng Thị Xuân Hoa (2004), *Nghệ thuật ứng xử sư phạm*, NXB Đại học sư phạm.
20. Nguyễn Thế Hùng (2008), *Khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập của sinh viên năm thứ nhất trường CD Bến Tre*, Tạp chí Tâm lý học (5), tr55 – 59.
21. Trần Thị Huyền (2008), *Nghiên cứu những khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên dân tộc Khmer khoa Sư phạm trường Đại học An Giang*, An Giang.
22. Nguyễn Thị Thiên Kim (2005), *Nghiên cứu kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên sư phạm cao đẳng Nam Định*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Viện Tâm lý học.
23. Đặng Thị Lan (2008), *Một số Khó khăn tâm lý trong hoạt động học ngoại ngữ của SV những năm đầu ở trường ĐH Ngoại ngữ – ĐHQG Hà Nội*, Tạp chí Tâm lý học (2), tr53 -58.
24. Lã Văn Mến (2005), *Nghiên cứu kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên sư phạm cao đẳng Nam Định*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Viện Tâm lý học.
25. Trần Thị Quốc Minh (1996), *Phân tích tâm lý tình huống có vấn đề trong quan hệ giữa giáo viên và trẻ mẫu giáo*, Luận án phó tiến sĩ khoa học sư phạm - Tâm lý, Hà Nội.
26. Bùi Thị Mùi (2008), *Tình huống sư phạm trong công tác giáo dục học sinh trung học phổ thông*, NXB Đại học sư phạm.
27. Vũ Mạnh Quỳnh (2006), *Ứng xử sư phạm những điều cần biết*, NXB ĐHQG Hà

Nội.

28. Phan Thế Sung , Lư Xuân Mới (2000), *Tình huống và cách ứng xử tình huống sư phạm trong quản lý giáo dục và đào tạo*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.
29. Đoàn Thị Ty (2007), *Một số yếu tố tâm lý chủ quan ảnh hưởng đến sự hình thành kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên Đại học Hải Phòng*, Tạp chí Tâm lý học (1), tr34 – 38.
30. Đoàn Thị Ty (2008), *Những khó khăn tâm lý trong việc giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên sư phạm*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Trường Đại học SP Hà Nội.
31. Nguyễn Thạc (chủ biên), Phạm Thành Nghị (2009), *Tâm lý học sư phạm đại học*, NXB ĐH Sư phạm.
32. Bảo Thắng (2006), *Nghệ thuật xử lý tình huống sư phạm*, NXB Lao động xã hội.
33. Thủ tướng chính phủ (2012), *Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020*, Hà Nội.
34. Nguyễn Xuân Thúc , Đào Thị Lan Hương (2007), *Phân tích các biểu hiện khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập của sinh viên năm thứ nhất sư phạm*, Tạp chí Tâm lý học (9), tr14 – 21.
35. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên) (2009), *Giáo trình tâm lý học đại cương*, NXB ĐH Sư phạm.
36. Viện ngôn ngữ học (1997), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
37. Phạm Viết Vượng (2000), *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.
38. Vũ Kim Xuyên (2011), *Một số khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập của học viên phân viện miền Nam học viện thanh thiếu niên Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Tâm lý học, Trường Đại học SP TPHCM.
39. Nguyễn Như Ý (1998), *Từ điển Tiếng Việt thông dụng*, NXB Giáo dục, tr357.



# PHỤ LỤC

## Phụ lục 1

### PHIẾU CÂU HỎI MỞ

*Trong việc giải quyết tình huống sư phạm sinh viên có thể gặp các khó khăn tâm lý. Các khó khăn này làm cho việc giải quyết tình huống sư phạm kém hiệu quả. Việc tìm hiểu các khó khăn tâm lý và đề xuất các biện pháp nhằm giúp cho các bạn sinh viên giải quyết tình huống sư phạm trong quá trình kiến tập, thực tập cũng như trong công tác sau khi ra trường hiệu quả hơn là cần thiết. Để đạt được mục đích đó, rất mong các bạn trả lời một số câu hỏi sau. Những ý kiến phản ánh đúng suy nghĩ của các bạn sẽ góp phần vào thành công của đề tài.*

**Câu 1:** Theo bạn, trong quá trình kiến tập, thực tập sinh viên khoa Sư phạm trường Đại học An Giang thường gặp những khó khăn tâm lý nào?

.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 2:** Theo bạn, những khó khăn tâm lý trên ảnh hưởng như thế nào đến việc giải quyết THSP trong quá trình kiến tập, thực tập?

.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 3:** Theo bạn, những nguyên nhân nào gây nên khó khăn tâm lý trong việc giải quyết THSP của sinh viên Đại học An Giang?

.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 4:** Bạn đã dùng những biện pháp gì để khắc phục những khó khăn tâm lý trên?

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 5:** Bạn có đề xuất gì nhằm giúp sinh viên khoa sư phạm trường Đại học An Giang giảm bớt các khó khăn tâm lý trong việc giải quyết THSP?

- Về phía nhà trường:

.....

.....

.....

.....

.....

- Về phía giảng viên:

.....

.....

.....

.....

.....

- Về phía bản thân:

.....

.....

.....

.....

.....

## Phụ lục 2

### PHIẾU THĂM DÒ Ý KIẾN

(Dành cho sinh viên)

*Các bạn sinh viên thân mến!*

*Trong việc giải quyết tình huống sư phạm sinh viên có thể gặp các khó khăn tâm lý. Các khó khăn này làm cho việc giải quyết tình huống sư phạm kém hiệu quả. Việc tìm hiểu các khó khăn tâm lý và đề xuất các biện pháp nhằm giúp cho các bạn sinh viên giải quyết tình huống sư phạm trong quá trình kiến tập, thực tập cũng như trong công tác sau khi ra trường hiệu quả hơn là cần thiết. Để đạt được mục đích đó, rất mong các bạn trả lời một số câu hỏi sau. Những ý kiến phản ánh đúng suy nghĩ của các bạn sẽ góp phần vào thành công của đề tài.*

*Rất mong nhận được sự hợp tác của các bạn!*

#### Phần I: THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Giới tính:  Nam  Nữ
- SV năm:  Thứ II  Thứ III  Thứ IV
- Bậc học:  Cao đẳng  Đại học
- Ngành học:.....

#### PHẦN II: CÂU HỎI THĂM DÒ Ý KIẾN

**Câu 1:** Trong việc giải quyết THSP, bạn có gặp những **khó khăn tâm lý** nào? Bạn hãy **đánh dấu (X)** vào các mức độ thường gặp của những khó khăn.

Stt	CÁC KHÓ KHĂN TÂM LÝ	ĐÁNH GIÁ THEO MỨC ĐỘ				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
1	Vốn kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm còn hạn chế.					
2	Hiểu biết về tâm sinh lý và trình độ của học sinh còn ít.					
3	Khả năng liên tưởng, sàng lọc và xác định phương án giải quyết tình huống tối ưu nhất còn hạn chế					

4	Chưa nắm được các nguyên tắc giải quyết một THSP					
5	Hiểu biết về các môn khoa học chuyên ngành chưa cao.					
6	Chưa thích ứng với môi trường và tổ chức hoạt động của trường phổ thông					
7	Động cơ chọn nghề chưa đúng theo nguyện vọng					
8	Nhu cầu giải quyết THSP và hình thành kỹ năng giải quyết THSP còn thấp					
9	Chưa thực sự có hứng thú giải quyết THSP					
10	E ngại khi phải xuất hiện trước tập thể					
11	Hồi hộp, lo lắng trước sự xuất hiện của THSP cần giải quyết nhanh					
12	Thiếu tự tin khi phải đóng vai là người giáo viên					
13	Sợ mắc sai lầm khi giải quyết THSP					
14	Thiếu kiên nhẫn khi giải quyết THSP khó					
15	Còn thụ động trong việc giải quyết THSP					
16	Ứng xử trong việc giải quyết THSP kém linh hoạt.					
17	Hành vi lúng túng, thiếu tự tin khi giải quyết THSP					
18	Hành vi bột phát, ngẫu nhiên khi giải quyết THSP					
19	Khả năng tự kiểm tra, tự điều chỉnh hành vi ứng xử yếu					
20	Hoạt động ngôn ngữ nói của sinh viên còn hạn chế					
21	Khả năng huy động kiến thức vào việc giải quyết THSP chưa cao					

**Câu 2:** Theo bạn những KKTL **ảnh hưởng** như thế nào trong việc giải quyết THSP? Bạn hãy **đánh dấu (X)** vào các mức độ của các ảnh hưởng mà bạn thấy phù hợp với bản thân.

Stt	CÁC ẢNH HƯỞNG	ĐÁNH GIÁ THEO MỨC ĐỘ				
		Rất nhiều	Nhiều	Bình thường	Ít	Rất ít
1	Làm cho SV nhận thức không đầy đủ về ý nghĩa, tác dụng của việc nâng cao năng lực giải quyết THSP					
2	Làm cho SV không phát huy được khả năng tư duy linh hoạt, nhanh nhạy trong việc giải quyết THSP					
3	Giải quyết THSP một cách rập khuôn, máy móc.					
4	Giải quyết các THSP kém hiệu quả, không đảm bảo các nguyên tắc giao tiếp, ứng xử sư phạm					
5	Có quan niệm giải quyết THSP như thế nào cũng được					
6	Lúng túng, thiếu tự tin trong quá trình giải quyết các THSP					
7	Khó khăn trong việc đưa ra các phương án và chọn phương án giải quyết tối ưu nhất trong việc giải quyết THSP					
8	Làm cho SV có thể bất lực trước một vài tình huống					

**Câu 3:** Dưới đây là những **nguyên nhân** gây nên KKTL trong việc giải quyết THSP. Bạn hãy **đánh dấu (X)** vào các mức độ của các nguyên nhân mà bạn thấy mình phù hợp với bản thân.

Stt	CÁC NGUYÊN NHÂN	ĐÁNH GIÁ THEO MỨC ĐỘ				
		Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
1	SV chưa tích cực học tập tích lũy kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm					
2	SV chưa tiếp xúc nhiều với học sinh					
3	SV chưa được làm quen với các phương pháp tư duy sư phạm					
4	SV chưa hiểu biết đầy đủ về vai trò và ý nghĩa của hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm					
5	Còn thờ ơ, chưa say mê rèn kỹ năng giải quyết THSP					
6	Mặc cảm, sợ mất uy tín trước bạn bè					
7	Chưa có kinh nghiệm trong xử lý THSP					
8	Có phong cách độc đoán hoặc tự do trong giao tiếp với học sinh					
9	Bản thân chưa đáp ứng được các đòi hỏi cần sự chuẩn mực trong nguyên tắc ứng xử					
10	Mặc cảm về ngoại hình hoặc dị tật phát âm của bản thân					
11	Năng lực học tập các môn học chuyên ngành còn hạn chế					
12	SV chưa có tinh thần cầu thị, học hỏi					
13	Chương trình đào tạo các môn nghiệp vụ sư phạm còn nặng về lý thuyết					
14	Tài liệu hướng dẫn, tham khảo để hình thành kỹ năng giải quyết THSP còn ít					
15	Điều kiện, phương tiện, cơ sở vật chất để rèn luyện nghiệp vụ sư phạm còn hạn chế					
16	Tình huống SP diễn ra phức tạp, bất ngờ, nhiều mâu thuẫn					
17	Thời gian dành cho việc rèn luyện nghiệp vụ SP còn ít					
18	Chưa có sự tương thích giữa chương trình học và thực tế					

19	Chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường và đơn vị thực tập					
20	Do chưa yên tâm với nghề mà mình đang học (ra trường chưa xin được việc làm ngay)					
21	Do không có khả năng hoạt động tập thể					

**Câu 4:** Dưới đây là những THSP bạn có thể đã hoặc sẽ gặp, bạn hãy **chọn cách giải quyết** của bạn trong mỗi tình huống và hãy **liệt kê** những khó khăn tâm lý mà bạn gặp khi giải quyết mỗi tình huống **bằng cách ghi số thứ tự các khó khăn được liệt kê ở cột bên phải (VD: ở tình huống 1 bạn gặp các khó khăn như Vốn kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm còn hạn chế, Hiểu biết về tâm sinh lý học sinh còn ít, ... bạn sẽ ghi ở phần “ Các khó khăn: 1, 2, ....)**

TÌNH HUỐNG	CÁC KHÓ KHĂN TÂM LÝ
<p><b>TH1:</b> Bình thường, trong giờ dạy của bạn, HS rất háng hái phát biểu xây dựng bài. Hôm nay, giờ học có các thầy cô đến dự giờ, khi bạn đặt câu hỏi dù rất dễ nhưng không có học sinh nào giơ tay phát biểu. Bạn xử lý như thế nào?</p> <p>1 <input type="checkbox"/> Bạn giải thích và trả lời luôn.</p> <p>2 <input type="checkbox"/> Bạn chỉ định một số học sinh khá lên trả lời và suốt giờ học bạn chỉ gọi các em đó.</p> <p>3 <input type="checkbox"/> Bạn giữ nét mặt tươi vui, thoải mái, đưa ra câu hỏi và gợi ý sau đó gọi một em “bạo dạn” và học khá nhất trong lớp trả lời. Bạn khen em đó và cho điểm cao để kích thích các em khác giơ tay phát biểu.</p> <p>Các khó khăn:</p>	<p><b>1.</b> Vốn kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm còn hạn chế.</p> <p><b>2.</b> Hiểu biết về tâm sinh lý và trình độ của học sinh còn ít.</p> <p><b>3.</b> Khả năng liên tưởng, sàng lọc và xác định phương án giải quyết tình huống tối ưu nhất còn hạn chế</p> <p><b>4.</b> Chưa nắm được các nguyên tắc giải quyết một tình huống SP</p> <p><b>5.</b> Hiểu biết về các môn khoa học chuyên ngành chưa cao.</p> <p><b>6.</b> Chưa thích ứng với môi trường và tổ chức hoạt động của trường phổ thông</p> <p><b>7.</b> Động cơ chọn nghề chưa đúng theo nguyện vọng</p> <p><b>8.</b> Nhu cầu giải quyết tình huống SP và hình thành kỹ năng giải quyết tình huống SP còn thấp</p>
<p><b>TH2:</b> Trong giờ học có một học</p>	

<p>sinh khá đặt ra câu hỏi có liên quan đến bài học. Bạn thật sự không chắc chắn về phần kiến thức liên quan đến câu hỏi đó nên không thể lập tức trả lời ngay được. Bạn xử lý như thế nào?</p> <p>1 <input type="checkbox"/> Bạn cố gắng giải thích vấn đề mà học sinh đưa ra.</p> <p>2 <input type="checkbox"/> Bạn phê bình học sinh đó đã làm ảnh hưởng đến giờ học của cả lớp vì câu hỏi này không có trong nội dung SGK.</p> <p>3 <input type="checkbox"/> Bạn khen câu hỏi đó hay và nói rằng đây cũng là câu hỏi bạn định đưa ra để cả lớp cùng suy nghĩ và dùng câu hỏi này làm bài tập về nhà giờ sau sẽ giải quyết.</p> <p>Các khó khăn:</p>	<p>9. Chưa thực sự có hứng thú giải quyết tình huống SP</p> <p>10. E ngại khi phải xuất hiện trước tập thể</p> <p>11. Hồi hộp, lo lắng trước sự xuất hiện của tình huống SP cần giải quyết nhanh</p> <p>12. Mặc cảm khi phải đóng vai là người giáo viên</p> <p>13. Sợ mắc sai lầm khi giải quyết tình huống SP</p> <p>14. Thiếu kiên nhẫn khi giải quyết tình huống SP khó</p> <p>15. Còn thụ động trong việc giải quyết tình huống SP</p> <p>16. Ứng xử trong việc giải quyết tình huống SP kém linh hoạt.</p> <p>17. Hành vi lúng túng, thiếu tự tin khi giải quyết tình huống SP</p> <p>18. Hành vi bột phát, ngẫu nhiên khi giải quyết tình huống SP</p> <p>19. Khả năng tự kiểm tra, tự điều chỉnh hành vi ứng xử yếu</p> <p>20. Khả năng huy động kiến thức vào việc giải quyết tình huống SP chưa cao</p> <p>21. Hoạt động ngôn ngữ nói của sinh viên còn hạn chế</p>
<p><b>TH3:</b> Trong 1 tiết dạy ở đợt thực tập vừa rồi, bạn kết thúc bài dạy sớm hơn thời gian quy định khoảng 5 phút, đây lại là tiết dạy để chấm điểm đánh giá. Bạn sẽ xử lý như thế nào trong tình huống này?</p> <p>1 <input type="checkbox"/> Bạn cho buổi học kết thúc sớm vì thấy thời gian còn lại không nhiều</p> <p>2 <input type="checkbox"/> Bạn tổ chức một trò chơi nhỏ cho các em học sinh</p> <p>3 <input type="checkbox"/> Bạn nhanh chóng đặt những câu hỏi nhằm củng cố bài và mở ra những hướng suy nghĩ mới cho học sinh</p> <p>Các khó khăn:</p>	



**TH4:** Khi bạn đang say sưa giảng bài thì nhận thấy có một em học sinh đang làm việc riêng, không tập trung nghe giảng. Bạn sẽ xử lý như thế nào?

1  Xuống chỗ học sinh đó ngồi, yêu cầu em cho xem đang làm việc gì, sau đó phê bình trước lớp

2  Dừng bài giảng và gọi em học sinh đó đứng lên trình bày lại phần cô vừa giảng. Nếu học sinh đó không trình bày được, bạn phê bình và cho điểm kém

3  Dừng bài giảng trong vài giây, nhắc nhở em học sinh đó và tiếp tục bài giảng. Sau giờ học bạn có thể gặp riêng em và nhắc nhở về ý thức học tập.

Các khó khăn:

**TH5:** Trong giờ học, bạn đang giảng bài thì nhận thấy mình vừa nói nhầm kiến thức trong bài khiến cho các em học sinh dưới lớp đang bàn tán vì điều này. Bạn sẽ xử lý như thế nào?

1  Bạn quát nạt cả lớp để dẹp tan lời bàn tán

2  Bạn coi như không có chuyện gì xảy ra và vẫn tiếp tục giảng bài

3  Xin lỗi học sinh và điều chỉnh kiến thức sai ngay lập tức.

Các khó khăn:

**Câu 5 :** Dưới đây là những **biện pháp** để khắc phục những KKTL trong việc giải quyết THSP. Bạn hãy **đánh dấu (X)** vào các mức độ của các biện pháp mà bạn thấy mình phù hợp với bản thân.

Stt	CÁC BIỆN PHÁP	ĐÁNH GIÁ THEO MỨC ĐỘ				
		Rất cần thiết	Cần thiết	Có cũng được, không cũng được	Không cần thiết	Hoàn toàn không cần thiết
<b>ĐỐI VỚI NHÀ TRƯỞNG</b>						
1	Tăng số tiết học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm					
2	Chú trọng nhiều hơn đến kiến thức thực hành của các môn khoa học sư phạm					
3	Tổ chức thường xuyên, liên tục, có chiều sâu các hoạt động rèn nghiệp vụ sư phạm cho SV					
4	Tạo điều kiện nhiều hơn cho SV tiếp xúc trực tiếp với trường phổ thông					
5	Trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, tài liệu tham khảo, học tập liên quan đến việc rèn nghiệp vụ sư phạm cho SV					
6	Đưa học phần Giao tiếp sư phạm vào chương trình học của các ngành sư phạm					
7	Đoàn trường, phòng công tác SV thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa có liên quan đến việc rèn nghiệp vụ sư phạm cho SV					
8	Nâng cao ý thức nghề nghiệp trong tương lai của SV					
<b>ĐỐI VỚI GIÁNG VIÊN</b>						
1	Thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học hướng vào mục tiêu hình thành kỹ năng cho SV					
2	GV dạy các môn khoa học sư phạm hướng dẫn, giúp đỡ SV nắm chắc lý thuyết và qui trình giải quyết THSP					
3	GV dạy các môn khoa học sư phạm hướng dẫn, giúp đỡ SV vận dụng các tri thức đã học vào thực tế					
4	Đổi mới việc kiểm tra, đánh giá các học phần khoa học sư phạm					

5	GV tự học, tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ đặc biệt những tri thức về khoa học sư phạm					
<b>ĐỐI VỚI SINH VIÊN</b>						
1	Chủ động học tập, nghiên cứu tài liệu, tích lũy kiến thức về nghiệp vụ sư phạm					
2	Thay đổi phương pháp học tập chủ động, tích cực hơn					
3	Dành nhiều thời gian trong việc tự học các môn tâm lý học, giáo dục học, nghiệp vụ sư phạm, ...					
4	Tự sưu tầm các THSP và cách giải quyết các THSP đó trong thực tế					
5	Tích cực, chủ động phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm, nhận xét trong các tiết học đặc biệt trong tiết nghiệp vụ sư phạm					
6	Chủ động liên hệ kiến thức các môn tâm lý học, giáo dục học, nghiệp vụ sư phạm, ... trên lớp và thực tiễn					
7	Xây dựng nhóm học tập để hỗ trợ nhau trong quá trình học					
8	Tự tổ chức các buổi tập giảng cùng các bạn					
9	Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, ngoại khóa					
10	Tích cực tham gia hội thi Nghiệp vụ sư phạm					
11	Các biện pháp khác:					

*Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của các bạn. Kính chúc sức khỏe và thành đạt!*

**Phụ lục 3**  
**PHIẾU THĂM DÒ Ý KIẾN**  
**(Dành cho giáo viên)**

*Kính gửi quý thầy, cô!*

*Trong việc giải quyết tình huống sư phạm sinh viên có thể gặp các khó khăn tâm lý. Các khó khăn này làm cho việc giải quyết tình huống sư phạm kém hiệu quả. Việc tìm hiểu các khó khăn tâm lý và đề xuất các biện pháp nhằm giúp cho các bạn sinh viên giải quyết tình huống sư phạm trong quá trình kiến tập, thực tập cũng như trong công tác sau khi ra trường hiệu quả hơn là cần thiết. Để đạt được mục đích đó, rất mong quý thầy, cô trả lời một số câu hỏi sau. Những ý kiến của quý thầy, cô sẽ góp phần vào thành công của đề tài.*

*Rất mong nhận được sự hợp tác của quý thầy, cô!*

**Câu 1:** Theo thầy, cô trong việc giải quyết THSP, SV thường gặp những **khó khăn tâm lý** nào? Thầy, cô hãy **đánh dấu (X)** vào các mức độ thường gặp của những khó khăn.

Stt	CÁC KHÓ KHĂN TÂM LÝ	ĐÁNH GIÁ THEO MỨC ĐỘ				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
1	Vốn kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm còn hạn chế.					
2	Hiểu biết về tâm sinh lý và trình độ của học sinh còn ít.					
3	Khả năng liên tưởng, sàng lọc và xác định phương án giải quyết tình huống tối ưu nhất còn hạn chế					
4	Chưa nắm được các nguyên tắc giải quyết một THSP					
5	Hiểu biết về các môn khoa học chuyên ngành chưa cao.					
6	Chưa thích ứng với môi trường và tổ chức hoạt động của trường phổ thông					
7	Động cơ chọn nghề chưa đúng theo nguyện vọng					
8	Nhu cầu giải quyết THSP và hình thành kỹ năng giải quyết THSP còn					

Stt	CÁC KHÓ KHĂN TÂM LÝ	ĐÁNH GIÁ THEO MỨC ĐỘ				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
	thấp					
9	Chưa thực sự có hứng thú giải quyết THSP					
10	E ngại khi phải xuất hiện trước tập thể					
11	Hồi hộp, lo lắng trước sự xuất hiện của THSP cần giải quyết nhanh					
12	Thiếu tự tin khi phải đóng vai là người giáo viên					
13	Sợ mắc sai lầm khi giải quyết THSP					
14	Thiếu kiên nhẫn khi giải quyết THSP khó					
15	Còn thụ động trong việc giải quyết THSP					
16	Ứng xử trong việc giải quyết THSP kém linh hoạt.					
17	Hành vi lúng túng, thiếu tự tin khi giải quyết THSP					
18	Hành vi bột phát, ngẫu nhiên khi giải quyết THSP					
19	Khả năng tự kiểm tra, tự điều chỉnh hành vi ứng xử yếu					
20	Hoạt động ngôn ngữ nói của sinh viên còn hạn chế					
21	Khả năng huy động kiến thức vào việc giải quyết THSP chưa cao					

**Câu 2:** Theo thầy, cô những KKTL ảnh hưởng như thế nào trong việc giải quyết THSP của SV? Thầy, cô hãy **đánh dấu (X)** vào các mức độ của các ảnh hưởng mà thầy, cô thấy phù hợp.

Stt	CÁC ẢNH HƯỞNG	ĐÁNH GIÁ THEO MỨC ĐỘ				
		Rất nhiều	Nhiều	Bình thường	Ít	Rất ít
1	Làm cho SV nhận thức không đầy đủ về ý nghĩa, tác dụng của việc nâng cao năng lực giải quyết THSP					
2	Làm cho SV không phát huy được khả năng tư duy linh hoạt, nhanh nhạy trong việc giải quyết THSP					

3	Giải quyết THSP một cách rập khuôn, máy móc.					
4	Giải quyết các THSP kém hiệu quả, không đảm bảo các nguyên tắc giao tiếp, ứng xử sư phạm					
5	Có quan niệm giải quyết THSP như thế nào cũng được					
6	Lúng túng, thiếu tự tin trong quá trình giải quyết các THSP					
7	Khó khăn trong việc đưa ra các phương án và chọn phương án giải quyết tối ưu nhất trong việc giải quyết THSP					
8	Làm cho SV có thể bất lực trước một vài tình huống					

**Câu 3:** Dưới đây là những **nguyên nhân** gây nên KKTL trong việc giải quyết THSP. Thầy, cô hãy **đánh dấu (X)** vào các mức độ của các nguyên nhân mà thầy, cô thấy phù hợp.

Stt	CÁC NGUYÊN NHÂN	ĐÁNH GIÁ THEO MỨC ĐỘ				
		Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
1	SV chưa tích cực học tập tích lũy kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm					
2	SV chưa tiếp xúc nhiều với học sinh					
3	SV chưa được làm quen với các phương pháp tư duy sư phạm					
4	SV chưa hiểu biết đầy đủ về vai trò và ý nghĩa của hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm					
5	Còn thờ ơ, chưa say mê rèn kỹ năng giải quyết THSP					
6	Mặc cảm, sợ mất uy tín trước bạn bè					
7	Chưa có kinh nghiệm trong xử lý THSP					
8	Có phong cách độc đoán hoặc tự do trong giao tiếp với học sinh					
9	Bản thân chưa đáp ứng được các đòi hỏi cần sự chuẩn mực trong nguyên tắc ứng xử					
10	Mặc cảm về ngoại hình hoặc dị tật phát âm của bản thân					
11	Năng lực học tập các môn học chuyên ngành còn hạn chế					
12	SV chưa có tinh thần cầu thị, học hỏi					

13	Chương trình đào tạo các môn nghiệp vụ sư phạm còn nặng về lý thuyết					
14	Tài liệu hướng dẫn, tham khảo để hình thành kỹ năng giải quyết THSP còn ít					
15	Điều kiện, phương tiện, cơ sở vật chất để rèn luyện nghiệp vụ sư phạm còn hạn chế					
16	THSP diễn ra phức tạp, bất ngờ, nhiều mâu thuẫn					
17	Thời gian dành cho việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm còn ít					
18	Chưa có sự tương thích giữa chương trình học và thực tế					
19	Chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường và đơn vị thực tập					
20	Do chưa yên tâm với nghề mà mình đang học (ra trường chưa xin được việc làm ngay)					
21	Do không có khả năng hoạt động tập thể					

**Câu 4 :** Dưới đây là những **biện pháp** để khắc phục những KKTL trong việc giải quyết THSP. Thầy, cô hãy **đánh dấu (X)** vào các mức độ của các biện pháp mà thầy, cô thấy mình phù hợp.

Stt	CÁC BIỆN PHÁP	ĐÁNH GIÁ THEO MỨC ĐỘ				
		Rất cần thiết	Cần thiết	Có cũng được, không cũng được	Không cần thiết	Hoàn toàn không cần thiết
<b>ĐỐI VỚI NHÀ TRƯỜNG</b>						
1	Tăng số tiết học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm					
2	Chú trọng nhiều hơn đến kiến thức thực hành của các môn khoa học sư phạm					
3	Tổ chức thường xuyên, liên tục, có chiều sâu các hoạt động rèn nghiệp vụ sư phạm cho SV					
4	Tạo điều kiện nhiều hơn cho SV tiếp xúc trực tiếp với trường phổ thông					
5	Trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, tài liệu tham khảo, học tập liên quan đến việc rèn nghiệp vụ sư phạm cho SV					
6	Đưa học phần Giao tiếp sư phạm vào chương trình học của các ngành sư phạm					
7	Đoàn trường, phòng công tác SV thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa có liên quan đến việc rèn nghiệp vụ sư phạm					

	cho SV					
8	Nâng cao ý thức nghề nghiệp trong tương lai của SV					
<b>ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN</b>						
1	Thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học hướng vào mục tiêu hình thành kỹ năng cho SV					
2	GV dạy các môn khoa học sư phạm hướng dẫn, giúp đỡ SV nắm chắc lý thuyết và qui trình giải quyết THSP					
3	GV dạy các môn khoa học sư phạm hướng dẫn, giúp đỡ SV vận dụng các tri thức đã học vào thực tế					
4	Đổi mới việc kiểm tra, đánh giá các học phần khoa học sư phạm					
5	GV tự học, tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ đặc biệt những tri thức về khoa học sư phạm					
<b>ĐỐI VỚI SINH VIÊN</b>						
1	Chủ động học tập, nghiên cứu tài liệu, tích lũy kiến thức về nghiệp vụ sư phạm					
2	Thay đổi phương pháp học tập chủ động, tích cực hơn					
3	Dành nhiều thời gian trong việc tự học các môn tâm lý học, giáo dục học, nghiệp vụ sư phạm, ...					
4	Tự sưu tầm các THSP và cách giải quyết các THSP đó trong thực tế					
5	Tích cực, chủ động phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm, nhận xét trong các tiết học đặc biệt trong tiết nghiệp vụ sư phạm					
6	Chủ động liên hệ kiến thức các môn tâm lý học, giáo dục học, nghiệp vụ sư phạm, ... trên lớp và thực tiễn					
7	Xây dựng nhóm học tập để hỗ trợ nhau trong quá trình học					
8	Tự tổ chức các buổi tập giảng cùng các bạn					
9	Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, ngoại khóa					
10	Tích cực tham gia hội thi Nghiệp vụ SP					
11	Các biện pháp khác:					

*Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của quý thầy, cô . Kính chúc sức khỏe và thành đạt!*



**Phụ lục 4**  
**BIÊN BẢN PHÒNG VẤN**  
**(Dành cho sinh viên)**

Xin vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân:

1. Giới tính:       Nam               Nữ
2. SV năm:       Thứ II               Thứ III               Thứ IV
3. Bậc học:       Cao đẳng       Đại học
4. Ngành học:.....

**Câu 1:** Bạn đã chuẩn bị gì trước kỳ thực tập (kiến tập) ?

N.T.H.M: “Em thường chuẩn bị về kiến thức chuyên môn, các kỹ năng soạn giáo án, trình bày bảng, ...”

Đ.T.V: “ Em chuẩn bị về các kiến thức chuyên ngành, công tác chủ nhiệm, các bước lên lớp.”

T.H.Q: “Với em kiến thức chuyên ngành là quan trọng nhất, kỹ năng soạn giáo án và công tác chủ nhiệm lớp”

**Câu 2:** Nhà trường đã chuẩn bị những gì cho sinh viên trước kỳ thực tập (kiến tập)?

Rèn luyện phát âm và kỹ năng viết bảng; hướng dẫn SV quy trình tập giảng theo từng môn; giới thiệu chương trình môn học ở trường phổ thông; kỹ năng soạn giáo án; xây dựng tiết dạy mẫu; tổ chức rút kinh nghiệm; hướng dẫn SV sử dụng phương tiện dạy học, ...

**Câu 3:** Trong quá trình thực tập (kiến tập), bạn thường gặp những khó khăn tâm lý nào?

Sinh viên M. (sinh viên sư phạm tin học): “Đứng lớp em rất bình tĩnh, cái yếu là xử lý tình huống tại lớp chưa được như ý muốn”.

Sinh viên T.V cho biết: “Tụi em đi kiến tập, chủ yếu là dự giờ học hỏi nhưng để dự giờ rút kinh nghiệm thì phải soạn giáo án trước khi dự giờ. Những giáo án này đều được giáo viên bộ môn chấm điểm. Chính vì thế, SV nhất thiết phải học Phương pháp giảng dạy để biết cách soạn giáo án, biết các bước tiến hành khi lên lớp và để quan sát giáo viên hướng dẫn chuyên môn. Đó là chưa nói tới việc kiến

thức chuyên môn không đáp ứng đủ khi soạn giáo án (vì bài đó dưới đại học chưa học, nên SV nghiên cứu chưa sâu). Thêm vào đó, tụi em đã học môn rèn nghiệp vụ sư phạm nhưng đa số lớp các lớp khác đều chưa học ”.

K.H – SV Ngữ văn tâm sự: “Năm nào cũng vậy, cứ vào khoảng cuối tháng mười đầu tháng mười một là các bạn sinh viên trong trường lại xôn xao đợt kiến tập sư phạm. Nhớ khi còn là sinh viên năm nhất, nhìn các anh chị khóa trên đi kiến tập mà em thấy nôn nao. Lúc ấy em cứ ước thời gian trôi thật nhanh để sớm được đi như thế. Cứ nghĩ đến việc sẽ được mặc áo dài thật đẹp, được dự chào cờ chung với các thầy cô, được mấy chục đứa học sinh gọi là cô và nhìn mình bằng cặp mắt ngưỡng mộ em đã thấy vô cùng sung sướng...”

Sinh viên B.H: “Đi thực tập, khi đứng lớp dạy em thường mang nặng tâm lý là truyền đạt đúng và hết những gì đã chuẩn bị trong giáo án nên khi gặp những tình huống bất ngờ em không biết phải xử lý như thế nào”.

Câu 4: Bạn đã có những kỉ niệm đáng nhớ nào hoặc gặp những tình huống khó xử nào mà bạn nhớ nhất khi đi thực tập (kiến tập)?

Sinh viên L.H ngành văn kể: “Một lần lên lớp giảng đoạn trích "Hạnh phúc của một tang gia" của Vũ Trọng Phụng, khi hỏi về niềm vui của cô Tuyết trong đám tang, em đã nhận được câu trả lời của một em nữ sinh: "Thưa thầy, Tuyết vui vì hôm đó cô có dịp được mặc bộ...coóc-xê ạ!" (tên đúng là bộ Ngây thơ). Tình huống quá bất ngờ, em chỉ biết đứng cười và đỏ mặt vì ngượng, cô hướng dẫn cũng cười. Còn lớp thì khỏi nói, hôm đó đã có một trận cười hả hê.”

Sinh viên T.T kể lại câu chuyện của sinh viên H.M cùng đoàn thực tập, sinh viên H.M là một nam SV có ngoại hình và dù đi thực tập nhưng vẫn mặc những bộ đồ rất “xì –tin”, cách nói chuyện với học sinh rất thoải mái. Vì vậy mà học sinh cũng có vẻ rất thích anh chàng này nhất là học sinh nữ, nhưng cũng chính vì vậy mà H.M hay gặp những tình huống khó xử, những tin nhắn “tỏ tình” từ những học sinh của mình.

**Phụ lục 5**

**BIÊN BẢN PHỎNG VẤN**

**(Dành cho giáo viên)**

Xin thầy/cô vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân:

- Thâm niên công tác:
- Thâm niên hướng dẫn sinh viên thực tập:
- Môn phụ trách giảng dạy:

**Câu 1:** Thầy/cô đánh giá như thế nào về công tác tổ chức thực tập (kiến tập) cho sinh viên khoa Sư phạm (nêu những ưu điểm, khuyết điểm)?

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 2:** Theo thầy/cô, trong quá trình thực tập (kiến tập) sinh viên thường gặp những khó khăn tâm lý nào khi giải quyết tình huống sư phạm?

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 3:** Theo thầy/cô, khó khăn tâm lý nào ảnh hưởng nhiều nhất đến quá trình giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên? Tại sao?

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 4:** Theo thầy/cô, những nguyên nhân nào gây nên những khó khăn tâm lý trong quá trình giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên khi thực tập (kiến tập)?

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 5:** Thầy/cô có những đề xuất gì đối với nhà trường, giảng viên và sinh viên để hạn chế những khó khăn tâm lý trên?

.....

.....

.....

.....

.....

**Phụ lục 6**  
**MỘT SỐ BẢNG BIỂU**

***Bảng 2.16: Khảo sát giáo viên về KKTL về mặt nhận thức của sinh viên trong việc giải quyết tình huống sư phạm***

<b>Khó khăn</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Không bao giờ (%)</b>	<b>Hiếm khi (%)</b>	<b>Thỉnh thoảng (%)</b>	<b>Thường xuyên (%)</b>	<b>Rất thường xuyên (%)</b>	<b>ĐTB</b>	<b>Thứ hạng</b>
1	Vốn kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm còn hạn chế.	0.0	0.0	0.0	85.0	15.0	4.15	3
2	Hiểu biết về tâm sinh lý và trình độ của học sinh còn ít.	0.0	0.0	0.0	55.0	45.0	4.45	1
3	Khả năng liên tưởng, sàng lọc và xác định phương án giải quyết tình huống tối ưu nhất còn hạn chế	0.0	0.0	35.0	60.0	5.0	3.70	4
4	Chưa nắm được các nguyên tắc giải quyết một tình huống SP	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	4.25	2
5	Hiểu biết về các môn khoa học chuyên ngành chưa cao.	0.0	25.0	30.0	40.0	5.0	3.25	7
6	Chưa thích ứng với môi trường và tổ chức hoạt động của trường phổ thông	0.0	0.0	55.0	45.0	0.0	3.45	5
7	Động cơ chọn nghề chưa đúng theo nguyện vọng	0.0	5.0	55.0	40.0	0.0	3.35	6
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>3.80</b>						

**Bảng 2.17: Khảo sát giáo viên về KKTL về mặt thái độ của sinh viên trong việc giải quyết tình huống sư phạm**

Khó khăn	Nội dung	Không bao giờ (%)	Hiếm khi (%)	Thỉnh thoảng (%)	Thường xuyên (%)	Rất thường xuyên (%)	ĐTB	Thứ hạng
8	Nhu cầu giải quyết tình huống SP và hình thành kỹ năng giải quyết tình huống SP còn thấp	0.0	0.0	40.0	50.0	10.0	3.70	1
9	Chưa thực sự có hứng thú giải quyết tình huống SP	0.0	0.0	55.0	40.0	5.0	3.50	4
10	E ngại khi phải xuất hiện trước tập thể	0.0	5.0	30.0	60.0	5.0	3.65	3
11	Hồi hộp, lo lắng trước sự xuất hiện của tình huống SP cần giải quyết nhanh	0.0	0.0	50.0	50.0	0.0	3.50	4
12	Mặc cảm khi phải đóng vai là người GV	0.0	30.0	35.0	35.0	0.0	3.05	7
13	Sợ mắc sai lầm khi giải quyết tình huống SP	0.0	25.0	35.0	35.0	5.0	3.20	6
14	Thiếu kiên nhẫn khi giải quyết tình huống SP khó	0.0	20.0	15.0	40.0	25.0	3.70	1
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>3.47</b>						

**Bảng 2.18: Khảo sát giáo viên về KKTL về mặt hành vi của sinh viên trong việc giải quyết tình huống sư phạm**

Khó khăn	Nội dung	Không bao giờ (%)	Hiếm khi (%)	Thỉnh thoảng (%)	Thường xuyên (%)	Rất thường xuyên (%)	ĐTB	Thứ hạng
15	Còn thụ động trong giải quyết tình huống SP	0.0	0.0	50.0	50.0	0.0	3.97	1
16	Ứng xử trong giải quyết tình huống SP kém linh hoạt	0.0	0.0	50.0	45.0	5.0	3.77	2
17	Hành vi lúng túng, thiếu tự tin khi giải quyết tình huống SP	0.0	5.0	35.0	55.0	5.0	3.67	3
18	Hành vi bột phát, ngẫu nhiên khi giải quyết tình huống SP	0.0	35.0	35.0	30.0	0.0	3.21	7
19	Khả năng tự kiểm tra, tự điều chỉnh hành vi ứng xử yếu	0.0	0.0	50.0	50.0	0.0	3.57	5
20	Hoạt động ngôn ngữ nói của SV còn hạn chế	0.0	40.0	50.0	10.0	0.0	3.27	6
21	Khả năng huy động kiến thức vào việc giải quyết tình huống Sp chưa cao	0.0	0.0	50.0	45.0	5.0	3.67	3
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>3.59</b>						

Bảng 2.19: Khảo sát giáo viên về những nguyên nhân khách quan

TT	Nguyên nhân khách quan	Hoàn toàn không đúng (%)	Không đúng (%)	Phân vân (%)	Đúng (%)	Rất đúng (%)	ĐTB	Thứ hạng
1	Chương trình đào tạo các môn nghiệp vụ SP còn nặng về lý thuyết	0.0	5.0	40.0	40.0	15.0	3.65	4
2	Tài liệu hướng dẫn, tham khảo để hình thành kĩ năng giải quyết tình huống SP còn ít	0.0	0.0	45.0	55.0	0.0	3.55	7
3	Điều kiện, phương tiện, cơ sở vật chất để rèn luyện nghiệp vụ SP còn hạn chế	0.0	25.0	25.0	40.0	10.0	3.35	8
4	Tình huống SP diễn ra phức tạp, bất ngờ, nhiều mâu thuẫn	0.0	0.0	40.0	60.0	0.0	3.60	6
5	Thời gian dành cho việc rèn luyện nghiệp vụ SP còn ít	0.0	20.0	20.0	35.0	25.0	3.65	4
6	Chưa có sự tương thích giữa chương trình học và thực tế	0.0	5.0	20.0	45.0	30.0	4.00	2
7	Chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường và đơn vị thực tập	0.0	5.0	25.0	50.0	20.0	3.85	3
8	Do chưa yên tâm với nghề mà mình đang học (ra trường chưa xin được việc làm ngay)	0.0	0.0	0.0	65.0	35.0	4.35	1
9	Do không có khả năng hoạt động tập thể	0.0	15.0	45.0	35.0	5.0	3.30	9
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>3.70</b>						



**Bảng 2.20: Khảo sát giáo viên về những nguyên nhân chủ quan**

TT	Nguyên nhân chủ quan	Hoàn toàn không đúng (%)	Không đúng (%)	Phân vân (%)	Đúng (%)	Rất đúng (%)	ĐTB	Thứ hạng
1	SV chưa tích cực học tập tích lũy kinh nghiệm và vốn hiểu biết về hoạt động sư phạm	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	4.40	1
2	SV chưa tiếp xúc nhiều với HS	0.0	0.0	0.0	65.0	35.0	4.35	2
3	SV chưa được làm quen với các phương pháp tư duy SP	0.0	0.0	10.0	50.0	40.0	4.30	3
4	SV chưa hiểu biết đầy đủ về vai trò và ý nghĩa của hoạt động rèn luyện nghiệp vụ SP	0.0	0.0	0.0	85.0	15.0	4.15	6
5	Còn thờ ơ, chưa say mê rèn kỹ năng giải quyết tình huống SP	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	4.25	4
6	Mặc cảm, sợ mất uy tín trước bạn bè	0.0	0.0	60.0	40.0	0.0	3.40	8
7	Chưa có kinh nghiệm trong xử lý tình huống SP	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	4.25	4
8	Có phong cách độc đoán hoặc tự do trong giao tiếp với HS	0.0	25.0	60.0	15.0	0.0	2.90	12
9	Bản thân chưa đáp ứng được các đòi hỏi cần sự chuẩn mực trong nguyên tắc ứng xử	0.0	25.0	30.0	45.0	0.0	3.20	10
10	Mặc cảm về ngoại hình hoặc dị tật phát âm của bản thân	0.0	35.0	25.0	40.0	0.0	3.05	11
11	Năng lực học tập các môn học chuyên ngành còn hạn chế	0.0	5.0	50.0	45.0	0.0	3.40	8
12	SV chưa có tinh thần cầu thị, học hỏi	0.0	10.0	20.0	70.0	0.0	3.60	7
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>3.77</b>						

**Bảng 2.21: Thống kê kết quả đánh giá của sinh viên  
đối với nhóm biện pháp của nhà trường**

<b>TT</b>	<b>Biện pháp khắc phục khó khăn</b>	<b>Hoàn toàn không cần thiết (%)</b>	<b>Không cần thiết (%)</b>	<b>Có cũng được không cũng được (%)</b>	<b>Cần thiết (%)</b>	<b>Rất cần thiết (%)</b>	<b>ĐTB</b>	<b>Thứ hạng</b>
1	Tăng số tiết học phần Rèn luyện nghiệp vụ SP	1.2	5.2	10.3	47.0	36.2	4.12	7
2	Chú trọng nhiều hơn đến kiến thức thực hành của các môn khoa học SP	0.5	3.2	5.4	55.4	35.5	4.22	3
3	Tổ chức thường xuyên, liên tục, có chiều sâu các hoạt động rèn nghiệp vụ SP cho SV	0.5	1.7	9.6	54.9	33.3	4.19	5
4	Tạo điều kiện nhiều hơn cho SV tiếp xúc trực tiếp với trường phổ thông	0.7	3.0	4.4	43.6	48.3	4.36	1
5	Trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, tài liệu tham khảo, học tập liên quan đến việc rèn nghiệp vụ SP cho SV	1.0	1.5	8.4	47.0	42.1	4.28	2
6	Đưa học phần giao tiếp SP vào chương trình học của các ngành SP	0.5	2.0	15.5	41.6	40.4	4.19	5
7	Đoàn trường, phòng CTSV thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa có liên quan đến việc rèn nghiệp vụ SP cho SV	0.2	3.4	19.7	48.3	28.3	4.01	8
8	Nâng cao ý thức nghề nghiệp trong tương lai của SV	0.7	2.0	9.9	50.2	37.2	4.21	4
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>4.20</b>						

**Bảng 2.22: Thống kê kết quả đánh giá của sinh viên  
đối với nhóm biện pháp của giảng viên**

<b>TT</b>	<b>Biện pháp khắc phục khó khăn</b>	<b>Hoàn toàn không cần thiết (%)</b>	<b>Không cần thiết (%)</b>	<b>Có cũng được không cũng được (%)</b>	<b>Cần thiết (%)</b>	<b>Rất cần thiết (%)</b>	<b>ĐTB</b>	<b>Thứ hạng</b>
1	Thường xuyên đổi mới PP dạy học hướng vào mục tiêu hình thành kỹ năng cho SV	0.7	2.5	6.4	50.5	39.9	4.26	2
2	GV dạy các môn khoa học SP hướng dẫn, giúp đỡ SV nắm chắc lý thuyết và qui trình giải quyết tình huống SP	0.2	1.7	5.7	59.1	33.3	4.23	3
3	GV dạy các môn khoa học SP hướng dẫn, giúp đỡ SV vận dụng các tri thức đã học vào thực tế	0.5	1.5	7.1	52.5	38.4	4.27	1
4	Đổi mới việc kiểm tra, đánh giá các học phần khoa học SP	0.7	6.4	20.2	50.2	22.4	3.87	5
5	GV tự học, tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ đặc biệt những tri thức về khoa học SP	0.5	2.2	12.8	49.5	35.0	4.16	4
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>4.16</b>						

**Bảng 2.23: Thống kê kết quả đánh giá của sinh viên  
đôi với nhóm biện pháp của sinh viên**

TT	Biện pháp khắc phục khó khăn	Hoàn toàn không cần thiết (%)	Không cần thiết (%)	Có cũng được, không cũng được (%)	Cần thiết (%)	Rất cần thiết (%)	ĐTB	Thứ hạng
1	Chủ động học tập, nghiên cứu tài liệu, tích lũy kiến thức về nghiệp vụ SP	0.7	0.5	3.2	47.3	48.3	4.42	1
2	Thay đổi phương pháp học tập chủ động, tích cực hơn	0.2	1.2	4.9	59.9	33.7	4.26	2
3	Dành nhiều thời gian trong việc tự học các môn tâm lý học, giáo dục học, nghiệp vụ SP, ...	1.0	3.0	14.8	53.7	27.6	4.04	8
4	Tự sưu tầm các tình huống SP và cách giải quyết các tình huống SP đó trong thực tế	0.2	1.5	15.0	52.5	30.8	4.12	5
5	Tích cực, chủ động phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm, nhận xét trong các tiết học đặc biệt trong tiết nghiệp vụ SP	0.7	2.0	8.4	53.7	35.2	4.21	3
6	Chủ động liên hệ kiến thức các môn tâm lý học, giáo dục học, nghiệp vụ SP, ... trên lớp và thực tiễn	0.7	2.7	12.1	57.1	27.3	4.08	6
7	Xây dựng nhóm học tập để hỗ trợ nhau trong quá trình học	0.2	3.7	20.7	46.6	28.8	4.00	9
8	Tự tổ chức các buổi tập giảng cùng các bạn	0.2	3.0	12.8	45.3	38.7	4.19	4
9	Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, ngoại khóa	1.5	3.4	18.0	50.5	26.6	3.97	10
10	Tích cực tham gia hội thi Nghiệp vụ SP	0.7	2.7	16.3	51.5	28.8	4.05	7
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>4.06</b>						

**Bảng 2.24: Thống kê kết quả đánh giá của giảng viên  
đối với nhóm biện pháp của nhà trường**

<b>TT</b>	<b>Biện pháp khắc phục khó khăn</b>	<b>Hoàn toàn không cần thiết (%)</b>	<b>Không cần thiết (%)</b>	<b>Có cũng được không cũng được (%)</b>	<b>Cần thiết (%)</b>	<b>Rất cần thiết (%)</b>	<b>ĐTB</b>	<b>Thứ hạng</b>
1	Tăng số tiết học phần Rèn luyện nghiệp vụ SP	0.0	0.0	30.0	45.0	25.0	3.95	6
2	Chú trọng nhiều hơn đến kiến thức thực hành của các môn khoa học SP	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	4.40	2
3	Tổ chức thường xuyên, liên tục, có chiều sâu các hoạt động rèn nghiệp vụ SP cho SV	0.0	0.0	0.0	90.0	10.0	4.10	5
4	Tạo điều kiện nhiều hơn cho SV tiếp xúc trực tiếp với trường phổ thông	0.0	0.0	0.0	65.0	35.0	4.35	3
5	Trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, tài liệu tham khảo, học tập liên quan đến việc rèn nghiệp vụ SP cho SV	0.0	0.0	25.0	60.0	15.0	3.90	7
6	Đưa học phần giao tiếp SP vào chương trình học của các ngành SP	0.0	0.0	0.0	65.0	35.0	4.35	3
7	Đoàn trường, phòng CTSV thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa có liên quan đến việc rèn nghiệp vụ SP cho SV	0.0	0.0	35.0	55.0	10.0	3.75	8
8	Nâng cao ý thức nghề nghiệp trong tương lai của SV	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	4.42	1
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>4.15</b>						

**Bảng 2.25: Thống kê kết quả đánh giá của giảng viên  
đối với nhóm biện pháp của giảng viên**

<b>TT</b>	<b>Biện pháp khắc phục khó khăn</b>	<b>Hoàn toàn không cần thiết (%)</b>	<b>Không cần thiết (%)</b>	<b>Có cũng được không cũng được (%)</b>	<b>Cần thiết (%)</b>	<b>Rất cần thiết (%)</b>	<b>ĐTB</b>	<b>Thứ hạng</b>
1	Thường xuyên đổi mới PP dạy học hướng vào mục tiêu hình thành kỹ năng cho SV	0.0	0.0	0.0	65.0	35.0	4.35	2
2	GV dạy các môn khoa học SP hướng dẫn, giúp đỡ SV nắm chắc lý thuyết và qui trình giải quyết tình huống SP	0.0	0.0	0.0	70.0	30.0	4.30	3
3	GV dạy các môn khoa học SP hướng dẫn, giúp đỡ SV vận dụng các tri thức đã học vào thực tế	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	4.25	4
4	Đổi mới việc kiểm tra, đánh giá các học phần khoa học SP	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	4.25	4
5	GV tự học, tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ đặc biệt những tri thức về khoa học SP	0.0	0.0	0.0	55.0	45.0	4.45	1
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>4.32</b>						

**Bảng 2.26: Thống kê kết quả đánh giá của giảng viên  
đối với nhóm biện pháp của sinh viên**

TT	Biện pháp khắc phục khó khăn	Hoàn toàn không cần thiết (%)	Không cần thiết (%)	Có cũng được, không cũng được (%)	Cần thiết (%)	Rất cần thiết (%)	ĐTB	Thứ hạng
1	Chủ động học tập, nghiên cứu tài liệu, tích lũy kiến thức về nghiệp vụ SP	0.0	0.0	25.0	25.0	50.0	4.25	2
2	Thay đổi phương pháp học tập chủ động, tích cực hơn	0.0	0.0	0.0	55.0	45.0	4.45	1
3	Dành nhiều thời gian trong việc tự học các môn tâm lý học, giáo dục học, nghiệp vụ SP, ...	0.0	0.0	25.0	40.0	35.0	4.10	5
4	Tự sưu tầm các tình huống SP và cách giải quyết các tình huống SP đó trong thực tế	0.0	0.0	20.0	45.0	35.0	4.15	3
5	Tích cực, chủ động phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm, nhận xét trong các tiết học đặc biệt trong tiết nghiệp vụ SP	0.0	0.0	30.0	50.0	20.0	3.90	8
6	Chủ động liên hệ kiến thức các môn tâm lý học, giáo dục học, nghiệp vụ SP, ... trên lớp và thực tiễn	0.0	0.0	25.0	35.0	40.0	4.15	3
7	Xây dựng nhóm học tập để hỗ trợ nhau trong quá trình học	0.0	0.0	25.0	45.0	30.0	4.05	6
8	Tự tổ chức các buổi tập giảng cùng các bạn	0.0	0.0	35.0	40.0	25.0	3.90	8
9	Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, ngoại khóa	0.0	0.0	50.0	25.0	25.0	3.75	10
10	Tích cực tham gia hội thi Nghiệp vụ SP	0.0	0.0	40.0	20.0	40.0	4.00	7
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>4.07</b>						

**Bảng 2.27: KKTL trong việc giải quyết THSP giả định của SV**

Tình huống	KKTL về mặt nhận thức	KKTL về mặt thái độ	KKTL về mặt hành vi	Tổng
1	656 (48,10%)	236 (17,3%)	427 (34,6%)	1368 (100%)
2	360 (35,68%)	214 (21,21%)	435 (43,11%)	1009 (100%)
3	372 (39,70%)	168 (17,93%)	397 (42,37%)	937 (100%)
4	341 (31,93%)	234 (21,91%)	493 (46,16%)	1068 (100%)
5	387 (35,93%)	232 (21,54%)	458 (42,53%)	1077 (100%)